



**HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG HẠN MỨC**  
(Áp dụng đối với khách hàng  
doanh nghiệp, tổ chức)

Số Hợp đồng:  
01/2024/601139/HĐTD

Hợp đồng tín dụng hạn mức (“Hợp đồng”) này được lập ngày 11 tháng 07 năm 2024, tại trụ sở Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bà Rịa- Vũng Tàu, số 24 Trần Hưng Đạo, phường 1, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, giữa các bên sau đây:

**A. Bên cấp tín dụng: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam**

- Mã số doanh nghiệp: 0100150619;
- Trụ sở chính: Tháp BIDV, số 194 Trần Quang Khải, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam;
- Đơn vị trực tiếp quản lý khách hàng: Chi nhánh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Địa chỉ: 24 Trần Hưng Đạo, Phường 1, Tp.Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Điện thoại: 02543.626468;
- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh số: 0100150619-006 do Sở KH&ĐT tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 30/06/1993, đăng ký thay đổi lần 8 ngày 07/11/2023.
- Người đại diện: *Lê Mạnh Hùng* Chức vụ: Giám đốc
- Văn bản ủy quyền: số 3830/QĐ-BIDV ngày 01/07/2024 của Tổng Giám đốc - Người đại diện theo pháp luật Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

(Trong Hợp đồng này, “Bên cấp tín dụng” hoặc “Ngân hàng” có nghĩa là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, trong đó Đơn vị đại diện quản lý khách hàng, trực tiếp ký Hợp đồng và thực hiện các quyền, nghĩa vụ của Bên cấp tín dụng theo Hợp đồng này là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bà Rịa – Vũng Tàu. Các mục, điều khoản của Hợp đồng này dẫn chiếu đến Bên cấp tín dụng hoặc Ngân hàng được hiểu là dẫn chiếu đến Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bà Rịa – Vũng Tàu).

**B. Bên được cấp tín dụng: Công ty Cổ phần Xây dựng DIC Holdings (sau đây gọi là “Khách hàng”)**

- Địa chỉ: Tòa nhà Ruby Tower, Số 12 đường 3 tháng 2, phường 8, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
- Điện thoại: 0254. 3613518
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500686978, do Sở KH&ĐT tỉnh BR-VT cấp lần đầu ngày 28/01/2005; thay đổi lần thứ 23 ngày 30/06/2022.
- Tài khoản tiền gửi VND: 760.003385.7 tại BIDV Chi nhánh BR-VT.
- Người đại diện: Ông Lê Đình Thắng Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

Hai bên thỏa thuận ký kết Hợp đồng tín dụng này (bao gồm Điều khoản và Điều kiện cấp tín dụng) với các điều khoản sau:

**1. Hạn mức cấp tín dụng:**

a) Ngân hàng cấp cho Khách hàng hạn mức tín dụng thường xuyên với số tiền tối đa là: **570.000.000.000 VND** (Bằng chữ: Năm trăm bảy mươi tỷ đồng) gồm cả Việt Nam đồng và ngoại tệ quy đổi. Trong đó:

Hạn mức cho vay ngắn hạn, bảo lãnh thanh toán và mở L/C tối đa: **415.000.000.000 VND** (bằng chữ: Bốn trăm mười lăm tỷ đồng).

Hạn mức thấu chi tối đa: **15.000.000.000 VND** (bằng chữ: Mười lăm tỷ đồng)



Hạn mức bảo lãnh khác (không bao gồm bảo lãnh thanh toán): **570.000.000.000 VND** (Bằng chữ: Năm trăm bảy mươi tỷ đồng)

Hạn mức trên đã bao gồm toàn bộ dư nợ vay ngắn hạn, dư bảo lãnh, dư L/C của Khách hàng tại Ngân hàng được chuyển tiếp từ các Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể, Hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2023/601139/HĐTD ngày 12/01/2023 và các văn bản sửa đổi bổ sung/phụ lục hợp đồng tín dụng hạn mức (nếu có) sang.

b) Mục đích: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C.

c) Hạn mức tín dụng nêu tại Điểm a) trên đây là hạn mức cho vay, bảo lãnh và phát hành L/C cộng gộp. Trường hợp giảm mức dư nợ cho vay thì tăng mức cam kết bảo lãnh và/hoặc mức L/C, bảo đảm tại mọi thời điểm tổng dư nợ vay và số dư bảo lãnh của Khách hàng, số dư mở L/C (trừ phần ký quỹ) không vượt quá hạn mức tối đa tại Điểm a) nêu trên.

## **2. Thời hạn:**

a) Thời hạn cấp hạn mức: **12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng này.**

Trong thời hạn cấp hạn mức, Khách hàng được đề nghị Ngân hàng cấp tín dụng với các mục đích và trong hạn mức tại Mục 1 nêu trên. Trường hợp ngày kết thúc thời hạn cấp hạn mức là ngày nghỉ, các bên thỏa thuận và thống nhất Khách hàng được đề nghị Ngân hàng cấp tín dụng theo Hợp đồng này chậm nhất là ngày làm việc tiếp theo ngày kết thúc thời hạn.

b) Thời hạn cho vay/thời hạn bảo lãnh/thời hạn L/C, lãi suất, phí được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể, Hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể, L/C được phát hành.

## **3. Biện pháp bảo đảm:**

Các thỏa thuận về biện pháp bảo đảm được ghi nhận và thực hiện theo Hợp đồng này, các Hợp đồng cầm cố/thế chấp/bảo lãnh/ký quỹ hoặc các hợp đồng, thỏa thuận khác (gọi chung là Hợp đồng bảo đảm) được giao kết giữa Ngân hàng và Khách hàng/Bên thứ ba trước ngày, cùng ngày và sau ngày ký kết Hợp đồng này mà Điều khoản về Phạm vi bảo đảm của Hợp đồng bảo đảm bao gồm (một cách cụ thể hoặc bao quát) các nghĩa vụ phát sinh từ hoặc có liên quan đến Hợp đồng này. Trường hợp bảo đảm bằng tài sản của Bên thứ ba thì Hợp đồng bảo đảm không bắt buộc phải có sự tham gia ký kết của Khách hàng.

## **4. Tính thống nhất với Điều khoản và điều kiện cấp tín dụng:**

Các nội dung tại bản Điều khoản và điều kiện cấp tín dụng kèm theo Hợp đồng tín dụng hạn mức này là một bộ phận không tách rời của Hợp đồng này. Khách hàng đã đọc, hiểu và chấp thuận tuân thủ đầy đủ các nội dung tại bản Điều khoản và điều kiện cấp tín dụng cũng như các sửa đổi, bổ sung thay thế.

## **5. Luật áp dụng, giải quyết tranh chấp:**

a) Hợp đồng này được lập và điều chỉnh theo pháp luật Việt Nam.

b) Mọi tranh chấp phát sinh trong quá trình vay vốn được giải quyết trên cơ sở thương lượng giữa hai bên. Trường hợp không thương lượng được, các bên có quyền khởi kiện đề bảo vệ quyền lợi của mình. Hai bên thống nhất Tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp là Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

## **6. Hiệu lực của Hợp đồng:**

a) Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ký và kết thúc khi:

(i) Hai Bên thỏa thuận chấm dứt; hoặc

(ii) Theo các quy định tại Hợp đồng này và Khách hàng đã thanh toán đầy đủ và toàn bộ các nghĩa vụ phát sinh từ hoặc có liên quan đến Hợp đồng này, đồng thời thời hạn cấp hạn mức tại Mục 2 đã hết.



b) Hợp đồng này có giá trị pháp lý ràng buộc đối với tất cả cá nhân, pháp nhân, tổ chức kế thừa quyền và nghĩa vụ của mỗi Bên theo quy định của pháp luật, thỏa thuận với Ngân hàng và/hoặc quy định nội bộ của Ngân hàng (bao gồm nhưng không giới hạn chia, tách Phòng Giao dịch, chia, tách Chi nhánh, thay đổi Chi nhánh/Phòng giao dịch quản lý khách hàng...).

c) Các văn bản, tài liệu liên quan đến Hợp đồng này là bộ phận kèm theo có giá trị pháp lý theo Hợp đồng.

d) Việc sửa đổi, bổ sung các nội dung tại Hợp đồng này phải được cả hai bên thỏa thuận bằng văn bản do đại diện có thẩm quyền của hai bên ký (trừ trường hợp thay đổi lãi suất). Những sửa đổi, bổ sung đó có hiệu lực thay thế, bổ sung các nội dung tương ứng trong Hợp đồng này.

e) Trong trường hợp do có sự thay đổi về luật pháp, quy định hiện hành làm cho một hoặc một số nội dung quy định tại Hợp đồng này không thực hiện được hoặc vô hiệu thì Hợp đồng này vẫn có hiệu lực đối với những nội dung còn lại. Ngân hàng và Khách hàng sẽ cùng xem xét, sửa đổi, bổ sung những nội dung không thực hiện được hoặc vô hiệu cho phù hợp.

f) Hợp đồng này và bản Điều khoản và điều kiện cấp tín dụng được lập thành 03 bản gốc, có giá trị pháp lý như nhau: Ngân hàng giữ 02 bản, Khách hàng giữ 01 bản. Các bên xác nhận rằng đã đọc, đã hiểu, đồng ý và thống nhất toàn bộ nội dung Hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện cấp tín dụng, cùng ký Hợp đồng làm căn cứ thực hiện.

*\* Khách hàng xác nhận trước khi ký Hợp đồng này, Khách hàng đã nhận được đầy đủ thông tin về lãi suất cho vay, lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc bị quá hạn, lãi suất áp dụng đối với lãi chậm trả, phương pháp tính lãi tiền vay, loại phí và mức phí áp dụng đối với khoản vay, các tiêu chí xác định khách hàng vay vốn theo lãi suất cho vay và các thông tin khác có liên quan đến toàn bộ nội dung Hợp đồng này.*

*\* Khách hàng xác nhận trước khi ký Hợp đồng này, Khách hàng đã được Ngân hàng cung cấp đầy đủ thông tin về Hợp đồng theo mẫu, điều khoản và điều kiện cho vay.*

ĐẠI DIỆN KHÁCH HÀNG  
(Họ, tên, chức vụ, ký, đóng dấu)



CHỦ TỊCH HĐQT

Lê Đình Thắng

ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG  
(Họ, tên, chức vụ, ký, đóng dấu)



CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH  
Số chứng thực 022610 Quyền số: 01-SC17B5

Lê Mạnh Hùng

10-12-2024



CÔNG CHỨNG VIÊN  
NGUYỄN THỊ NGÂN



## ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CẤP TÍN DỤNG

(đính kèm Hợp đồng tín dụng hạn mức)

### Điều 1. Giải thích từ ngữ

1. **Cấp tín dụng theo hạn mức:** là hình thức cấp tín dụng mà Ngân hàng và Khách hàng thoả thuận và xác định một mức dư nợ cho vay tối đa được duy trì trong một khoảng thời gian nhất định. Hạn mức tín dụng này bao gồm mức cho vay bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Trong khoảng thời gian đó, tổng dư nợ vay, bảo lãnh và L/C tại mọi thời điểm không được vượt quá hạn mức tín dụng được cấp. Tùy theo nhu cầu của Khách hàng, khi phát sinh quan hệ cho vay, bảo lãnh, L/C, Khách hàng cam kết tuân thủ các quy định liên quan, tương ứng tại bản Điều khoản và điều kiện cấp tín dụng này và các quy định khác có liên quan của Ngân hàng.

2. **Cam kết bảo lãnh:** Là văn bản của Ngân hàng hoặc thỏa thuận giữa Ngân hàng với Bên nhận bảo lãnh về việc sẽ thực hiện nghĩa vụ tài chính thay cho Khách hàng khi Khách hàng không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ đã cam kết với Bên nhận bảo lãnh, bao gồm Thư bảo lãnh hoặc Hợp đồng bảo lãnh.

3. **Tài khoản tiền gửi:** Là tài khoản tiền gửi thanh toán, tài khoản tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các tài khoản tiền gửi khác.

### Điều 2. Các quy định liên quan đến việc phát hành bảo lãnh/L/C

#### 1. Nguyên tắc phát hành L/C:

a) Trường hợp Khách hàng có nhu cầu phát hành L/C, Khách hàng gửi Đơn đề nghị phát hành L/C cho Ngân hàng.

b) L/C được phát hành dựa trên cơ sở của hợp đồng thương mại đã ký giữa Khách hàng và người thụ hưởng L/C. Sau khi được phát hành, L/C hoàn toàn độc lập với hợp đồng thương mại. Ngân hàng chỉ làm việc trên bề mặt các chứng từ đã quy định trong L/C đã phát hành, không chịu trách nhiệm về sự khớp đúng giữa nội dung chứng từ và tình trạng thực tế của hàng hoá/dịch vụ mà chứng từ đề cập tới. Mọi tranh chấp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm của Khách hàng và người thụ hưởng L/C sẽ được giải quyết theo hợp đồng thương mại.

c) L/C được phát hành theo đề nghị của khách hàng và phù hợp với thông lệ quốc tế.

d) Khi có nhu cầu sửa đổi L/C, Khách hàng phải chuyển cho Ngân hàng Giấy đề nghị sửa đổi L/C và các tài liệu cần thiết cho mỗi lần sửa đổi. Phần chấp nhận của Ngân hàng trên Giấy đề nghị sửa đổi L/C là cơ sở ràng buộc trách nhiệm giữa Ngân hàng và Khách hàng và là một bộ phận không tách rời của Hợp đồng tín dụng hạn mức.

#### 2. Nguyên tắc phát hành bảo lãnh:

a) Trong thời hạn của hạn mức tín dụng theo Hợp đồng tín dụng hạn mức, Khách hàng có thể đề nghị Ngân hàng phát hành nhiều loại bảo lãnh và Cam kết bảo lãnh.

b) Khi có nhu cầu bảo lãnh, Khách hàng gửi đến Ngân hàng Giấy đề nghị cấp bảo lãnh kèm hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể, đồng thời cung cấp cho Ngân hàng các tài liệu cần thiết cho mỗi lần đề nghị bảo lãnh đó theo yêu cầu của Ngân hàng.

c) Ngân hàng phát hành Thư bảo lãnh, hoặc ký kết Hợp đồng bảo lãnh với Bên nhận bảo lãnh, hoặc xem xét, chấp thuận phát hành theo Phụ lục kèm theo Giấy đề nghị cấp bảo lãnh của từng lần cụ thể (nếu có) khi Khách hàng đã hoàn thành các điều kiện, thủ tục theo quy định của Ngân hàng.

d) Giấy đề nghị cấp bảo lãnh kèm hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể đã có phần duyệt của Ngân hàng và Thư bảo lãnh/Hợp đồng bảo lãnh phát hành kèm theo là các bộ phận không tách rời của Hợp đồng tín dụng hạn mức.

e) Khách hàng có nhu cầu gia hạn, sửa đổi Thư bảo lãnh/Hợp đồng bảo lãnh phải chuyển cho Ngân hàng Giấy đề nghị gia hạn, sửa đổi bảo lãnh theo Giấy đề nghị cấp bảo lãnh kèm hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể của từng lần bảo lãnh. Phần chấp nhận của Ngân hàng trên Giấy đề nghị gia hạn/sửa đổi bảo lãnh của Khách hàng là cơ sở ràng buộc trách nhiệm giữa Ngân hàng và Khách hàng là bộ phận không tách rời của Hợp đồng tín dụng hạn mức.

#### 3. Phương thức thực hiện nghĩa vụ theo L/C/Cam kết bảo lãnh đã phát hành:

a) Khi đến hạn thanh toán theo L/C, Khách hàng phải thanh toán ngay cho Người thụ hưởng.

b) Khi có văn bản yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh của Bên nhận bảo lãnh, Khách hàng phải trả ngay số tiền được bảo lãnh theo



## ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CẤP TÍN DỤNG

(đính kèm Hợp đồng tín dụng hạn mức)

yêu cầu của Bên nhận bảo lãnh. Ngân hàng không chịu trách nhiệm và không có nghĩa vụ phải xác minh các căn cứ và tài liệu chứng minh của Bên nhận bảo lãnh (nếu có). Việc phải trả ngay số tiền được bảo lãnh/L/C của Khách hàng là vô điều kiện. Tranh chấp giữa Khách hàng và Bên nhận bảo lãnh do các bên tự giải quyết.

c) Nếu Khách hàng không chủ động trả hoặc trả không đủ, Ngân hàng được quyền quyết định việc áp dụng độc lập hoặc kết hợp các biện pháp phong tỏa/tự động trích/thực hiện thủ tục tất toán tài khoản tiền gửi của Khách hàng tại Ngân hàng (bao gồm các Chi nhánh trong hệ thống Ngân hàng) để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh/L/C.

4. Nhận nợ và hoàn trả nợ đối với nghĩa vụ theo L/C/ngĩa vụ bảo lãnh đã thực hiện:

a) Trong trường hợp Ngân hàng áp dụng các biện pháp quy định tại Khoản 3 Điều này mà vẫn không đủ tiền trả cho Người thụ hưởng L/C/Bên nhận bảo lãnh thì Ngân hàng sẽ trả nợ thay và tự động hạch toán chuyển thành nợ vay bắt buộc cho Khách hàng. Số tiền nhận nợ vay bắt buộc bao gồm toàn bộ số tiền bảo lãnh/L/C và các khoản lãi, tiền phạt phát sinh theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có).

b) Khách hàng có trách nhiệm hoàn trả ngay trong ngày số tiền mà Ngân hàng đã trả thay. Trường hợp Khách hàng không hoàn trả được ngay, Khách hàng phải chịu lãi suất nợ quá hạn theo thông báo của Ngân hàng đối với khoản nợ này cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ thanh toán.

c) Sau khi thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho Khách hàng, Ngân hàng được quyền áp dụng một, một số hoặc tất cả các biện pháp cần thiết để thu hồi nợ gốc, lãi và các khoản chi phí liên quan.

d) Việc thực hiện nghĩa vụ L/C thay cho Khách hàng/thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh của Ngân hàng trong mọi trường hợp được xác định là có đầy đủ căn cứ pháp lý và Khách hàng phải có nghĩa vụ nhận nợ và hoàn trả số tiền như nêu trên.

5. Việc thu nợ bảo lãnh/L/C của Ngân hàng trong mọi trường hợp bao gồm nhưng không giới hạn (i) quyết định việc áp dụng độc lập hoặc kết hợp các biện pháp phong tỏa/tự động trích/thực hiện thủ tục tất toán tài khoản tiền gửi của Khách hàng mở tại Ngân hàng

hoặc các tổ chức tín dụng khác; (ii) xử lý tài sản bảo đảm (bao gồm cả số tiền ký quỹ); (iii) áp dụng các biện pháp khác để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

6. Các trường hợp chấm dứt nghĩa vụ bảo lãnh:

a) Nghĩa vụ của Khách hàng chấm dứt.

b) Nghĩa vụ bảo lãnh đã được thực hiện theo đúng cam kết bảo lãnh.

c) Việc bảo lãnh được hủy bỏ theo thỏa thuận của Ngân hàng và bên nhận bảo lãnh.

d) Cam kết bảo lãnh đã hết hiệu lực.

e) Bên nhận bảo lãnh miễn thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho Ngân hàng.

f) Theo thỏa thuận của các bên.

g) Hợp đồng có nghĩa vụ được bảo lãnh vô hiệu mà các bên chưa thực hiện hợp đồng đó.

h) Trong các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 3. Điều kiện trước khi giải ngân, phát hành bảo lãnh và L/C.**

1. Trước khi giải ngân, phát hành cam kết bảo lãnh, L/C, Khách hàng phải:

a) Cung cấp cho Ngân hàng đầy đủ các chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn, hồ sơ và chứng từ phát hành thư bảo lãnh, LC hợp lệ theo yêu cầu của Ngân hàng, trừ trường hợp Ngân hàng có sự chấp thuận khác.

b) Mục đích vay vốn, phát hành cam kết bảo lãnh, L/C theo đề nghị của Khách hàng, theo nhận định của Ngân hàng, là (i) hợp pháp, và (ii) không tồn tại, tiếp diễn nguy cơ rủi ro mất hoặc khó có khả năng thu hồi một phần hoặc toàn bộ tiền vay.

c) Không xảy ra, tiếp diễn hoặc đang tồn tại bất kỳ sự kiện nào dẫn đến việc Ngân hàng chấm dứt cấp tín dụng.

d) Không xảy ra, tiếp diễn hoặc đang tồn tại bất kỳ sự kiện biến động thị trường hoặc các yếu tố khác làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính, khả năng cấp tín dụng, nguồn vốn, giới hạn cấp tín dụng của Ngân hàng.

e) Không xảy ra, tiếp diễn hoặc đang tồn tại hoặc tiềm tàng tranh chấp trong nội bộ Khách hàng.

f) Khách hàng đồng ý với mức lãi suất của Ngân hàng hoặc các bên thỏa thuận được lãi suất tại thời điểm giải ngân.



## ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CẤP TÍN DỤNG

(đính kèm Hợp đồng tín dụng hạn mức)

g) Khách hàng đáp ứng và thực hiện đúng, đầy đủ các điều kiện cấp tín dụng được nêu trong Thông báo cấp tín dụng của Ngân hàng cho Khách hàng.

h) Các biện pháp bảo đảm đã được thực hiện hoàn tất theo yêu cầu của Ngân hàng, trừ trường hợp Ngân hàng có sự chấp thuận khác.

i) Ngày giải ngân phải nằm trong thời hạn giải ngân, trừ trường hợp Ngân hàng có sự chấp thuận khác.

j) Việc giải ngân phù hợp với lịch giải ngân dự kiến do Khách hàng thông báo và được Ngân hàng chấp thuận trong trường hợp Ngân hàng yêu cầu Khách hàng phải thông báo trước lịch giải ngân cho Ngân hàng.

k) Nếu giải ngân bằng ngoại tệ thì Khách hàng phải đáp ứng tất cả các yêu cầu theo quy định pháp luật về quản lý ngoại hối. Tỷ giá quy đổi từ loại tiền cấp tín dụng về loại tiền giải ngân do Ngân hàng quyết định trên cơ sở phù hợp với các quy định về quản lý tỷ giá của pháp luật.

l) Nếu việc giải ngân bằng tiền mặt thì Khách hàng phải đáp ứng tất cả các quy định của pháp luật và của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam khi được Ngân hàng giải ngân bằng tiền mặt.

m) Thực hiện tất cả các yêu cầu, điều kiện tiên quyết khác theo thỏa thuận với Ngân hàng.

2. Khách hàng được rút vốn vay nhiều lần trong suốt thời hạn được Ngân hàng cấp hạn mức. Mỗi lần rút vốn vay, Khách hàng và Ngân hàng sẽ ký Giấy đề nghị giải ngân kèm Hợp đồng tín dụng cụ thể. Ngân hàng sẽ từ chối ký Hợp đồng tín dụng cụ thể khi Khách hàng không đảm bảo được các điều kiện để cho vay theo quy định của Ngân hàng và pháp luật.

3. Đối với các L/C/bảo lãnh thanh toán đã mở theo Hợp đồng tín dụng hạn mức và Hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể mà thời hạn rút vốn của Hợp đồng tín dụng hạn mức đã hết, Khách hàng vẫn có quyền được rút vốn vay để thanh toán L/C/bảo lãnh thanh toán và thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo Hợp đồng tín dụng hạn mức, Hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể.

4. Tổng dư nợ tối đa trong các lần rút vốn vay không được vượt quá hạn mức cho vay (nếu có)/hạn mức tín dụng Ngân hàng đã cấp cho khách hàng.

### Điều 4. Trả nợ gốc, lãi:

#### 1. Lịch trả nợ:

a) Kế hoạch trả nợ và thời điểm tính lãi của từng khoản nợ được xác định tại các Hợp đồng tín dụng cụ thể.

b) Phương thức tính lãi tiền vay (áp dụng cho cả việc tính lãi quá hạn): Tiền lãi được tính trên số dư nợ vay nhân (x) với số ngày duy trì nợ vay thực tế nhân (x) với lãi suất năm chia (:)  
365.

#### 2. Phương thức trả nợ:

a) Khi bất cứ một món nợ nào (gốc, lãi, phí) đến hạn, Khách hàng chủ động trả nợ cho Ngân hàng hoặc Ngân hàng được quyền quyết định việc áp dụng độc lập hoặc kết hợp các biện pháp phong tỏa/tự động trích/Thực hiện thủ tục tất toán tài khoản tiền gửi của Khách hàng tại Ngân hàng (bao gồm các Chi nhánh trong hệ thống Ngân hàng) để thu nợ.

b) Trường hợp Khách hàng có tài khoản tiền gửi tại tổ chức tín dụng khác thì Ngân hàng được quyền đề nghị phong tỏa và băng Hợp đồng này, Khách hàng ủy quyền cho Ngân hàng được lập uỷ nhiệm thu để đề nghị phong tỏa/trích/Thực hiện thủ tục tất toán tài khoản tiền gửi của Khách hàng tại các tổ chức tín dụng đó để thu nợ. Sau khi thực hiện, Ngân hàng sẽ thông báo cho Khách hàng biết.

3. Khi có nguyên nhân khách quan không thanh toán được đầy đủ, đúng hạn nợ vay, Khách hàng có thể đề nghị bằng văn bản (theo mẫu của Ngân hàng) đề Ngân hàng xem xét điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ. Văn bản đề nghị của Khách hàng phải gửi cho Ngân hàng tối thiểu 10 ngày trước ngày đến hạn trả nợ..

4. Trường hợp Khách hàng không thanh toán đúng hạn nợ gốc và không được Ngân hàng gia hạn nợ, điều chỉnh kỳ hạn trả nợ hoặc thời gian gia hạn, điều chỉnh kỳ hạn trả nợ đã kết thúc thì Ngân hàng được quyền chuyển số dư nợ gốc đó sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất nợ quá hạn quy định tại Khoản 6 Điều này kể từ thời điểm dư nợ gốc bị chuyển nợ quá hạn.

5. Trường hợp Ngân hàng chấm dứt cho vay và thu hồi nợ trước hạn theo Khoản 4 Điều 9 và thông báo cho Khách hàng theo Khoản 5 Điều 9 của bản Điều khoản và điều kiện cấp tín dụng này, Ngân hàng có quyền chuyển toàn



## ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CẤP TÍN DỤNG

(đính kèm Hợp đồng tín dụng hạn mức)

bộ số dư nợ gốc còn lại mà khách hàng không trả được nợ trước hạn sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất nợ quá hạn quy định tại Khoản 6 Điều này kể từ thời điểm dư nợ gốc bị chuyển quá hạn.

6. Trường hợp khoản nợ vay bị chuyển nợ quá hạn theo quy định tại Khoản 4 và Khoản 5 trên đây, Khách hàng phải trả lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả với mức lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Trường hợp lãi suất trong hạn được điều chỉnh thì lãi suất nợ quá hạn sẽ tính theo mức lãi suất trong hạn đã được điều chỉnh.

Ngân hàng sẽ thông báo cho Khách hàng với các nội dung gồm số dư nợ gốc bị quá hạn, thời điểm chuyển nợ quá hạn và lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc bị quá hạn và Thông báo này là một bộ phận không tách rời của Hợp đồng hạn mức.

7. Đối với tiền lãi không trả đúng hạn, Khách hàng phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

8. Trường hợp ngày đến hạn trả nợ gốc, lãi vào ngày Ngân hàng không làm việc, thì ngày đến hạn sẽ là ngày làm việc liền sau đó.

9. Trả nợ trước hạn:

a) Ngân hàng có thể xem xét chấp thuận việc trả nợ trước hạn nếu Khách hàng có đề nghị bằng văn bản/mail/fax (theo thông tin kê khai tại Hợp đồng này) và được Ngân hàng chấp thuận. Đối với phương thức mail/fax, Khách hàng phải có trách nhiệm thông báo cho Ngân hàng ngay khi có thay đổi (bằng văn bản/mail/fax đã đăng ký).

Các Bên thống nhất rằng việc gửi theo phương thức mail/fax được xem là hoàn thành khi hệ thống/thiết bị từ phía Ngân hàng báo đã nhận thành công.

Trường hợp được Ngân hàng chấp thuận, Khách hàng phải chịu phí trả nợ trước hạn. Phí trả nợ trước hạn theo quy định tại Hợp đồng này, Hợp đồng tín dụng cụ thể hoặc Biểu phí của Ngân hàng trong từng thời kỳ.

b) Ngân hàng có quyền chủ động thu nợ trước hạn trong trường hợp (i) phát sinh Sự kiện vi phạm theo quy định tại Hợp đồng này;

hoặc (ii) theo yêu cầu của Ngân hàng để quản lý dòng tiền của dự án/phương án sử dụng vốn của Khách hàng. Trường hợp này, Ngân hàng không thu phí thu nợ trước hạn.

10. Nghĩa vụ thuế:

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng hạn mức, Hợp đồng tín dụng cụ thể, Hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể, nếu phát sinh nghĩa vụ nộp thuế của Khách hàng theo yêu cầu của cơ quan quản lý thuế thì thực hiện như sau:

a) Số tiền Khách hàng trả nợ gốc, lãi tiền vay và phí (nếu có) theo quy định tại Hợp đồng tín dụng hạn mức, Hợp đồng tín dụng cụ thể, Hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể không bị khấu trừ hoặc giữ lại để nộp bất kỳ khoản thuế, lệ phí hoặc khoản thu nào.

b) Khách hàng trả nợ gốc, lãi tiền vay theo quy định tại Hợp đồng tín dụng trước khi Khách hàng thực hiện nghĩa vụ nộp thuế theo yêu cầu của cơ quan quản lý thuế.

### Điều 5. Lãi suất và phí

1. Lãi suất: <sup>(1)</sup>

a) Lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ.

b) Trường hợp theo đề nghị của Khách hàng, Ngân hàng chấp thuận cho Khách hàng điều chỉnh kỳ hạn trả nợ/gia hạn nợ, Ngân hàng có quyền điều chỉnh mức lãi suất, phù hợp với quy định hiện hành của pháp luật và của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh kỳ hạn trả nợ/gia hạn nợ.

c) Ngân hàng được điều chỉnh lãi suất đột xuất do yêu cầu biến động lãi suất phù hợp với cơ chế điều hành lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Ngân hàng được quyền áp dụng điều khoản trên khi lãi suất cơ sở (LSCS) xác định lãi suất cho vay đang áp dụng cho khách hàng tại hợp đồng tín dụng hoặc thỏa thuận/thông báo lãi suất khoản vay gần nhất đang áp dụng với Khách hàng có chênh lệch từ 15% trở lên so với mức LSCS Ngân hàng công bố tại thời điểm điều chỉnh lãi suất cho vay.

2. Khi điều chỉnh lãi suất theo quy định tại

<sup>1</sup> Do Ngân hàng và Khách hàng thỏa thuận tại HĐTD cụ thể trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật.



## ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CẤP TÍN DỤNG

(đính kèm Hợp đồng tín dụng hạn mức)

Hợp đồng này:

a) Trường hợp điều chỉnh lãi suất đột xuất theo điểm b, c khoản 1 Điều này: Ngân hàng sẽ thông báo bằng văn bản/mail/fax cho Khách hàng.

Đối với phương thức mail/fax, Ngân hàng thông báo đến địa chỉ mail/fax theo thông tin kê khai tại Hợp đồng này. Khách hàng phải có trách nhiệm thông báo cho Ngân hàng ngay khi có thay đổi (bằng văn bản/mail/fax đã kê khai/đăng ký).

Các Bên thống nhất rằng việc gửi theo phương thức mail/fax được xem là hoàn thành khi hệ thống/thiết bị từ phía Ngân hàng báo đã gửi thành công.

b) Trường hợp điều chỉnh lãi suất định kỳ theo công thức/phương thức đã được xác định tại Hợp đồng này, các Hợp đồng tín dụng cụ thể: Khách hàng đồng ý rằng Ngân hàng không phải thông báo cho Khách hàng. Khách hàng có trách nhiệm chủ động theo dõi, cập nhật thông tin về lãi suất cơ sở được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng.

### 2. Phí:

a) Phí liên quan đến tiền vay: được áp dụng cho từng Hợp đồng tín dụng cụ thể và mức thu phí theo quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ phù hợp với quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.

b) Phí liên quan đến L/C:

Mức phí phát hành sẽ được Ngân hàng xác định cụ thể cho từng Đề nghị phát hành thư tín dụng tại thời điểm Khách hàng đề nghị phát hành L/C. Số tiền phí phát hành L/C đã thu không được Ngân hàng trả lại trong bất kỳ trường hợp nào.

c) Phí phát hành bảo lãnh:

- Phí bảo lãnh: Mức phí bảo lãnh sẽ được Ngân hàng xác định cụ thể cho từng Cam kết bảo lãnh tại thời điểm Khách hàng đề nghị phát hành Cam kết bảo lãnh tại Giấy đề nghị bảo lãnh từng lần/cụ thể theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức. Số tiền phí bảo lãnh đã thu không được Ngân hàng trả lại trong bất kỳ trường hợp nào.

- Phí bảo lãnh được tính trên số tiền bảo lãnh nhân (x) với số ngày bảo lãnh thực tế nhân (x) với mức phí bảo lãnh theo năm chia

(:) cho 365 nhưng mức phí bảo lãnh tối thiểu cho mỗi lần bảo lãnh không thấp hơn mức quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ.

d) Đến ngày trả phí, Khách hàng chủ động trả phí cho Ngân hàng, nếu hết hạn mà Khách hàng không trả hoặc trả không đủ cho Ngân hàng thì Ngân hàng được thực hiện các biện pháp thu phí như quy định tại Khoản 2 Điều 4 bản Điều khoản và điều kiện cấp tín dụng này.

e) Trường hợp phí bảo lãnh được thanh toán nhiều lần và Ngân hàng đã thực hiện các biện pháp quy định tại Điểm c Khoản này để thu phí nhưng vẫn không thu được thì Ngân hàng có quyền áp dụng mức lãi suất chậm trả bằng theo quy định tại Hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể áp dụng tại thời điểm thanh toán phí bảo lãnh (theo thông báo của Ngân hàng) tính trên số phí bảo lãnh chưa thanh toán và số ngày chậm trả.

f) Trường hợp có phát sinh các nghiệp vụ liên quan đến khoản vay, Khách hàng đồng ý trả ngay cho Ngân hàng các loại phí phát sinh theo biểu phí do Ngân hàng công bố tại thời điểm ký Hợp đồng tín dụng hạn mức, Hợp đồng tín dụng cụ thể, Hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể và từng thời điểm theo thông báo của Ngân hàng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

g) Khách hàng đồng ý trả các khoản phí, lệ phí để thực hiện các thủ tục công chứng/chứng thực/xác nhận, đăng ký giao dịch bảo đảm, định giá/thẩm định giá tài sản bảo đảm và các loại phí, lệ phí khác (nếu có) phát sinh ở thời điểm hiện tại và trong tương lai liên quan đến việc cho vay theo Hợp đồng tín dụng, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác. Trường hợp Ngân hàng trả thay cho Khách hàng các khoản phí, lệ phí này thì Khách hàng phải hoàn trả lại Ngân hàng số tiền Ngân hàng đã trả thay cho Khách hàng trong thời hạn phù hợp do Ngân hàng yêu cầu.

### Điều 6. Thứ tự ưu tiên thanh toán

1. Thứ tự thu hồi nợ gốc, lãi tiền vay, phí và nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) khi khoản nợ của Khách hàng trong hạn như sau: [(i) nợ lãi trong hạn; (ii) nợ gốc đến hạn<sup>(2)</sup>; (iii) các loại phí; (iv) các nghĩa vụ tài chính khác].

<sup>2</sup> Nợ gốc đến hạn là nợ gốc đến hạn trả nợ theo lịch trả nợ đã được thỏa thuận hoặc khoản nợ không trả được trước hạn khi chấm dứt Hợp đồng tín dụng



## ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CẤP TÍN DỤNG

(đính kèm Hợp đồng tín dụng hạn mức)

2. Thứ tự thu hồi nợ gốc, lãi tiền vay, phí và nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) khi khoản nợ của Khách hàng quá hạn được thực hiện theo quy định của pháp luật từng thời kỳ.

Tại thời điểm ký Hợp đồng này, thứ tự áp dụng như sau: (i) nợ gốc quá hạn<sup>(3)</sup>; (ii) nợ lãi quá hạn; (iii) nợ gốc đến hạn; (iv) nợ lãi trong hạn; (v) các loại phí; (vi) các nghĩa vụ tài chính khác.

Trường hợp pháp luật có thay đổi, Ngân hàng sẽ có văn bản thông báo đến Khách hàng.

### Điều 7. Đồng tiền sử dụng trong quan hệ tín dụng

1. Khách hàng nhận nợ bằng loại tiền tệ nào thì trả nợ gốc, lãi bằng loại tiền tệ đó. Đồng tiền trả phí và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) quy định tại Hợp đồng tín dụng hạn mức, Hợp đồng tín dụng cụ thể, Hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể là đồng Việt Nam.

2. Trường hợp cho vay bằng ngoại tệ, Khách hàng phải chịu trách nhiệm về việc sử dụng ngoại tệ theo đúng quy định về quản lý ngoại hối của Ngân hàng Nhà nước.

3. Trường hợp Ngân hàng chủ động trích tiền (ghi nợ)/thực hiện thủ tục tất toán tài khoản tiền gửi mà đồng tiền trong tài khoản tiền gửi khác với đồng tiền Khách hàng phải trả theo quy định tại Hợp đồng tín dụng hạn mức, Hợp đồng tín dụng cụ thể, Hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể thì Ngân hàng được quyền quy đổi số tiền đó theo tỷ giá do Ngân hàng quyết định tại thời điểm quy đổi và trừ phí quy đổi tiền tệ theo quy định của Ngân hàng.

### Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Khách hàng

1. Được yêu cầu Ngân hàng giải ngân vốn vay, phát hành Cam kết bảo lãnh, phát hành L/C với tổng dư nợ tối đa theo hạn mức quy định tại Hợp đồng tín dụng hạn mức khi đã đáp ứng đầy đủ các điều kiện của Ngân hàng và quy định tại bản Điều khoản và điều kiện cấp tín dụng này.

2. Kiểm tra tính xác thực của Cam kết bảo lãnh do Ngân hàng phát hành.

3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc sử dụng vốn vay đúng mục đích, có hiệu

quả; báo cáo và cung cấp các chứng từ chứng minh việc sử dụng vốn vay, các chứng từ, tài liệu làm căn cứ để phát hành Cam kết bảo lãnh, L/C và chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của các chứng từ này.

4. Theo yêu cầu của Ngân hàng:

a) Cung cấp cho Ngân hàng các thông tin, tài liệu liên quan đến khoản cấp tín dụng, tình hình hoạt động của Khách hàng và bảo đảm tính trung thực, chính xác của các thông tin, tài liệu này;

b) Tạo điều kiện thuận lợi cho Ngân hàng kiểm tra, giám sát quá trình cấp tín dụng, sử dụng khoản cấp tín dụng, tài sản hình thành từ khoản cấp tín dụng.

5. Cam kết sử dụng tối đa các sản phẩm, dịch vụ của Ngân hàng. Cam kết không thế chấp quyền tài sản phát sinh từ các hợp đồng thi công xây lắp được Ngân hàng cấp tín dụng tại các Tổ chức tín dụng khác. Chuyển toàn bộ doanh thu (bao gồm cả tiền ứng trước) từ các hợp đồng thi công xây lắp do Ngân hàng cấp tín dụng và doanh thu từ hoạt động kinh doanh về tài khoản mở tại Ngân hàng tối thiểu tương đương tỷ lệ cấp tín dụng so với các tổ chức tín dụng khác nhưng không thấp hơn 120% doanh số cho vay.

6. Chấp thuận cho Ngân hàng được lưu trữ và sử dụng các thông tin về Khách hàng và khoản vay tại Hợp đồng tín dụng hạn mức, Hợp đồng tín dụng cụ thể, Hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể và các văn bản, tài liệu khác có liên quan để sử dụng vào các mục đích mà Ngân hàng cho là phù hợp và cần thiết, bao gồm nhưng không giới hạn việc cung cấp thông tin tín dụng, các công ty con/công ty liên kết của Ngân hàng và cam kết không có khiếu nại, khiếu kiện về việc sử dụng thông tin này của Ngân hàng.

7. Khách hàng phải thông báo bằng văn bản trước/ kịp thời cho Ngân hàng về các thay đổi sau:

a) Những thay đổi ảnh hưởng hoặc đe dọa đến giá trị, tình trạng pháp lý của tài sản bảo đảm, tài sản đầu tư bằng vốn vay.

b) Những thay đổi về vốn, tài sản ảnh hưởng đến khả năng tài chính của Khách hàng và những thay đổi khác có liên quan đến việc

<sup>3</sup> Nợ gốc quá hạn là nợ gốc của kỳ hạn không trả nợ đúng hạn và không được cơ cấu lại thời hạn trả nợ.



## ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CẤP TÍN DỤNG

(đính kèm Hợp đồng tín dụng hạn mức)

thực hiện nghĩa vụ trả nợ và lãi vay cho Ngân hàng.

c) Đổi tên, thay địa chỉ trụ sở chính của Khách hàng.

d) Khách hàng có chủ trương/chuẩn bị thực hiện thay đổi hình thức sở hữu, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, cổ phần hóa, chuyển quyền sở hữu, ngừng hoạt động, giải thể... hoặc những thay đổi có tính chất tương tự (riêng đối với trường hợp này, Khách hàng phải thông báo và được Ngân hàng chấp thuận).

e) Bất kỳ thay đổi nào về tình trạng pháp lý của Khách hàng, Bên bảo đảm.

f) Có những tranh chấp trong nội bộ Khách hàng có liên quan đến khoản cấp tín dụng tại Ngân hàng.

*\* Riêng đối với những thay đổi tại các trường hợp (a), (b), (d), (e), Khách hàng phải thông báo và được Ngân hàng chấp thuận bằng văn bản.*

8. Trong trường hợp không trả được nợ, Khách hàng phải thực hiện các nghĩa vụ theo thoả thuận trong Hợp đồng bảo đảm liên quan đến Hợp đồng tín dụng hạn mức. Khách hàng có nghĩa vụ sử dụng mọi tài sản và thu nhập hợp pháp khác để trả nợ cho Ngân hàng, không phụ thuộc vào việc Ngân hàng đã, đang hay chưa xử lý biện pháp bảo đảm theo các Hợp đồng bảo đảm.

9. Trước khi thay đổi hình thức sở hữu, chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, Khách hàng phải trả hết nợ gốc và lãi vay cho Ngân hàng hoặc phải thông báo trước cho Ngân hàng và được Ngân hàng chấp thuận.

10. Trong thời gian Khách hàng chưa trả hết nợ gốc và lãi vay, Khách hàng chỉ được nhượng bán tài sản đầu tư bằng vốn vay sau khi có chấp thuận bằng văn bản của Ngân hàng (trừ trường hợp tài sản là hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh) và với điều kiện toàn bộ tiền thu được phải chuyển hết vào tài khoản tiền gửi mở tại Ngân hàng để hoàn trả nợ gốc và lãi vay (nội dung này phải được quy định rõ trong hợp đồng mua bán tài sản). Nếu không đủ, Khách hàng phải dùng các nguồn khác để trả nợ gốc và lãi vay Ngân hàng.

11. Bảo hiểm:

a) Đối với những khoản vay bắt buộc mua

bảo hiểm theo quy định của pháp luật, Khách hàng cam kết mua bảo hiểm theo đúng quy định. Số tiền bảo hiểm trong trường hợp phát sinh rủi ro sẽ được chuyển thẳng vào tài khoản tiền gửi của Khách hàng tại Ngân hàng và Ngân hàng được toàn quyền quyết định việc sử dụng số tiền bảo hiểm này, kể cả việc giữ lại trên tài khoản để dùng vào mục đích trả nợ vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức, Hợp đồng tín dụng cụ thể.

b) Khách hàng ủy quyền vô điều kiện và không hủy ngang cho Ngân hàng nộp Đơn đề nghị thanh toán tiền bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm mà vì bất kỳ lý do nào đó Khách hàng đã không hoặc không thể thực hiện được quyền yêu cầu thanh toán tiền bảo hiểm;

c) Khách hàng ưu tiên mua bảo hiểm tại Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV (BIC) trong suốt thời gian vay vốn.

d) Trong bất kỳ trường hợp nào, nếu Khách hàng không thanh toán kịp thời phí bảo hiểm, Ngân hàng được quyền chủ động quyết định việc áp dụng độc lập hoặc kết hợp các biện pháp phong tỏa/tự động trích/thực hiện thủ tục tất toán tài khoản tiền gửi của Khách hàng để thanh toán tiền phí bảo hiểm. Trường hợp số dư tài khoản tiền gửi của Khách hàng không có đủ để thanh toán phí bảo hiểm, Ngân hàng có quyền (nhưng không phải là nghĩa vụ) thực hiện cho vay bắt buộc để thanh toán tiền phí bảo hiểm với số tiền cho vay bằng chênh lệch giữa số tiền phí bảo hiểm theo lịch thanh toán phí bảo hiểm trừ đi số dư có trên tài khoản tiền gửi của Khách hàng. Khách hàng có trách nhiệm hoàn trả đầy đủ số tiền vay trong thời gian sớm nhất cộng với lãi suất cho vay đối với số tiền cho vay bắt buộc đó.

13. Trong trường hợp Khách hàng vi phạm các điều khoản tại Hợp đồng này, Hợp đồng tín dụng cụ thể, Hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể, Khách hàng phải thanh toán toàn bộ các chi phí mà Ngân hàng đã chi trả cho việc thực hiện các biện pháp thu hồi nợ.

**Điều 9. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng**

1. Yêu cầu Khách hàng cung cấp toàn bộ các báo cáo về tình hình tài chính, tình hình sản xuất kinh doanh và thông tin cần thiết liên quan đến vốn vay.

2. Ngân hàng có quyền từ chối cho vay,



## ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CẤP TÍN DỤNG

(đính kèm Hợp đồng tín dụng hạn mức)

phát hành Cam kết bảo lãnh, L/C nếu Khách hàng không đáp ứng được các yêu cầu, điều kiện theo quy định của Ngân hàng.

3. Kiểm tra trước, trong, sau khi cho vay vốn và quá trình thu nợ, thu lãi đến khi Khách hàng trả hết nợ vay.

4. Ngân hàng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn tất cả các khoản cấp tín dụng chưa thanh toán, chuyển toàn bộ khoản vay của Khách hàng sang nợ quá hạn, xử lý tài sản bảo đảm/biện pháp bảo đảm của Khách hàng/Bên bảo đảm trong các trường hợp xảy ra một trong các sự kiện Sự kiện vi phạm theo quy định tại Điều 10 của bản Điều khoản và điều kiện cấp tín dụng này.

5. Khi thực hiện chấm dứt cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn theo Khoản 4 Điều này, Ngân hàng sẽ thông báo cụ thể cho khách hàng. Nội dung thông báo sẽ bao gồm thời điểm chấm dứt cấp tín dụng, thu hồi nợ vay trước hạn; số dư nợ gốc bị thu hồi trước hạn; thời hạn phải trả số dư nợ gốc bị thu hồi trước hạn; thời điểm chuyển nợ quá hạn và lãi suất áp dụng đối với số dư nợ gốc bị thu hồi trước hạn.

6. Từ chối thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh khi Cam kết bảo lãnh hết hiệu lực hoặc hồ sơ yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh không đáp ứng đủ các điều kiện quy định trong Cam kết bảo lãnh, hoặc có bằng chứng chứng minh chứng từ xuất trình là giả mạo.

7. Xem xét chấp thuận việc trả nợ trước hạn.

8. Được lưu trữ và sử dụng các thông tin về Khách hàng và khoản vay tại Hợp đồng tín dụng và các văn bản, tài liệu khác có liên quan để sử dụng vào các mục đích mà Ngân hàng cho là cần thiết, phù hợp và không trái quy định của pháp luật, bao gồm nhưng không giới hạn việc cung cấp thông tin cho các tổ chức cung cấp sản phẩm thông tin tín dụng, các công ty con/công ty liên kết của Ngân hàng và cam kết không có khiếu nại, khiếu kiện về việc sử dụng thông tin này của Ngân hàng.

9. Chuyển nhượng: (i) quyền và nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng tín dụng hạn mức, Hợp đồng tín dụng cụ thể cho các chủ thể khác (bán nợ) theo quy định về mua bán nợ của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, (ii) quyền và nghĩa vụ phát sinh từ Cam kết bảo lãnh; và thông

báo cho Khách hàng.

10. Yêu cầu Khách hàng bổ sung các tài sản bảo đảm trong trường hợp Khách hàng không đáp ứng được chính sách tài sản bảo đảm theo quy định của Ngân hàng, hoặc không còn đáp ứng được các điều kiện tại thời điểm phê duyệt cấp tín dụng.

11. Ngân hàng có quyền bù trừ các nghĩa vụ của Khách hàng đối với Ngân hàng theo quy định tại Hợp đồng này và/hoặc các văn kiện tín dụng, văn kiện bảo đảm được xác lập với Ngân hàng thông qua phương thức: (i) quyết định việc áp dụng độc lập hoặc kết hợp các biện pháp phong tỏa/tự động trích/ thực hiện thủ tục tất toán tài khoản tiền gửi của Khách hàng mở tại các Chi nhánh trong hệ thống Ngân hàng; và/hoặc (ii) chủ động đối trừ bất kỳ nghĩa vụ nào khác của Khách hàng tại Ngân hàng. Ngân hàng không phải thông báo cho Khách hàng, bên thứ ba trước khi thực hiện bù trừ các nghĩa vụ được Ngân hàng xác định là nghĩa vụ nợ phải trả của Khách hàng.

12. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Hợp đồng này và theo quy định của pháp luật.

### Điều 10. Sự kiện vi phạm

1. Khách hàng được coi là vi phạm Hợp đồng tín dụng trong các trường hợp sau:

a) Khách hàng vi phạm bất kỳ nghĩa vụ thanh toán nợ gốc, lãi, phí phát sinh, bất kỳ khoản cấp tín dụng, các cam đoan và bảo đảm, các điều kiện tiên quyết trước khi giải ngân và các nghĩa vụ khác phát sinh từ Hợp đồng tín dụng hạn mức, Hợp đồng tín dụng cụ thể, Hợp đồng bảo lãnh cụ thể cũng như các văn bản, thỏa thuận ký kết với Ngân hàng, vi phạm Quy chế cho vay, Quy chế bảo lãnh của Ngân hàng Nhà Nước, các quy định của pháp luật;

b) Khách hàng không thông báo cho Ngân hàng về các thay đổi theo quy định tại Khoản 7 Điều 8;

c) Sự kiện biến động thị trường hoặc các yếu tố khác, theo nhận định của Ngân hàng, làm ảnh hưởng tiêu cực hoặc tác động bất lợi đến hiệu quả của phương án sử dụng vốn, tình hình tài chính, tình hình sản xuất, kinh doanh của Khách hàng;

d) Khách hàng và/hoặc Bên bảo đảm vi phạm Hợp đồng bảo đảm, bất kỳ thỏa thuận, cam kết nào về bảo đảm nghĩa vụ với Ngân



## ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CẤP TÍN DỤNG

(đính kèm Hợp đồng tín dụng hạn mức)

hàng;

e) Khách hàng không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ duy trì số dư tiền gửi, doanh số thanh toán qua tài khoản thanh toán của Khách hàng tại Ngân hàng trong trường hợp các bên có thỏa thuận;

f) Việc duy trì khoản vay, theo nhận định của Ngân hàng, dẫn đến Ngân hàng vi phạm các quy định pháp luật, các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

g) Theo yêu cầu hoặc nhằm tuân thủ bất kỳ phán quyết, quyết định, chỉ thị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc bất kỳ văn bản, quy định pháp luật nào;

h) Bên bảo đảm vi phạm pháp luật trong việc tạo lập, quản lý, sử dụng tài sản bảo đảm mà việc vi phạm này, theo đánh giá của Ngân hàng, sẽ ảnh hưởng xấu đến hoặc tạo ra sự cản trở đối với việc xử lý tài sản bảo đảm hoặc vi phạm này có thể dẫn đến Nhà nước tịch thu, thu hồi tài sản bảo đảm;

i) Những thay đổi khác về tài sản bảo đảm dẫn đến nguy cơ không xử lý, quản lý được tài sản bảo đảm theo nhận định của Ngân hàng;

j) Khách hàng và/hoặc Bên bảo đảm có liên quan đến các vụ kiện mà theo nhận định của Ngân hàng là có ảnh hưởng tiêu cực hoặc tác động bất lợi đến tài sản, nguồn tiền của Khách hàng và/hoặc Bên bảo đảm;

k) Khách hàng và/hoặc Bên bảo đảm cung cấp thông tin sai sự thật trước hoặc sau khi được cấp tín dụng;

l) Khách hàng và/hoặc Bên bảo đảm (nếu có) là cá nhân chết mà không có người thừa kế được Ngân hàng chấp thuận hoặc là tổ chức bị giải thể, phá sản, chấm dứt, tạm ngừng hoạt động.

m) Khách hàng (bao gồm cả chủ sở hữu/người quản lý/người điều hành/người đại diện theo pháp luật của khách hàng) và/hoặc Bên bảo đảm xảy ra sự kiện: Bị mất năng lực hành vi dân sự/bị hạn chế năng lực hành vi dân sự/có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi (nếu là cá nhân) hoặc bị khởi tố/điều tra/truy tố/xét xử về hình sự/chịu trách nhiệm hình sự/bị áp dụng hình phạt về hình sự.

n) Khách hàng, Bên bảo đảm có một hoặc một số khoản cấp tín dụng chuyển sang nợ quá hạn và/hoặc có nguy cơ không có khả năng trả

nợ theo nhận định của Ngân hàng;

o) Các nguy cơ khác ảnh hưởng đến khả năng trả nợ của Khách hàng, bao gồm nhưng không giới hạn Khách hàng bị phạt hoặc bị liên đới đến các trách nhiệm pháp lý mà có nguy cơ phải bồi thường tài chính hoặc nộp phạt trị giá từ năm phần trăm (5%) vốn chủ sở hữu trở lên.

p) Khách hàng vi phạm bất kỳ nghĩa vụ nào phát sinh từ các Hợp đồng bảo đảm tiền vay bảo đảm cho khoản vay/cam kết bảo lãnh.

s) Một trong những chủ thể trong nhóm khách hàng liên quan của Khách hàng vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng. Người có liên quan theo thỏa thuận của các bên bao gồm:

- Doanh nghiệp là công ty mẹ và/hoặc công ty con của Khách hàng;

- Doanh nghiệp có cùng công ty mẹ với Khách hàng;

- Doanh nghiệp mà Khách hàng (a) sở hữu từ 50% vốn điều lệ/tổng số cổ phần phổ thông/vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên; và/hoặc (b) có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp quyết định bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, người quản lý khác, thành viên Ban kiểm soát của doanh nghiệp đó; và/hoặc (c) có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của doanh nghiệp đó.

- Tổ chức hoặc cá nhân (a) sở hữu từ 50% vốn điều lệ/tổng số cổ phần phổ thông/vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên tại Khách hàng; và/hoặc (b) có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp quyết định bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, người quản lý khác, thành viên Ban kiểm soát của Khách hàng; và/hoặc (c) có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Khách hàng.

t) Khách hàng:

- Vi phạm nghĩa vụ đối với bất kỳ khoản cấp tín dụng nào (dù đến hạn thanh toán hoặc phải thanh toán trước hạn do sự kiện vi phạm nghĩa vụ của khách hàng) tại bất kỳ tổ chức tín



## ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CẤP TÍN DỤNG

(đính kèm Hợp đồng tín dụng hạn mức)

dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nào;

- Bị xếp nợ cần chú ý trở lên tại bất kỳ tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nào theo kết quả tra cứu thông tin tín dụng của Khách hàng trên hệ thống CIC.

u) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật hoặc Hợp đồng tín dụng hạn mức, Hợp đồng cấp bảo lãnh hạn mức, Hợp đồng tín dụng cụ thể, Hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể và Hợp đồng bảo đảm.

2. Khi phát sinh bất kỳ một sự kiện vi phạm nào, Ngân hàng được quyền yêu cầu Khách hàng thực hiện các biện pháp cần thiết để khắc phục trong một thời gian hợp lý do Ngân hàng quyết định. Trường hợp Khách hàng không khắc phục hoặc khắc phục không đầy đủ, Ngân hàng có quyền dừng giải ngân vốn vay/cấp tín dụng mới và thực hiện các biện pháp cần thiết để thu hồi nợ, bao gồm nhưng không giới hạn: tạm khóa và/hoặc ghi nợ bất kỳ tài khoản nào của Khách hàng để thu nợ trước hạn hoặc đến hạn; khởi kiện, phát mại tài sản của Khách hàng đang ký quỹ, cầm cố, thế chấp tại Ngân hàng, đình chỉ cho vay và thu hồi nợ trước hạn.

### Điều 11. Phạt vi phạm

Trường hợp Khách hàng không thực hiện đúng các nội dung thỏa thuận theo Hợp đồng tín dụng hạn mức, Hợp đồng tín dụng cụ thể, Hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể, Cam kết phát hành L/C, Hợp đồng tín dụng L/C cũng như các sửa đổi, bổ sung, thay thế khác. Khách hàng phải chịu phạt vi phạm với mức phạt tương ứng 8% phần giá trị nghĩa vụ vi phạm. Điều khoản phạt vi phạm không áp dụng đối với trường hợp Khách hàng vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc/lãi vốn vay.

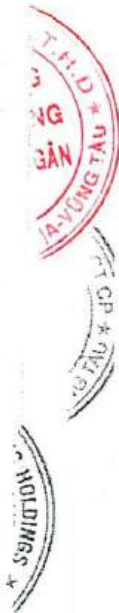
### Điều 12. Điều khoản chung

1. Khách hàng cam kết đã hoàn tất các thủ tục cần thiết trong nội bộ công ty để được ký Hợp đồng tín dụng hạn mức, Hợp đồng tín dụng cụ thể, Hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể và các văn bản, tài liệu có liên quan.

2. Thông báo: Mọi thông báo và thư từ giao dịch giữa hai bên được gửi theo địa chỉ nêu tại Phần đầu của Hợp đồng tín dụng này (trừ trường hợp đã có thông báo thay đổi địa chỉ khác bằng văn bản) và được lập thành văn bản và có chữ ký của người có thẩm quyền; nếu được chuyển bằng bưu điện thì ngày gửi đi được coi là ngày theo dấu xác nhận của bưu

điện cơ sở nơi chuyển.

3. Khách hàng sẽ có mặt tại địa chỉ nêu tại phần các bên tham gia Hợp đồng tín dụng hạn mức hoặc địa chỉ khác được thông báo cho Ngân hàng để nhận các thông tin thực hiện và giải quyết tranh chấp Hợp đồng. Trường hợp Khách hàng không có mặt tại địa chỉ này liên tục ba mươi (30) ngày và không thông báo địa chỉ mới cho Ngân hàng thì Khách hàng được coi là giấu địa chỉ, cố tình trốn tránh nghĩa vụ thực hiện (bao gồm cả nghĩa vụ trả nợ) Hợp đồng. Khi đó, Ngân hàng được quyền khởi kiện và đề nghị Tòa án thụ lý vụ án theo thủ tục chung và xét xử vắng mặt Khách hàng mà không cần tiến hành bất kỳ thủ tục pháp lý nào khác.





**HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG CỤ THỂ**  
(Áp dụng đối với khoản vay theo hạn mức tín dụng đối với KHBL và KHDN)

Kính gửi: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu

Bên vay: Công ty Cổ phần Xây Dựng DIC Holdings

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500686978 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư cấp ngày 08/06/2020, đăng ký thay đổi lần thứ 23

Địa chỉ: Tòa nhà Ruby Tower, số 12 đường 3/2, Phường 8, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh BRVT

Người đại diện: Ông Lê Đình Thắng

Căn cứ: Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 1/2024/601139/HĐTD ký ngày 11/12/2024 và các Văn bản sửa đổi bổ sung kèm theo (sau đây gọi là "Hợp đồng tín dụng")

Đề nghị Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa-Vũng Tàu cho Tôi rút số tiền vay:

	1.844.652.638	đồng	Một tỷ, tám trăm bốn mươi bốn triệu, sáu trăm năm mươi hai ngàn, sáu trăm ba mươi tám đồng
--	---------------	------	--

Thời hạn vay: 11 tháng

Để thanh toán nội dung dưới đây

ST T	Nội dung	Số hiệu chứng từ KT	Số tiền (đồng)	Tên đơn vị, số tài khoản ngân hàng thụ hưởng		
				Người hưởng	Số tài khoản	Ngân hàng
1	Thanh toán tiền lương CBCNV tháng 6/2024	Uncdvt01	1.844.652.638	CBCNV Công ty Cổ phần Xây Dựng DIC Holdings	DS định kèm	BIDV, BR VT
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>1.844.652.638</b>			

Tài liệu liên quan: .....

1. Ngay sau khi được Ngân hàng chấp thuận cho vay thì Hợp đồng tín dụng cụ thể này cùng với những nội dung chấp thuận của Ngân hàng trở thành nội dung của Hợp đồng tín dụng và có giá trị ràng buộc quyền và nghĩa vụ của Tôi/Chúng tôi đối với Ngân hàng, đồng thời là căn cứ pháp lý để giải quyết các tranh chấp sau này. Nếu nội dung chấp thuận của Ngân hàng tại phần duyệt dưới đây về số tiền, lãi suất, thời hạn và các nội dung khác khác với nội dung mà Tôi/Chúng tôi đề nghị thì nội dung chấp thuận của Ngân hàng sẽ có giá trị áp dụng. Hợp đồng tín dụng cụ thể này có hiệu lực từ ngày Ngân hàng chấp nhận giải ngân cho đến khi Tôi/Chúng tôi thanh toán đầy đủ số tiền gốc, lãi, lãi phạt quá hạn (nếu có) và các khoản phí liên quan cho Ngân hàng.
2. Hợp đồng tín dụng cụ thể này được lập thành 03 bản, là một bộ phận không thể tách rời Hợp đồng tín dụng hạn mức.
3. Toàn bộ nghĩa vụ thanh toán (gốc, lãi, lãi phạt, phí và các chi phí phát sinh theo Hợp đồng và Hợp đồng tín dụng hạn mức) được bảo đảm bằng các biện pháp thế chấp/cầm cố/ký quỹ/bảo lãnh bằng tài sản của bên vay và/hoặc bên thứ ba/đền bảo đảm theo các Hợp đồng thế chấp/cầm cố/ký quỹ/bảo lãnh (Hợp đồng bảo đảm).

Tôi/Chúng tôi cam kết thực hiện theo đúng các điều khoản trong Hợp đồng tín dụng hạn mức và Hợp đồng tín dụng cụ thể này.

KẾ TOÁN TRƯỞNG

*(Handwritten signature)*

NGUYỄN THỊ THANH PHƯƠNG

Vũng Tàu, ngày 12 tháng 07 năm 2024



**CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**  
Số chứng thực: 022591 Quyển số: 01-SCT/BS  
10-12-2024

**CHỦ TỊCH HĐQT**  
Lê Đình Thắng



**CÔNG CHỨNG VIÊN**  
NGUYỄN THỊ NGÂN



## PHÂN XÉT DUYỆT CỦA NGÂN HÀNG

### I. Tình hình giải ngân của khách hàng:

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2024/601139/HĐTD ngày 11/07/2024
- Thời hạn hạn mức: từ 11/07/2024 đến hết ngày 11/07/2025
- Biện pháp bảo đảm tín dụng: Các Hợp đồng thế chấp/cầm cố/ký quỹ/bảo lãnh (Hợp đồng bảo đảm) của Bên vay/Bên thứ ba có phạm vi bảo đảm bao gồm Hợp đồng tín dụng này.
- Hạn mức vay ngắn hạn, bảo lãnh thanh toán : **415.000 trđ**
  - Tổng dư nợ vay ngắn hạn, bảo lãnh thanh toán bảo lãnh theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2024/601139/HĐTD ngày 11/07/2024 đến thời điểm hiện tại (chưa bao gồm khoản vay theo Hợp đồng tín dụng cụ thể này): **220.246 trđ**
  - Hạn mức vay ngắn hạn còn lại được sử dụng: **194.754 trđ**

### II. Đồng ý để Bên vay được vay vốn để thanh toán các khoản nợ:

- Đồng ý để Bên vay được rút vốn để thanh toán các khoản nợ theo số thứ tự: 1
- Số hiệu tài khoản vay: 402.001.717.89

Với tổng số tiền là: **1.844.652.638 VND** (Bằng chữ: Một tỷ, tám trăm bốn mươi bốn triệu, sáu trăm năm mươi hai ngàn, sáu trăm ba mươi tám đồng)

- Thời hạn vay: 11 tháng
  - Ngày giải ngân: 12/07/2024
  - Ngày đáo hạn: 12/06/2025
- Lãi suất vay:
  - Lãi suất vay trong hạn: **7,8%/năm, lãi suất cố định.**
  - Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn (lãi suất vay đã được điều chỉnh nếu có).
  - Lãi chậm trả (áp dụng với số tiền lãi chậm trả): 10%/năm tính trên số tiền lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.
- Lãi suất được trả: Định kỳ hàng tháng vào ngày 23
- Phí: Theo qui định hiện hành của Ngân hàng
- Phạt vi phạm: Không có
- Lịch trả nợ gốc: 12/06/2025
- Toàn bộ nghĩa vụ trả nợ (gốc, lãi, lãi phạt, phí và các chi phí phát sinh) theo Hợp đồng này được bảo đảm bằng các biện pháp bảo đảm ghi nhận theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2024/601139/HĐTD ngày 11/07/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng hạn mức kèm theo (nếu có).
- Các nội dung khác (nếu có):
- Các nội dung khác được thực hiện theo quy định tại Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2024/601139/HĐTD ngày 11/07/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng hạn mức kèm theo (nếu có).
- Hợp đồng này được lập thành 03 bản có giá trị pháp lý như nhau, Ngân hàng giữ 02 bản, Khách hàng giữ 01 bản.

Vũng Tàu, ngày 12 tháng 07 năm 2024

PHÊ DUYỆT GIẢI NGÂN  
K. GIAM ĐOC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Bích Châu



**HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG CỤ THỂ**  
(Áp dụng đối với khoản vay theo hạn mức tín dụng đối với KHBL và KHDN)

**Kính gửi:** Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng tàu

Bên vay: Công ty Cổ phần Xây Dựng DIC Holdings

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500686978 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư cấp ngày 08/06/2020, đăng ký thay đổi lần thứ 23

Địa chỉ: Tòa nhà Ruby Tower, số 12 đường 3/2, Phường 8, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh BRVT

Người đại diện: Ông Lê Đình Thắng

Căn cứ: Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01./2024/601139/HĐTD ký ngày 11/07/2024 và các Văn bản sửa đổi bổ sung kèm theo (sau đây gọi là "Hợp đồng tín dụng")

Đề nghị Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa-Vũng Tàu cho Tôi rút số tiền vay:

5.906.605.251	đồng	<i>Năm tỷ, chín trăm lẻ sáu triệu, sáu trăm lẻ năm ngàn, hai trăm năm mươi một đồng chẵn.</i>
---------------	------	---

Thời hạn vay: 11 tháng

Để thanh toán nội dung dưới đây

STT	Nội dung	Số hiệu chứng từ KT	Số tiền	Tên đơn vị, số tài khoản ngân hàng, người thụ hưởng		
				Người hưởng	Số tài khoản	Ngân hàng
1	CP giá trị KL đợt 3 Gò Cát	Unedtv01	297.346.023	Công ty TNHH TM DV & XD Trúc Vy	1424678678	Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Vũng Tàu
2	QT chống nứt nền hầm và sàn tầng 1 CT A2	Unedtv02	134.143.693	Công ty TNHH Chống thấm và Xây dựng Kim Bảo Phát	9063942998	ACB - CN Văn Lang Quận Gò Vấp TP HCM
3	Ứng tiền nhóm kinh CT VTCP	Unedtv03	3.109.655.758	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VINAWINDOW	7601027659	BIDV - CN BRVT
4	KL đợt 1 thi công hạ tầng CT Ao Cà	Unedtv04	1.032.518.371	Công ty CP Khoa học Công nghệ Việt Nam	7601 00000 24505	BIDV - CN BRVT
5	KL đợt 3 lắp đặt ống đồng, ống ngưng nước CT A2	Unedtv05	907.774.179	Công ty cổ phần Đầu tư Xây lắp Cơ điện Thành Tuấn	2021100768008	Ngân hàng TMCP Quân Đội - chi nhánh Bắc Sài Gòn
6	QT đợt 2 thi công mái ngói CT Gò Cát	Unedtv06	173.228.660	Công ty TNHH Cơ Khí Xây dựng Đông Sài Gòn	585986	Ngân hàng TMCP Á Châu - PGC Maximart Công Hoà
7	Quyết toán hệ thống giải nhiệt đảm chuyển công trình A2-1	Unedtv07	77.421.142	Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Dịch vụ Xây dựng Mạnh Cường	7600854128	BIDV - CN Vũng Tàu
8	Quyết toán Nhà xưởng tum công trình PTSC	Unedtv08	174.517.423	Công ty TNHH Duy Ngọc Phù	50063586557	Sacombank - CN Đồng Nai
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>5.906.605.251</b>			

Tài liệu liên quan: .....

1. Ngay sau khi được Ngân hàng chấp thuận cho vay thì Hợp đồng tín dụng cụ thể này cùng với những nội dung chấp thuận của Ngân hàng trở thành nội dung của Hợp đồng tín dụng và có giá trị ràng buộc quyền và nghĩa vụ của Tôi/Chúng tôi đối với Ngân hàng, đồng thời là căn cứ pháp lý để giải quyết các tranh chấp sau này. Nếu nội dung chấp thuận của Ngân hàng tại phần duyệt dưới đây về số tiền, lãi suất, thời hạn và các nội dung khác khác với nội dung mà Tôi/Chúng tôi đề nghị thì nội dung chấp thuận của Ngân hàng sẽ có giá trị áp dụng. Hợp đồng tín dụng cụ thể này có hiệu lực kể từ ngày Ngân hàng chấp nhận giải ngân cho đến khi Tôi/Chúng tôi thanh toán đầy đủ số tiền gốc, lãi, lãi phạt quá hạn (nếu có) và các khoản phí liên quan cho Ngân hàng.

2. Hợp đồng tín dụng cụ thể này được lập thành 03 bản, là một bộ phận không thể tách rời Hợp đồng tín dụng hạn mức.

3. Toàn bộ nghĩa vụ thanh toán (gốc, lãi, lãi phạt, phí và các chi phí phát sinh theo Hợp đồng và Hợp đồng tín dụng hạn mức) được bảo đảm bằng các biện pháp thế chấp/cầm cố/ký quỹ/bảo lãnh bằng tài sản của bên vay và/hoặc bên thứ ba/bên bảo đảm theo các Hợp đồng thế chấp/cầm cố/ký quỹ/bảo lãnh (Hợp đồng bảo đảm).

Tôi/Chúng tôi cam kết thực hiện theo đúng các điều khoản trong Hợp đồng tín dụng hạn mức và Hợp đồng tín dụng cụ thể này.

Vũng Tàu, ngày 15 tháng 07 năm 2024

KẾ TOÁN TRƯỞNG

**CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**  
Số chứng thực: 022591  
Quyển số: 01-SCT/BS

10-12-2024

NGUYỄN THỊ THANH PHƯƠNG



**CÔNG CHỨNG VIÊN**  
**NGUYỄN THỊ NGÂN**

ĐẠI DIỆN BÊN VAY



**CHỦ TỊCH HĐQT**  
**Lê Đình Thắng**





## PHẦN XÉT DUYỆT CỦA NGÂN HÀNG

### I. Tình hình giải ngân của khách hàng:

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2024/601139/HĐTD ngày 11/07/2024
- Thời hạn hạn mức: từ 11/07/2024 đến hết ngày 11/07/2025
- Biện pháp bảo đảm tín dụng: Các Hợp đồng thế chấp/cầm cố/ký quỹ/bảo lãnh (Hợp đồng bảo đảm) của Bên vay/Bên thứ ba có phạm vi bảo đảm bao gồm Hợp đồng tín dụng này.
- Hạn mức vay ngắn hạn, bảo lãnh thanh toán: **415.000 trđ**
  - Tổng dư nợ vay ngắn hạn, bảo lãnh thanh toán bảo lãnh theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2024/601139/HĐTD ngày 11/07/2024 đến thời điểm hiện tại (chưa bao gồm khoản vay theo Hợp đồng tín dụng cụ thể này): **223.107 trđ**
  - Hạn mức vay ngắn hạn còn lại được sử dụng: **191.893 trđ**

### II. Đồng ý để Bên vay được vay vốn để thanh toán các khoản nợ:

- Đồng ý để Bên vay được rút vốn để thanh toán các khoản nợ theo số thứ tự: 1-8
- Số hiệu tài khoản vay: ..... 405.001.8301.00 .....

Với tổng số tiền là: **5.906.605.251 VND** (Bằng chữ: Năm tỷ, chín trăm lẻ sáu triệu, sáu trăm lẻ năm nghìn, hai trăm năm mươi một đồng)

- Thời hạn vay: 11 tháng

a) Ngày giải ngân: 16/07/2024

b) Ngày đáo hạn: 16/06/2025

- Lãi suất vay:

a) Lãi suất vay trong hạn: **7,8%/năm, lãi suất cố định.**

b) Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn (lãi suất vay đã được điều chỉnh nếu có).

c) Lãi chậm trả (áp dụng với số tiền lãi chậm trả): 10%/năm tính trên số tiền lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

- Lãi suất được trả: Định kỳ hàng tháng vào ngày 23

6. Phí: Theo qui định hiện hành của Ngân hàng

7. Phạt vi phạm: Không có

8. Lịch trả nợ gốc: 16/06/2025

9. Toàn bộ nghĩa vụ trả nợ (gốc, lãi, lãi phạt, phí và các chi phí phát sinh) theo Hợp đồng này được bảo đảm bằng các biện pháp bảo đảm ghi nhận theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2024/601139/HĐTD ngày 11/07/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng hạn mức kèm theo (nếu có).

- Các nội dung khác (nếu có):

11. Các nội dung khác được thực hiện theo quy định tại Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2024/601139/HĐTD ngày 11/07/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng hạn mức kèm theo (nếu có).

12. Hợp đồng này được lập thành 03 bản có giá trị pháp lý như nhau, Ngân hàng giữ 02 bản, Khách hàng giữ 01 bản.

Vũng Tàu, ngày 16 tháng 07 năm 2024

PHÊ DUYỆT KIỂM Duyệt

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Bích Châu



**HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG CỤ THỂ**

(Áp dụng đối với khoản vay theo hạn mức tín dụng đối với KHBL và KHDN)

Kính gửi: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng tàu

Bên vay: Công ty Cổ phần Xây Dựng DIC Holdings

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500686978 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư cấp ngày 08/06/2020, đăng ký thay đổi lần thứ 23

Địa chỉ: Tòa nhà Ruby Tower, số 12 đường 3/2, Phường 8, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh BRVT

Người đại diện: Ông Lê Đình Thắng

Căn cứ: Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2024/601139/HĐTD ký ngày 11/07/2024 và các Văn bản sửa đổi bổ sung kèm theo (sau đây gọi là "Hợp đồng tín dụng")

Đề nghị Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa-Vũng Tàu cho Tôi rút số tiền vay:

2.295.982.051	đồng	Hai tỷ, hai trăm chín mươi lăm triệu, chín trăm tám mươi hai ngàn, không trăm năm mươi một đồng chẵn.
---------------	------	---

Thời hạn vay: ...11 tháng

Đề thanh toán nội dung dưới đây

STT	Nội Dung	Số hiệu chứng từ KT	Số tiền	Tên đơn vị, số tài khoản ngân hàng người thụ hưởng		
				Người hưởng	Số tài khoản	Ngân hàng
1	Thanh toán tiền phụ kiện ống nước công trình A2 của thư bảo lãnh số tham chiếu GI24B43463 ngày 7/5/2024	Uncdvt01	761.104.146	Công ty TNHH Đầu Tư Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Thép An Phú	090 834 0068	TMCP Sài Gòn Thương Tín - PGD Tân Thành, CN BRVT
2	Tạm ứng tiền đền Philip công trình A2 theo hợp đồng 50/HĐMB.DICcons-HTI( có BLTT)	Uncdvt02	382.698.360	Cty TNHH HTI	124393409	ACB - CN Bình Thanh - HCM
3	Tạm ứng đá hoa cương hợp đồng 49/HĐGKXD.DICcons-HK( có BLTT)	Uncdvt03	656.674.587	Cty TNHH Thương Mại Xây Dựng Hoàng Khởi	101214851033654	Eximbank- Chi nhánh Q10-HCM
4	Tiền khối lượng đợt 9 công trình A2	Uncdvt04	495.504.958	Công ty TNHH Đầu tư xây dựng Khởi Nguyên Vũng tàu	232355556789	MB Bank Chi nhánh Vũng tàu
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>2.295.982.051</b>			

Tài liệu liên quan: .....

1. Ngay sau khi được Ngân hàng chấp thuận cho vay thì Hợp đồng tín dụng cụ thể này cùng với những nội dung chấp thuận của Ngân hàng trở thành nội dung của Hợp đồng tín dụng và có giá trị ràng buộc quyền và nghĩa vụ của Tôi/Chúng tôi đối với Ngân hàng, đồng thời là căn cứ pháp lý để giải quyết các tranh chấp sau này. Nếu nội dung chấp thuận của Ngân hàng tại phần duyệt dưới đây về số tiền, lãi suất, thời hạn và các nội dung khác khác với nội dung mà Tôi/Chúng tôi đề nghị thì nội dung chấp thuận của Ngân hàng sẽ có giá trị áp dụng. Hợp đồng tín dụng cụ thể này có hiệu lực kể từ ngày Ngân hàng chấp nhận giải ngân cho đến khi Tôi/Chúng tôi thanh toán đầy đủ số tiền gốc, lãi, lãi phạt quá hạn (nếu có) và các khoản phí liên quan cho Ngân hàng.

2. Hợp đồng tín dụng cụ thể này được lập thành 03 bản, là một bộ phận không thể tách rời Hợp đồng tín dụng hạn mức.

3. Toàn bộ nghĩa vụ thanh toán (gốc, lãi, lãi phạt, phí và các chi phí phát sinh theo Hợp đồng và Hợp đồng tín dụng hạn mức) được bảo đảm bằng các biện pháp thế chấp/cầm cố/ký quỹ/bảo lãnh bằng tài sản của bên vay và/hoặc bên thứ ba/bên bảo đảm theo các Hợp đồng thế chấp/cầm cố/ký quỹ/bảo lãnh (Hợp đồng bảo đảm).

Tôi/Chúng tôi cam kết thực hiện theo đúng các điều khoản trong Hợp đồng tín dụng hạn mức và Hợp đồng tín dụng cụ thể này.

**CHỨNG THỰC BAN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**  
 Vũng Tàu, ngày 12 tháng 07 năm 2024  
 KẾ TOÁN TRƯỞNG: 2 2 5 9 | Quyền số: 01-SC1/BS

10-12-2024  
  
 VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG  
 NGUYỄN THỊ THANH PHƯƠNG  
 CÔNG CHỨNG VIÊN NGUYỄN THỊ NGÂN

ĐẠI DIỆN BÊN VAY  
  
 CHỦ TỊCH HĐQT  
 Lê Đình Thắng



## PHẦN XÉT DUYỆT CỦA NGÂN HÀNG

### I. Tình hình giải ngân của khách hàng:

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2024/601139/HĐTD ngày 11/07/2024
- Thời hạn hạn mức: từ 11/07/2024 đến hết ngày 11/07/2025
- Biện pháp bảo đảm tín dụng: Các Hợp đồng thế chấp/cầm cố/ký quỹ/bảo lãnh (Hợp đồng bảo đảm) của Bên vay/Bên thứ ba có phạm vi bảo đảm bao gồm Hợp đồng tín dụng này.
- Hạn mức vay ngắn hạn, bảo lãnh thanh toán : **415.000 trđ**
  - Tổng dư nợ vay ngắn hạn, bảo lãnh thanh toán bảo lãnh theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2024/601139/HĐTD ngày 11/07/2024 đến thời điểm hiện tại (chưa bao gồm khoản vay theo Hợp đồng tín dụng cụ thể này): **220.456 trđ**
  - Hạn mức vay ngắn hạn còn lại được sử dụng: **194.544 trđ**

### II. Đồng ý để Bên vay được vay vốn để thanh toán các khoản nợ:

- Đồng ý để Bên vay được rút vốn để thanh toán các khoản nợ theo số thứ tự: **1**
  - Số hiệu tài khoản vay: ..... **40750182418** .....
- Với tổng số tiền là: **2.295.982.051 VND** (Bằng chữ: Hai tỷ, hai trăm chín mươi lăm triệu, chín trăm tám mươi hai ngàn, không trăm năm mươi một đồng)

- Thời hạn vay: 11 tháng
  - Ngày giải ngân: 15/07/2024
  - Ngày đáo hạn: ...../06/2025
- Lãi suất vay:
  - Lãi suất vay trong hạn: **7,8%/năm, lãi suất cố định.**
  - Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn **suất vay đã được điều chỉnh nếu có).**
  - Lãi chậm trả (áp dụng với số tiền lãi chậm trả): 10%/năm tính trên số tiền lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.
- Lãi suất được trả: Định kỳ hàng tháng vào ngày 23
- Phí: Theo qui định hiện hành của Ngân hàng
- Phạt vi phạm: Không có
- Lịch trả nợ gốc: ...../06/2025
- Toàn bộ nghĩa vụ trả nợ (gốc, lãi, lãi phạt, phí và các chi phí phát sinh) theo Hợp đồng này được bảo đảm bằng các biện pháp bảo đảm ghi nhận theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2024/601139/HĐTD ngày 11/07/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng hạn mức kèm theo (nếu có).
- Các nội dung khác (nếu có):
- Các nội dung khác được thực hiện theo quy định tại Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2024/601139/HĐTD ngày 11/07/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng hạn mức kèm theo (nếu có).
- Hợp đồng này được lập thành 03 bản có giá trị pháp lý như nhau, Ngân hàng giữ 02 bản, Khách hàng giữ 01 bản *lll*



Vũng Tàu, ngày 15 tháng 07 năm 2024

**PHÊ DUYỆT GIẢI NGÂN**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**  
*Danh*



*Nguyễn Thị Bích Châu*





Mẫu số 08/HĐTD

Số hợp đồng: 04/2024/601139/HĐTD

### HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG CỤ THỂ (Áp dụng đối với khoản vay theo hạn mức tín dụng đối với KHBL và KHDN)

Kính gửi: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu

Bên vay: Công ty Cổ phần Xây Dựng DIC Holdings

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500686978 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư cấp ngày 08/06/2020, đăng ký thay đổi lần thứ 23

Địa chỉ: Tòa nhà Ruby Tower, số 12 đường 3/2, Phường 8, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh BRVT

Người đại diện: Ông Lê Đình Thắng

Căn cứ: Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01.../2024/601139/HĐTD ký ngày 11/07/2024 và các Văn bản sửa đổi bổ sung kèm theo (sau đây gọi là "Hợp đồng tín dụng")

Đề nghị Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa-Vũng Tàu cho Tôi rút số tiền vay:

10.227.402.180

đồng

Mười tỷ, hai trăm hai mươi bảy triệu, bốn trăm lẻ hai ngàn, một trăm tám mươi đồng chẵn.

Thời hạn vay: ... 11 tháng

Đề thanh toán nội dung dưới đây

STT	Nội dung	Số hiệu chứng từ KT	Số tiền	Tên đơn vị, số tài khoản ngân hàng, người thụ hưởng		
				Người hưởng	Số tài khoản	Ngân hàng
1	Tiền bẻ tổng CT VTCP	Unedtv01	7.000.000.000	Công ty CP Đầu tư Phát triển Xây dựng Bê tông	760 10 000 055 684	BIDV, BR VT
2	Khối lượng thanh toán đợt 1 hệ thống thông gió hút mùi CT A2-1	Unedtv02	125.296.902	Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Dịch vụ Xây dựng Mạnh Cường	7600854128	BIDV- CN Vũng Tàu
3	Khối lượng thanh toán đợt 1 hạng mục hoàn thiện CT A2-1	Unedtv03	184.748.680	Công Ty TNHH Vũ Đức Trọng	7661 0000 138888	BIDV CN Vũng Tàu Côn Đảo
4	Khối lượng thanh toán đợt 10 công trình A2-1	Unedtv04	362.381.474	Công ty TNHH Đầu tư xây dựng Minh Yến	8808111968	TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam - CN Vũng Tàu
5	Khối lượng thanh toán đợt 11 công trình A2-1	Unedtv05	195.744.257	CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG & PHÁT TRIỂN GIA HUY PHÁT	7660125996	Ngân Hàng TMCP ĐR và PT Việt Nam-CN Vũng Tàu-Côn Đảo
6	Khối lượng thanh toán đợt 10 công trình A2-1	Unedtv06	522.267.185	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ & XÂY DỰNG ĐỊA ỐC PHÚC AN	1021396529	Vietcombank - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu
7	Ứng tiền Lam nhôm HD số 133 và lan can kính	Unedtv07	1.336.963.682	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VINAWINDOW	7601027659	BIDV - CN BRVT
8	Tiền vật tư cát đá công trình A2	Unedtv08	500.000.000	Công ty TNHH vật liệu xây dựng Long Tân	76610002255686	BIDV - Vũng Tàu Côn Đảo
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>10.227.402.180</b>			

Tài liệu liên quan: .....

1. Ngay sau khi được Ngân hàng chấp thuận cho vay thì Hợp đồng tín dụng cụ thể này cùng với những nội dung chấp thuận của Ngân hàng trở thành nội dung của Hợp đồng tín dụng và có giá trị ràng buộc quyền và nghĩa vụ của Tôi/Chúng tôi đối với Ngân hàng, đồng thời là căn cứ pháp lý để giải quyết các tranh chấp sau này. Nếu nội dung chấp thuận của Ngân hàng tại phần duyệt dưới đây về số tiền, lãi suất, thời hạn và các nội dung khác khác với nội dung mà Tôi/Chúng tôi đề nghị thì nội dung chấp thuận của Ngân hàng sẽ có giá trị áp dụng. Hợp đồng tín dụng cụ thể này có hiệu lực kể từ ngày Ngân hàng chấp nhận giải ngân cho đến khi Tôi/Chúng tôi thanh toán đầy đủ số tiền gốc, lãi, lãi phạt quá hạn (nếu có) và các khoản phí liên quan cho Ngân hàng.

2. Hợp đồng tín dụng cụ thể này được lập thành 03 bản, là một bộ phận không thể tách rời Hợp đồng tín dụng hạn mức.

3. Toàn bộ nghĩa vụ thanh toán (gốc, lãi, lãi phạt, phí và các chi phí phát sinh theo Hợp đồng và Hợp đồng tín dụng hạn mức) được bảo đảm bằng các biện pháp thế chấp/cầm cố/ký quỹ/bảo lãnh bằng tài sản của bên vay và/hoặc bên thứ ba/bên bảo đảm theo các Hợp đồng thế chấp/cầm cố/ký quỹ/bảo lãnh (Hợp đồng bảo đảm).

Tôi/Chúng tôi cam kết thực hiện theo đúng các điều khoản trong Hợp đồng tín dụng hạn mức và Hợp đồng tín dụng cụ thể này.

**CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

KẾ TOÁN TRƯỞNG

022591

Quyển số: 01-87/2024

10-12-2024

le



NGUYỄN THỊ THANH PHƯƠNG

Vũng Tàu, ngày 10 tháng 07 năm 2024

ĐẠI DIỆN BÊN VAY



CHỦ TỊCH HĐQT

Lê Đình Thắng

CÔNG CHỨNG VIÊN  
NGUYỄN THỊ NGÂN





## PHẦN XÉT DUYỆT CỦA NGÂN HÀNG

### I. Tình hình giải ngân của khách hàng:

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2024/601139/HĐTD ngày 11/07/2024
- Thời hạn hạn mức: từ 11/07/2024 đến hết ngày 11/07/2025
- Biện pháp bảo đảm tín dụng: Các Hợp đồng thế chấp/cầm cố/ký quỹ/bảo lãnh (Hợp đồng bảo đảm) của Bên vay/Bên thứ ba có phạm vi bảo đảm bao gồm Hợp đồng tín dụng này.
- Hạn mức vay ngắn hạn, bảo lãnh thanh toán : **415.000 trđ**
  - Tổng dư nợ vay ngắn hạn, bảo lãnh thanh toán bảo lãnh theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2024/601139/HĐTD ngày 11/07/2024 đến thời điểm hiện tại (chưa bao gồm khoản vay theo Hợp đồng tín dụng cụ thể này): **220.465 trđ**
  - Hạn mức vay ngắn hạn còn lại được sử dụng: **194.535 trđ**

### II. Đồng ý để Bên vay được vay vốn để thanh toán các khoản nợ:

- Đồng ý để Bên vay được rút vốn để thanh toán các khoản nợ theo số thứ tự: 1-8
- Số hiệu tài khoản vay: 407001743334

Với tổng số tiền là: **10.227.402.180 VND (Bằng chữ: Mười tỷ, hai trăm hai mươi bảy triệu, bốn trăm lẻ hai nghìn, một trăm tám mươi đồng)**

- Thời hạn vay: 11 tháng
  - Ngày giải ngân: 19/07/2024
  - Ngày đáo hạn: 19/06/2025
- Lãi suất vay:
  - Lãi suất vay trong hạn: **7,8%/năm, lãi suất cố định.**
  - Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn (lãi suất vay đã được điều chỉnh nếu có).
  - Lãi chậm trả (áp dụng với số tiền lãi chậm trả): 10%/năm tính trên số tiền lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.
- Lãi suất được trả: Định kỳ hàng tháng vào ngày 23
- Phí: Theo qui định hiện hành của Ngân hàng
- Phạt vi phạm: Không có
- Lịch trả nợ gốc: 19/06/2025
- Toàn bộ nghĩa vụ trả nợ (gốc, lãi, lãi phạt, phí và các chi phí phát sinh) theo Hợp đồng này được bảo đảm bằng các biện pháp bảo đảm ghi nhận theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2024/601139/HĐTD ngày 11/07/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng hạn mức kèm theo (nếu có).
- Các nội dung khác (nếu có):
- Các nội dung khác được thực hiện theo quy định tại Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2024/601139/HĐTD ngày 11/07/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng hạn mức kèm theo (nếu có).
- Hợp đồng này được lập thành 03 bản có giá trị pháp lý như nhau, Ngân hàng giữ 02 bản, Khách hàng giữ 01 bản. *llk*

Vũng Tàu, ngày 18 tháng 07 năm 2024

PHÊ DUYỆT GIÁNG ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



*Nguyễn Thị Bích Châu*



**HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG CỤ THỂ**  
(Áp dụng đối với khoản vay theo hạn mức tín dụng đối với KHLB và KHDN)

Kính gửi: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu

Bên vay: Công ty Cổ phần Xây Dựng DIC Holdings

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500686978 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư cấp ngày 08/06/2020, đăng ký thay đổi lần thứ 23

Địa chỉ: Tòa nhà Ruby Tower, số 12 đường 3/2, Phường 8, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh BRVT

Người đại diện: Ông Lê Đình Thắng

Căn cứ: Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2024/601139/HDTD ký ngày 11/07/2024 và các Văn bản sửa đổi bổ sung kèm theo (sau đây gọi là "Hợp đồng tín dụng")

Đề nghị Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa-Vũng Tàu cho Tôi rút số tiền vay:

	3.023.874.959	đồng	<i>Ba tỷ, không trăm hai mươi ba triệu, tám trăm bảy mươi bốn ngàn, chín trăm năm mươi chín đồng chẵn.</i>
--	---------------	------	--

Thời hạn vay: 11 tháng

Để thanh toán nội dung dưới đây

ST T	Nội Dung	Số hiệu chứng từ KT	Số tiền	Tên đơn vị, số tài khoản ngân hàng người thụ hưởng		
				Người hưởng	Số tài khoản	Ngân hàng
1	Tiền khối lượng còn lại thi công công trình PTSC	Unedtv01	2.523.874.959	Công ty Cổ phần Đầu Tư và Xây Lắp 388	113002516388	Vietinbank - CN Bà Rịa Vũng Tàu
	Tiền thi công đợt 2 công trình Ao Cá	Unedtv02	500.000.000	CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG ĐẠI PHÁT	9978228186	Techcombank - CN Vũng Tàu
<b>TỔNG CỘNG</b>			3.023.874.959			

Tài liệu liên quan: .....

1. Ngay sau khi được Ngân hàng chấp thuận cho vay thì Hợp đồng tín dụng cụ thể này cùng với những nội dung chấp thuận của Ngân hàng trở thành nội dung của Hợp đồng tín dụng và có giá trị ràng buộc quyền và nghĩa vụ của Tôi/Chúng tôi đối với Ngân hàng, đồng thời là căn cứ pháp lý để giải quyết các tranh chấp sau này. Nếu nội dung chấp thuận của Ngân hàng tại phần duyệt dưới đây về số tiền, lãi suất, thời hạn và các nội dung khác với nội dung mà Tôi/Chúng tôi đề nghị thì nội dung chấp thuận của Ngân hàng sẽ có giá trị áp dụng. Hợp đồng tín dụng cụ thể này có hiệu lực kể từ ngày Ngân hàng chấp nhận giải ngân cho đến khi Tôi/Chúng tôi thanh toán đầy đủ số tiền gốc, lãi, lãi phạt quá hạn (nếu có) và các khoản phí liên quan cho Ngân hàng.

2. Hợp đồng tín dụng cụ thể này được lập thành 03 bản, là một bộ phận không thể tách rời Hợp đồng tín dụng hạn mức.

3. Toàn bộ nghĩa vụ thanh toán (gốc, lãi, lãi phạt, phí và các chi phí phát sinh theo Hợp đồng và Hợp đồng tín dụng hạn mức) được bảo đảm bằng các biện pháp thế chấp/cầm cố/ký quỹ/bảo lãnh bằng tài sản của bên vay và/hoặc bên thứ ba/bên bảo đảm theo các Hợp đồng thế chấp/cầm cố/ký quỹ/bảo (ảnh (Hợp đồng bảo đảm).

Tôi/Chúng tôi cam kết thực hiện theo đúng các điều khoản trong Hợp đồng tín dụng hạn mức và Hợp đồng tín dụng cụ thể này.

KẾ TOÁN TRƯỞNG

*(Handwritten signature)*

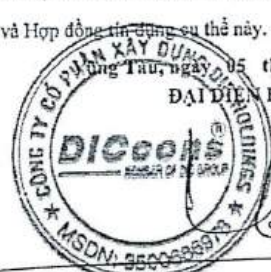
NGUYỄN THỊ THANH PHƯƠNG

**CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**  
Số chứng thực 2 2 5 9 1 Quyền số: 01-SCT/BS

10-12-2024



**CÔNG CHỨNG VIÊN**  
**NGUYỄN THỊ NGÂN**



Ngày 05 tháng 08 năm 2024

CHỦ TỊCH HĐQT

Lê Đình Thắng





## PHẢN XÉT DUYỆT CỦA NGÂN HÀNG

### I. Tình hình giải ngân của khách hàng:

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2024/601139/HĐTD ngày 11/07/2024
- Thời hạn hạn mức: từ 11/07/2024 đến hết ngày 11/07/2025
- Biện pháp bảo đảm tín dụng: Các Hợp đồng thế chấp/cầm cố/ký quỹ/bảo lãnh (Hợp đồng bảo đảm) của Bên vay/Bên thứ ba có phạm vi bảo đảm bao gồm Hợp đồng tín dụng này.
- Hạn mức vay ngắn hạn, bảo lãnh thanh toán : 415.000 trđ
  - Tổng dư nợ vay ngắn hạn, bảo lãnh thanh toán bảo lãnh theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2024/601139/HĐTD ngày 11/07/2024 đến thời điểm hiện tại (chưa bao gồm khoản vay theo Hợp đồng tín dụng cụ thể này): 223.530 trđ
  - Hạn mức vay ngắn hạn còn lại được sử dụng: 191.470 trđ

### II. Đồng ý để Bên vay được vay vốn để thanh toán các khoản nợ:

1. Đồng ý để Bên vay được rút vốn để thanh toán các khoản nợ theo số thứ tự: 1-2

2. Số hiệu tài khoản vay: ..... 409.001.82.11.22.....

Với tổng số tiền là: 3.023.874.959 VND (Bằng chữ: Ba tỷ, không trăm hai mươi ba triệu, tám trăm bảy mươi bốn nghìn, chín trăm năm mươi chín đồng)

3. Thời hạn vay: 11 tháng

a) Ngày giải ngân: 06/08/2024

b) Ngày đáo hạn: 11/07/2025

4. Lãi suất vay:

a) Lãi suất vay trong hạn: 7,8%/năm, lãi suất cố định.

b) Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn (lãi suất vay đã được điều chỉnh nếu có).

c) Lãi chậm trả (áp dụng với số tiền lãi chậm trả): 10%/năm tính trên số tiền lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

5. Lãi suất được trả: Định kỳ hàng tháng vào ngày 23

6. Phí: Theo qui định hiện hành của Ngân hàng

7. Phạt vi phạm: Không có

8. Lịch trả nợ gốc: 07/10/2025

9. Toàn bộ nghĩa vụ trả nợ (gốc, lãi, lãi phạt, phí và các chi phí phát sinh) theo Hợp đồng này được bảo đảm bằng các biện pháp bảo đảm ghi nhận theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2024/601139/HĐTD ngày 11/07/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng hạn mức kèm theo (nếu có).

10. Các nội dung khác (nếu có):

11. Các nội dung khác được thực hiện theo quy định tại Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2024/601139/HĐTD ngày 11/07/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng hạn mức kèm theo (nếu có).

12. Hợp đồng này được lập thành 03 bản có giá trị pháp lý như nhau, Ngân hàng giữ 02 bản, Khách hàng giữ 01 bản.



Vũng Tàu, ngày 06 tháng 08 năm 2024

PHÊ DUYỆT GIẢI NGÂN  
HỒ GIAM ĐOC



Nguyễn Thị Bích Thủy





Mẫu số 08/HĐTD

Số hợp đồng: 2024/601139/HĐTD

**HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG CỤ THỂ**  
(Áp dụng đối với khoản vay theo hạn mức tín dụng đối với KHBL và KHDN)

Kính gửi: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu

Bên vay: Công ty Cổ phần Xây Dựng DIC Holdings

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500686978 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư cấp ngày 08/06/2020, đăng ký thay đổi lần thứ 23

Địa chỉ: Tòa nhà Ruby Tower, số 12 đường 3/2, Phường 8, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh BRVT

Người đại diện: Ông Lê Đình Thắng

Căn cứ: Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2024/601139/HĐTD ký ngày ...../...../2024 và các Văn bản sửa đổi bổ sung kèm theo (sau đây gọi là "Hợp đồng tín dụng")

Đề nghị Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa-Vũng Tàu cho Tôi rút số tiền vay:

4.698.583.529 đồng *Bốn tỷ, sáu trăm chín mươi tám triệu, năm trăm tám mươi ba ngàn, năm trăm hai mươi chín đồng chẵn.*

Thời hạn vay: 11 tháng

Đề thanh toán nội dung dưới đây

ST T	Nội Dung	Số hiệu chứng từ KT	Số tiền	Tên đơn vị, số tài khoản ngân hàng người thụ hưởng		
				Người hưởng	Số tài khoản	Ngân hàng
	Thanh toán tiền vật tư gạch ốp lát hoàn thiện công trình VTCP	Unedtv01	4.698.583.529	Công ty TNHH Phú Mỹ Ceramics	110640606688	Vietinbank - CN BRVT
	<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>4.698.583.529</b>			

Tài liệu liên quan: .....

1. Ngay sau khi được Ngân hàng chấp thuận cho vay thì Hợp đồng tín dụng cụ thể này cùng với những nội dung chấp thuận của Ngân hàng trở thành nội dung của Hợp đồng tín dụng và có giá trị ràng buộc quyền và nghĩa vụ của Tôi/Chúng tôi đối với Ngân hàng, đồng thời là căn cứ pháp lý để giải quyết các tranh chấp sau này. Nếu nội dung chấp thuận của Ngân hàng tại phần duyệt dưới đây về số tiền, lãi suất, thời hạn và các nội dung khác khác với nội dung mà Tôi/Chúng tôi đề nghị thì nội dung chấp thuận của Ngân hàng sẽ có giá trị áp dụng. Hợp đồng tín dụng cụ thể này có hiệu lực kể từ ngày Ngân hàng chấp nhận giải ngân cho đến khi Tôi/Chúng tôi thanh toán đầy đủ số tiền gốc, lãi, lãi phạt quá hạn (nếu có) và các khoản phí liên quan cho Ngân hàng.

2. Hợp đồng tín dụng cụ thể này được lập thành 03 bản, là một bộ phận không thể tách rời Hợp đồng tín dụng hạn mức.

3. Toàn bộ nghĩa vụ thanh toán (gốc, lãi, lãi phạt, phí và các chi phí phát sinh theo Hợp đồng và Hợp đồng tín dụng hạn mức) được bảo đảm bằng các biện pháp thế chấp/cầm cố/ký quỹ/bảo lãnh bằng tài sản của bên vay và/hoặc bên thứ ba/bên bảo đảm theo các Hợp đồng thế chấp/cầm cố/ký quỹ/bảo lãnh (Hợp đồng bảo đảm).

Tôi/Chúng tôi cam kết thực hiện theo đúng các điều khoản trong Hợp đồng tín dụng hạn mức và Hợp đồng tín dụng cụ thể này.

KÊ TOÁN TRƯỞNG

Vũng Tàu, ngày 05 tháng 08 năm 2024  
ĐẠI DIỆN BÊN VAY  
**DICoors**  
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ  
MSTN: 3500686978

**CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**  
Số chứng thực 022591  
Quyển số: 01-SCT/BS

NGUYỄN THỊ THANH PHƯƠNG  
10-12-2024

CHỦ TỊCH HĐQT  
Lê Đình Thắng

**VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG NGUYỄN THỊ NGÂN**  
S.Đ.K.H.Đ: 35-C.T.H.Đ

**CÔNG CHỨNG VIÊN NGUYỄN THỊ NGÂN**





## PHẦN XÉT DUYỆT CỦA NGÂN HÀNG

### I. Tình hình giải ngân của khách hàng:

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2024/601139/HĐTD ngày 11/07/2024
- Thời hạn hạn mức: từ 11/07/2024 đến hết ngày 11/07/2025
- Biện pháp bảo đảm tín dụng: Các Hợp đồng thế chấp/cầm cố/ký quỹ/bảo lãnh (Hợp đồng bảo đảm) của Bên vay/Bên thứ ba có phạm vi bảo đảm bao gồm Hợp đồng tín dụng này.
- Hạn mức vay ngắn hạn, bảo lãnh thanh toán : **415.000 trđ**
  - Tổng dư nợ vay ngắn hạn, bảo lãnh thanh toán bảo lãnh theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2024/601139/HĐTD ngày 11/07/2024 đến thời điểm hiện tại (chưa bao gồm khoản vay theo Hợp đồng tín dụng cụ thể này): **218.412 trđ**
  - Hạn mức vay ngắn hạn còn lại được sử dụng: **196.588 trđ**

### II. Đồng ý để Bên vay được vay vốn để thanh toán các khoản nợ:

- Đồng ý để Bên vay được rút vốn để thanh toán các khoản nợ theo số thứ tự: 1
- Số hiệu tài khoản vay:.....408001815570.....

Với tổng số tiền là: **4.698.583.529 VND (Bằng chữ: Bốn tỷ, sáu trăm chín mươi tám triệu, năm trăm tám mươi ba nghìn, năm trăm hai mươi chín đồng)**

- Thời hạn vay: 11 tháng
  - Ngày giải ngân: 05/08/2024
  - Ngày đáo hạn: 05/07/2025
- Lãi suất vay:
  - Lãi suất vay trong hạn: **7,8%/năm, lãi suất cố định.**
  - Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn (lãi suất vay đã được điều chỉnh nếu có).
  - Lãi chậm trả (áp dụng với số tiền lãi chậm trả): 10%/năm tính trên số tiền lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.
- Lãi suất được trả: Định kỳ hàng tháng vào ngày 23
- Phí: Theo qui định hiện hành của Ngân hàng
- Phạt vi phạm: Không có
- Lịch trả nợ gốc: 05/07/2025
- Toàn bộ nghĩa vụ trả nợ (gốc, lãi, lãi phạt, phí và các chi phí phát sinh) theo Hợp đồng này được bảo đảm bằng các biện pháp bảo đảm ghi nhận theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2024/601139/HĐTD ngày 11/07/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng hạn mức kèm theo (nếu có).
- Các nội dung khác (nếu có):
- Các nội dung khác được thực hiện theo quy định tại Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2024/601139/HĐTD ngày 11/07/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng hạn mức kèm theo (nếu có).
- Hợp đồng này được lập thành 03 bản có giá trị pháp lý như nhau, Ngân hàng giữ 02 bản, Khách hàng giữ 01 bản.

Vũng Tàu, ngày 05 tháng 08 năm 2024

**PHÊ DUYỆT GIẢI NGÂN**



*Nguyễn Thị Bích Thủy*







**HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG HẠN MỨC**  
(Dành cho khách hàng doanh nghiệp)  
Số Hợp đồng: 023/2023/153289/HĐTD

Hợp đồng tín dụng hạn mức ("**Hợp đồng**") này được lập ngày 15 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Ngân hàng Liên doanh Việt - Nga - Chi nhánh Vũng Tàu, giữa các bên sau đây:

**A. Bên cấp tín dụng: Ngân hàng Liên doanh Việt - Nga - Chi nhánh Vũng Tàu**

- Địa chỉ đăng ký: 147 Nguyễn Thái Học, phường 7, Thành phố Vũng Tàu.
- Hoạt động kinh doanh: Hoạt động ngân hàng
- Giấy phép đăng ký kinh doanh: số 0102100878-001 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đăng ký lần đầu ngày 26/02/2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 04/10/2023.
- Điện thoại : 02543.512.744 Fax: 0254.3512748
- Do ông (bà): Nguyễn Tiến Long Chức vụ: PHÓ GIÁM ĐỐC làm đại diện
- Văn bản ủy quyền: Theo Quyết định số 0200/2023/QĐ-VRB VT ngày 02/10/2023 về việc "Quyết định Phân cấp, Ủy quyền ký trong hoạt động nghiệp vụ tại chi nhánh Vũng Tàu.

(Ngân hàng Liên doanh Việt - Nga - Chi nhánh Vũng Tàu được gọi tắt trong Hợp đồng này là "**Bên cấp tín dụng**" hoặc "**Ngân hàng**" hoặc "**VRB**");

**B. Bên vay: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG DIC HOLDINGS (sau đây gọi là "Khách hàng")**

- Địa chỉ: Tòa nhà Ruby Tower, số 12 đường 3/2, phường 8, thành phố Vũng Tàu
- Mã số doanh nghiệp: 3500686978
- Giấy ĐKKD số: 3500686978 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh BR-VT cấp ngày 28 tháng 01 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 23 ngày 30 tháng 06 năm 2022.
- Điện thoại: 0254.613518 Fax: 0254.585070
- Tài khoản tiền gửi VND: 201810006978888 tại VRB Vũng Tàu
- Người đại diện: **LÊ ĐÌNH THẮNG** Chức vụ: **Chủ tịch HĐQT**

**Hai bên thỏa thuận ký kết Hợp đồng tín dụng này (bao gồm Điều khoản và Điều kiện cấp tín dụng) với các điều khoản sau:**

**1. Hạn mức cấp tín dụng:**

a) Ngân hàng cấp cho Khách hàng hạn mức tín dụng thường xuyên với số tiền tối đa là: **100.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm tỷ đồng)** và luôn đảm bảo tại mọi thời điểm giải ngân 100% dư nợ có tài sản đảm bảo. Trong đó đã bao gồm toàn bộ dư nợ vay ngắn hạn, dư bảo lãnh, mở L/C của Khách hàng tại Ngân hàng được chuyển tiếp từ các Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể, Hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số **042/2022/153289/HĐTD** ngày 10/11/2022 sang.

b) Mục đích: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh.

c) Hạn mức tín dụng nêu tại Điểm a) trên đây là hạn mức cho vay, bảo lãnh và phát hành L/C cộng gộp, không phân định hạn mức cho vay, hạn mức bảo lãnh và hạn mức phát hành L/C riêng. Trường hợp tăng mức dư nợ cho vay thì giảm mức cam kết bảo lãnh và/hoặc mức L/C và ngược lại,



bảo đảm tại mọi thời điểm tổng dư nợ vay và số dư bảo lãnh của Khách hàng, số dư mở L/C (trừ phần ký quỹ) không vượt quá hạn mức tối đa tại Điểm a) nêu trên.

## **2. Thời hạn:**

a) Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng này.

Trong thời hạn cấp hạn mức, Khách hàng được đề nghị Ngân hàng cấp tín dụng với các mục đích và trong hạn mức tại Mục 1 nêu trên. Trường hợp ngày kết thúc thời hạn cấp hạn mức là ngày nghỉ, các bên thỏa thuận và thống nhất Khách hàng được đề nghị Ngân hàng cấp tín dụng theo hợp đồng này chậm nhất là ngày làm việc liền trước ngày kết thúc thời hạn.

b) Thời hạn cho vay/thời hạn bảo lãnh/thời hạn L/C, lãi suất, phí được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể, Hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể, L/C được phát hành.

## **3. Biện pháp bảo đảm:**

Các thỏa thuận về biện pháp bảo đảm được ghi nhận và thực hiện theo Hợp đồng này, các Hợp đồng cầm cố/thế chấp/bảo lãnh/ký quỹ hoặc các hợp đồng, thỏa thuận khác (gọi chung là Hợp đồng bảo đảm) được giao kết giữa Ngân hàng và Khách hàng/Bên thứ ba trước ngày, cùng ngày và sau ngày ký kết Hợp đồng này mà Điều khoản về Phạm vi bảo đảm của Hợp đồng bảo đảm bao gồm (một cách cụ thể hoặc bao quát) các nghĩa vụ phát sinh từ hoặc có liên quan đến Hợp đồng này. Trường hợp bảo đảm bằng tài sản của Bên thứ ba thì Hợp đồng bảo đảm không bắt buộc phải có sự tham gia ký kết của Khách hàng.

## **4. Cam kết và xác nhận:**

a) Khách hàng xác nhận trước khi ký Hợp đồng này, Khách hàng đã nhận được đầy đủ thông tin về lãi suất cho vay, lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc bị quá hạn, lãi suất áp dụng đối với lãi chậm trả, lãi suất áp dụng khi biến động lãi suất, phương pháp tính lãi tiền vay, loại phí và mức phí áp dụng đối với khoản vay, các tiêu chí xác định khách hàng vay vốn theo lãi suất cho vay và các thông tin khác có liên quan đến toàn bộ nội dung Hợp đồng này.

b) Khách hàng xác nhận trước khi ký Hợp đồng này, Khách hàng đã được Ngân hàng cung cấp đầy đủ thông tin về Hợp đồng theo mẫu, điều khoản và điều kiện cho vay.

## **5. Tính thống nhất với Điều khoản và điều kiện cấp tín dụng:**

Các nội dung tại bản Điều khoản và điều kiện cấp tín dụng kèm theo Hợp đồng tín dụng hạn mức này là một bộ phận không tách rời của Hợp đồng này. Khách hàng đã đọc, hiểu và chấp thuận tuân thủ đầy đủ các nội dung tại bản Điều khoản và điều kiện cấp tín dụng cũng như các sửa đổi, bổ sung thay thế.

## **6. Luật áp dụng, giải quyết tranh chấp:**

a) Hợp đồng này được lập và điều chỉnh theo pháp luật Việt Nam.

b) Mọi tranh chấp phát sinh trong quá trình vay vốn được giải quyết trên cơ sở thương lượng giữa hai bên. Trường hợp không thương lượng được, các bên có quyền khởi kiện để bảo vệ quyền lợi của mình. Hai bên thống nhất Tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và tương đương nơi VRB Chi nhánh Vũng Tàu đặt trụ sở tại thời điểm phát sinh tranh chấp.

## **7. Hiệu lực của Hợp đồng:**

a) Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ký và kết thúc khi:

(i) Hai Bên thỏa thuận chấm dứt; hoặc



(ii) Theo các quy định tại Hợp đồng này và Khách hàng đã thanh toán đầy đủ và toàn bộ các nghĩa vụ phát sinh từ hoặc có liên quan đến Hợp đồng này, đồng thời thời hạn cấp hạn mức tại Mục 2 đã hết.

b) Hợp đồng này có giá trị pháp lý ràng buộc đối với tất cả cá nhân, pháp nhân, tổ chức kế thừa quyền và nghĩa vụ của mỗi Bên theo quy định của pháp luật, thỏa thuận với Ngân hàng và/hoặc quy định nội bộ của Ngân hàng (bao gồm nhưng không giới hạn chia, tách Phòng Giao dịch, chia, tách Chi nhánh, thay đổi Chi nhánh/Phòng giao dịch quản lý khách hàng...).

c) Các văn bản, tài liệu liên quan đến Hợp đồng này là bộ phận kèm theo có giá trị pháp lý theo Hợp đồng.

d) Việc sửa đổi, bổ sung các nội dung tại Hợp đồng này phải được cả hai bên thỏa thuận bằng văn bản do đại diện có thẩm quyền của hai bên ký, trừ trường hợp thay đổi lãi suất theo định kỳ (Ngân hàng sẽ có thông báo bằng văn bản cho Khách hàng). Những sửa đổi, bổ sung đó có hiệu lực thay thế, bổ sung các nội dung tương ứng trong Hợp đồng này.

e) Trong trường hợp do có sự thay đổi về luật pháp, quy định hiện hành làm cho một hoặc một số nội dung quy định tại Hợp đồng này không thực hiện được hoặc vô hiệu thì Hợp đồng này vẫn có hiệu lực đối với những nội dung còn lại. Ngân hàng và Khách hàng sẽ cùng xem xét, sửa đổi, bổ sung những nội dung không thực hiện được hoặc vô hiệu cho phù hợp.

f) Hợp đồng này và bản Điều khoản và điều kiện cấp tín dụng được lập thành 04 bản gốc, có giá trị pháp lý như nhau: Ngân hàng giữ 03 bản, Khách hàng giữ 01 bản. Các bên xác nhận rằng đã đọc, đã hiểu, đồng ý và thống nhất toàn bộ nội dung Hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện cấp tín dụng, cùng ký Hợp đồng làm căn cứ thực hiện.

**ĐẠI DIỆN KHÁCH HÀNG**  
(Họ, tên, chức vụ, ký, đóng dấu)



**ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG**  
(Họ, tên, chức vụ, ký, đóng dấu)

**PHÓ GIÁM ĐỐC**



**CHỦ TỊCH HĐQT**  
**Lê Đình Thắng**

**CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**  
Số chứng thực: **0 2 2 6 1 1** Quyền số: 01-SCT/BS

**10 -12- 2024**

**S.Đ.K.H.Đ: 35-C.T.M.D**  
**VĂN PHÒNG**  
**CÔNG CHỨNG**  
**NGUYỄN THỊ NGÂN**



**CÔNG CHỨNG VIÊN**  
**NGUYỄN THỊ NGÂN**



## ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CẤP TÍN DỤNG

(đính kèm 023/2023/153289/HĐTD)

### Điều 1. Giải thích từ ngữ

**1. Cấp tín dụng theo hạn mức:** là hình thức cấp tín dụng mà Ngân hàng và Khách hàng thỏa thuận và xác định một mức dư nợ cho vay tối đa được duy trì trong một khoảng thời gian nhất định. Hạn mức tín dụng này bao gồm mức cho vay bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Trong khoảng thời gian đó, tổng dư nợ vay, bảo lãnh và L/C tại mọi thời điểm không được vượt quá hạn mức tín dụng được cấp. Tùy theo nhu cầu của Khách hàng, khi phát sinh quan hệ cho vay, bảo lãnh, L/C, Khách hàng cam kết tuân thủ các quy định liên quan, tương ứng tại bản Điều khoản và điều kiện cấp tín dụng này và các quy định khác có liên quan của Ngân hàng.

**2. Cam kết bảo lãnh:** Là văn bản của Ngân hàng hoặc thỏa thuận giữa Ngân hàng với Bên nhận bảo lãnh về việc sẽ thực hiện nghĩa vụ tài chính thay cho Khách hàng khi Khách hàng không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ đã cam kết với Bên nhận bảo lãnh, bao gồm Thư bảo lãnh hoặc Hợp đồng bảo lãnh.

**3. Tài khoản tiền gửi:** Là tài khoản tiền gửi thanh toán, tài khoản tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các tài khoản tiền gửi khác.

### Điều 2. Các quy định liên quan đến việc phát hành bảo lãnh/L/C

#### 1. Nguyên tắc phát hành L/C:

a) Trường hợp Khách hàng có nhu cầu phát hành L/C, Khách hàng gửi Đơn đề nghị phát hành L/C cho Ngân hàng.

b) L/C được phát hành dựa trên cơ sở của hợp đồng thương mại đã ký giữa Khách hàng và người thụ hưởng L/C. Sau khi được phát hành, L/C hoàn toàn độc lập với hợp đồng thương mại. Ngân hàng chỉ làm việc trên bề mặt các chứng từ đã quy định trong L/C đã phát hành, không chịu trách nhiệm về sự khớp đúng giữa nội dung chứng từ và tình trạng thực tế của hàng hoá/dịch vụ mà chứng từ đề cập tới. Mọi tranh chấp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm của Khách hàng và người thụ hưởng L/C sẽ được giải quyết theo hợp đồng thương mại.

c) L/C được phát hành theo đề nghị của khách hàng và phù hợp với thông lệ quốc tế.

d) Khi có nhu cầu sửa đổi L/C, Khách hàng phải chuyển cho Ngân hàng Giấy đề nghị sửa đổi L/C và các tài liệu cần thiết cho mỗi lần sửa đổi. Phần chấp nhận của Ngân hàng trên Giấy đề nghị sửa đổi L/C là cơ sở ràng buộc trách nhiệm giữa Ngân hàng và Khách hàng và là một bộ phận không tách rời của Hợp đồng tín dụng hạn mức.

#### 2. Nguyên tắc phát hành bảo lãnh:

a) Trong thời hạn của hạn mức tín dụng theo Hợp đồng tín dụng hạn mức, Khách hàng có thể đề nghị Ngân hàng phát hành nhiều loại bảo lãnh và Cam kết bảo lãnh.

b) Khi có nhu cầu bảo lãnh, Khách hàng gửi đến Ngân hàng Giấy đề nghị cấp bảo lãnh kèm hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể, đồng thời cung cấp cho Ngân hàng các tài liệu cần thiết cho mỗi lần đề nghị bảo lãnh đó theo yêu cầu của Ngân hàng.

c) Ngân hàng phát hành Thư bảo lãnh, hoặc ký kết Hợp đồng bảo lãnh với Bên nhận bảo lãnh, hoặc xem xét, chấp thuận phát hành theo Phụ lục kèm theo Giấy đề nghị cấp bảo lãnh của từng lần cụ thể (nếu có) khi Khách hàng đã hoàn thành các điều kiện, thủ tục theo quy định của Ngân hàng.

d) Giấy đề nghị cấp bảo lãnh kèm hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể đã có phần duyệt của Ngân hàng và Thư bảo lãnh/Hợp đồng bảo lãnh phát hành kèm theo là các bộ phận không tách rời của Hợp đồng tín dụng hạn mức.

e) Khách hàng có nhu cầu gia hạn, sửa đổi Thư bảo lãnh/Hợp đồng bảo lãnh phải chuyển cho Ngân hàng Giấy đề nghị gia hạn, sửa đổi bảo lãnh theo Giấy đề nghị cấp bảo lãnh kèm hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể của từng lần bảo lãnh. Phần chấp nhận của Ngân hàng trên Giấy đề nghị gia hạn/sửa đổi bảo lãnh của Khách hàng là cơ sở ràng buộc trách nhiệm giữa Ngân hàng và Khách hàng là bộ phận không tách rời của Hợp đồng tín dụng hạn mức.

#### 3. Phương thức thực hiện nghĩa vụ theo L/C/Cam kết bảo lãnh đã phát hành:

a) Khi đến hạn thanh toán theo L/C, Khách hàng phải thanh toán ngay cho Người thụ hưởng.

b) Khi có văn bản yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh của Bên nhận bảo lãnh, Khách hàng phải trả ngay số tiền được bảo lãnh theo



## ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CẤP TÍN DỤNG

(đính kèm 023/2023/153289/HDTD)

yêu cầu của Bên nhận bảo lãnh. Ngân hàng không chịu trách nhiệm và không có nghĩa vụ phải xác minh các căn cứ và tài liệu chứng minh của Bên nhận bảo lãnh (nếu có). Việc phải trả ngay số tiền được bảo lãnh/L/C của Khách hàng là vô điều kiện. Tranh chấp giữa Khách hàng và Bên nhận bảo lãnh do các bên tự giải quyết.

c) Nếu Khách hàng không chủ động trả hoặc trả không đủ số tiền được bảo lãnh, Ngân hàng được quyền phong tỏa, trích/Thực hiện thủ tục tất toán tài khoản tiền gửi của Khách hàng tại Ngân hàng (bao gồm các Chi nhánh trong hệ thống Ngân hàng) để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh/L/C.

4. Nhận nợ và hoàn trả nợ đối với nghĩa vụ theo L/C/nghĩa vụ bảo lãnh đã thực hiện:

a) Trong trường hợp Ngân hàng áp dụng các biện pháp quy định tại Khoản 3 Điều này mà vẫn không đủ tiền trả cho Người thụ hưởng L/C/Bên nhận bảo lãnh thì Ngân hàng sẽ trả nợ thay và tự động hạch toán chuyển thành nợ vay bắt buộc cho Khách hàng. Số tiền nhận nợ vay bắt buộc bao gồm toàn bộ số tiền bảo lãnh/L/C và các khoản lãi, tiền phạt phát sinh theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có).

b) Khách hàng có trách nhiệm hoàn trả ngay trong ngày số tiền mà Ngân hàng đã trả thay. Trường hợp Khách hàng không hoàn trả được ngay, Khách hàng phải chịu lãi suất nợ quá hạn theo thông báo của Ngân hàng đối với khoản nợ này cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ thanh toán.

c) Sau khi thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho Khách hàng, Ngân hàng được quyền áp dụng một, một số hoặc tất cả các biện pháp cần thiết để thu hồi nợ gốc, lãi và các khoản chi phí liên quan.

d) Việc thực hiện nghĩa vụ L/C thay cho Khách hàng/Thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh của Ngân hàng trong mọi trường hợp được xác định là có đầy đủ căn cứ pháp lý và Khách hàng phải có nghĩa vụ nhận nợ và hoàn trả số tiền như nêu trên.

5. Việc thu nợ bảo lãnh/L/C của Ngân hàng trong mọi trường hợp bao gồm nhưng không giới hạn (i) tự động phong tỏa, trích/Thực hiện thủ tục tất toán tài khoản tiền gửi của Khách hàng mở tại Ngân hàng hoặc các tổ chức tín dụng khác; (ii) xử lý tài sản bảo đảm (bao gồm cả số tiền ký quỹ); (iii) áp dụng

các biện pháp khác để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

6. Các trường hợp chấm dứt nghĩa vụ bảo lãnh:

a) Nghĩa vụ của Khách hàng chấm dứt.

b) Nghĩa vụ bảo lãnh đã được thực hiện theo đúng cam kết bảo lãnh.

c) Việc bảo lãnh được hủy bỏ theo thỏa thuận của Ngân hàng và bên nhận bảo lãnh.

d) Cam kết bảo lãnh đã hết hiệu lực.

e) Bên nhận bảo lãnh miễn thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho Ngân hàng.

f) Theo thỏa thuận của các bên.

g) Hợp đồng có nghĩa vụ được bảo lãnh vô hiệu mà các bên chưa thực hiện hợp đồng đó.

h) Trong các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 3. Điều kiện trước khi giải ngân, phát hành bảo lãnh và L/C.**

1. Trước khi giải ngân, phát hành cam kết bảo lãnh, L/C, Khách hàng phải đảm bảo:

a) Cung cấp cho Ngân hàng đầy đủ các chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn, hồ sơ và chứng từ phát hành thư bảo lãnh, LC hợp lệ theo yêu cầu của Ngân hàng, trừ trường hợp Ngân hàng có sự chấp thuận khác.

b) Mục đích vay vốn, phát hành cam kết bảo lãnh, L/C theo đề nghị của Khách hàng, theo nhận định của Ngân hàng, là (i) hợp pháp, và (ii) không tồn tại, tiếp diễn nguy cơ rủi ro mất hoặc khó có khả năng thu hồi một phần hoặc toàn bộ tiền vay.

c) Không xảy ra, tiếp diễn hoặc đang tồn tại bất kỳ sự kiện nào dẫn đến việc Ngân hàng chấm dứt cấp tín dụng.

d) Không xảy ra, tiếp diễn hoặc đang tồn tại bất kỳ sự kiện biến động thị trường hoặc các yếu tố khác làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính, khả năng cấp tín dụng, nguồn vốn, giới hạn cấp tín dụng của Ngân hàng.

e) Không xảy ra, tiếp diễn hoặc đang tồn tại hoặc tiềm tàng tranh chấp trong nội bộ Khách hàng.

f) Khách hàng đồng ý với mức lãi suất của Ngân hàng hoặc các bên thỏa thuận được lãi suất tại thời điểm giải ngân.

g) Khách hàng đáp ứng và thực hiện đúng, đầy đủ các điều kiện cấp tín dụng được



## ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CẤP TÍN DỤNG (đính kèm 023/2023/153289/HĐTĐ)

nêu trong Thông báo cấp tín dụng của Ngân hàng cho Khách hàng.

h) Các biện pháp bảo đảm đã được thực hiện hoàn tất theo yêu cầu của Ngân hàng, trừ trường hợp Ngân hàng có sự chấp thuận khác.

i) Ngày giải ngân phải nằm trong thời hạn giải ngân, trừ trường hợp Ngân hàng có sự chấp thuận khác.

j) Việc giải ngân phù hợp với lịch giải ngân dự kiến do Khách hàng thông báo và được Ngân hàng chấp thuận trong trường hợp Ngân hàng yêu cầu Khách hàng phải thông báo trước lịch giải ngân cho Ngân hàng.

k) Nếu giải ngân bằng ngoại tệ thì Khách hàng phải đáp ứng tất cả các yêu cầu theo quy định pháp luật về quản lý ngoại hối. Tỷ giá quy đổi từ loại tiền cấp tín dụng về loại tiền giải ngân do Ngân hàng quyết định trên cơ sở phù hợp với các quy định về quản lý tỷ giá của pháp luật.

l) Nếu việc giải ngân bằng tiền mặt thì Khách hàng phải đáp ứng tất cả các quy định của pháp luật và của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam khi được Ngân hàng giải ngân bằng tiền mặt.

m) Thực hiện tất cả các yêu cầu, điều kiện tiên quyết khác theo thỏa thuận với Ngân hàng.

2. Khách hàng được rút vốn vay nhiều lần trong suốt thời hạn được Ngân hàng cấp hạn mức. Mỗi lần rút vốn vay, Khách hàng và Ngân hàng sẽ ký Giấy đề nghị giải ngân kèm Hợp đồng tín dụng cụ thể. Ngân hàng sẽ từ chối ký Hợp đồng tín dụng cụ thể khi Khách hàng không đảm bảo được các điều kiện để cho vay theo quy định của Ngân hàng và pháp luật.

3. Tổng dư nợ tối đa trong các lần rút vốn vay không được vượt quá hạn mức cho vay (nếu có)/hạn mức tín dụng Ngân hàng đã cấp cho khách hàng.

### Điều 4. Trả nợ gốc, lãi:

#### 1. Lịch trả nợ:

a) Kế hoạch trả nợ và thời điểm tính lãi của từng khoản nợ được xác định tại các Hợp đồng tín dụng cụ thể.

b) Phương thức tính lãi tiền vay (áp dụng cho cả việc tính lãi quá hạn): Tiền lãi được tính trên số dư nợ vay nhân (x) với số ngày dự trữ nợ vay thực tế nhân (x) với lãi suất năm chia (:)

365.

#### 2. Phương thức trả nợ:

a) Khi bất cứ một món nợ nào (gốc, lãi, phí) đến hạn, Khách hàng chủ động trả nợ cho Ngân hàng hoặc Ngân hàng được quyền phong tỏa, trích/Thực hiện thủ tục tất toán tài khoản tiền gửi của Khách hàng tại Ngân hàng (bao gồm các Chi nhánh trong hệ thống Ngân hàng) để thu nợ.

b) Trường hợp Khách hàng có tài khoản tiền gửi tại tổ chức tín dụng khác thì Ngân hàng được quyền đề nghị phong tỏa và băng Hợp đồng này, Khách hàng ủy quyền cho Ngân hàng được lập uỷ nhiệm thu để phong tỏa, trích/Thực hiện thủ tục tất toán tài khoản tiền gửi của Khách hàng tại các tổ chức tín dụng đó để thu nợ. Sau khi thực hiện, Ngân hàng sẽ thông báo cho Khách hàng biết.

3. Khi có nguyên nhân khách quan không thanh toán được đầy đủ, đúng hạn nợ vay, Khách hàng có thể đề nghị bằng văn bản (theo mẫu của Ngân hàng) để Ngân hàng xem xét điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ. Văn bản đề nghị của Khách hàng phải gửi cho Ngân hàng tối thiểu (...) <sup>(1)</sup> ngày trước ngày đến hạn trả nợ..

4. Trường hợp Khách hàng không thanh toán đúng hạn nợ gốc và không được Ngân hàng gia hạn nợ, điều chỉnh kỳ hạn trả nợ hoặc thời gian gia hạn, điều chỉnh kỳ hạn trả nợ đã kết thúc thì Ngân hàng được quyền chuyển số dư nợ gốc đó và số dư nợ gốc đó sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất nợ quá hạn quy định tại Khoản 6 Điều này kể từ thời điểm dư nợ gốc bị chuyển nợ quá hạn.

5. Trường hợp Ngân hàng chấm dứt cho vay và thu hồi nợ trước hạn theo Khoản 4 Điều 9 và thông báo cho Khách hàng theo Khoản 5 Điều 9 của bản Điều khoản và điều kiện cấp tín dụng này, Ngân hàng có quyền chuyển toàn bộ số dư nợ gốc còn lại mà khách hàng không trả được nợ trước hạn sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất nợ quá hạn quy định tại Khoản 6 Điều này kể từ thời điểm dư nợ gốc bị chuyển nợ quá hạn.

6. Trường hợp khoản nợ vay bị chuyển nợ quá hạn theo quy định tại Khoản 4 và Khoản 5 trên đây, Khách hàng phải trả lãi trên

<sup>1</sup> Thời hạn gửi đề nghị theo quy định tại Quy định cơ cấu lại thời hạn trả nợ của VRB.



**ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CẤP TÍN DỤNG**  
(đính kèm 023/2023/153289/HĐTD)

đư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả với mức lãi suất nợ quá hạn bằng 150%<sup>2</sup> lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Trường hợp lãi suất trong hạn được điều chỉnh thì lãi suất nợ quá hạn sẽ tính theo mức lãi suất trong hạn đã được điều chỉnh.

Ngân hàng sẽ thông báo cho Khách hàng với các nội dung gồm số dư nợ gốc bị quá hạn, thời điểm chuyển nợ quá hạn và lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc bị quá hạn và Thông báo này là một bộ phận không tách rời của Hợp đồng hạn mức.

7. Đối với tiền lãi không trả đúng hạn, Khách hàng phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả<sup>(3)</sup>.

8. Trường hợp ngày đến hạn trả nợ gốc, lãi vào ngày Ngân hàng không làm việc, thì ngày đến hạn sẽ là ngày làm việc liền sau đó.

9. Trả nợ trước hạn<sup>(4)</sup>:

Ngân hàng có thể xem xét chấp thuận việc trả nợ trước hạn nếu Khách hàng có đề nghị bằng văn bản. Trường hợp được Ngân hàng chấp thuận, Khách hàng phải chịu phí trả nợ trước hạn. Mức phí áp dụng tại thời điểm Khách hàng trả nợ trước hạn theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo quy định biểu phí dịch vụ của Ngân hàng trong từng thời kỳ.

Khách hàng ủy quyền cho Ngân hàng được thu nợ trước hạn, Ngân hàng sẽ không thu phí trả nợ trước hạn.

10. Nghĩa vụ thuế:

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng hạn mức, Hợp đồng tín dụng cụ thể, Hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể, nếu phát sinh nghĩa vụ nộp thuế của Khách hàng theo yêu cầu của cơ quan quản lý thuế thì thực hiện như sau:

a) Số tiền Khách hàng trả nợ gốc, lãi tiền vay và phí (nếu có) theo quy định tại Hợp đồng tín dụng hạn mức, Hợp đồng tín dụng cụ thể, Hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể không bị khấu trừ hoặc giữ lại để nộp bất kỳ khoản thuế, lệ phí hoặc khoản thu nào.

b) Khách hàng đồng ý rằng Ngân hàng được chủ động trích tiền (ghi Nợ)/thực hiện thủ tục tất toán tài khoản tiền gửi theo quy định tại Hợp đồng tín dụng hạn mức, bản Điều khoản và điều kiện cấp tín dụng này trước khi Khách hàng thực hiện nghĩa vụ nộp thuế theo yêu cầu của cơ quan quản lý thuế.

**Điều 5. Lãi suất và phí**

1. Lãi suất:<sup>(5)</sup>

a) Lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ.

b) Trường hợp theo đề nghị của Khách hàng, Ngân hàng chấp thuận cho Khách hàng điều chỉnh kỳ hạn trả nợ/gia hạn nợ, Ngân hàng có quyền điều chỉnh mức lãi suất, phù hợp với quy định hiện hành của pháp luật và của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh kỳ hạn trả nợ/gia hạn nợ.

c) Ngân hàng được điều chỉnh lãi suất đột xuất do yêu cầu biến động lãi suất phù hợp với cơ chế điều hành lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ và phù hợp với quy định của pháp luật. Khi điều chỉnh lãi suất, Ngân hàng sẽ thông báo cho Khách hàng.

2. Khi điều chỉnh lãi suất theo các trường hợp trên đây, Ngân hàng sẽ có thông báo bằng văn bản cho Khách hàng và thông báo này là một bộ phận không tách rời của Hợp đồng tín dụng hạn mức, Hợp đồng tín dụng cụ thể.

3. Phí:<sup>(6)</sup>

a) Phí liên quan đến tiền vay: được áp dụng cho từng Hợp đồng tín dụng cụ thể và mức thu phí theo quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ phù hợp với quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.

b) Phí liên quan đến L/C:

Mức phí phát hành sẽ được Ngân hàng xác định cụ thể cho từng Đề nghị phát hành thư tín dụng tại thời điểm Khách hàng đề nghị phát hành L/C. Số tiền phí phát hành L/C đã thu không được Ngân hàng trả lại trong bất kỳ trường hợp nào.

c) Phí phát hành bảo lãnh:

<sup>2</sup> Chi nhánh thực hiện theo quy định của VRB từng thời kỳ

<sup>3</sup> Chi nhánh thực hiện theo quy định của VRB từng thời kỳ

<sup>4</sup> Căn cứ vào chính sách khách hàng, cấp có thẩm quyền phê duyệt cấp tín dụng đánh giá lựa chọn phương thức.

<sup>5</sup> Do Ngân hàng và Khách hàng thỏa thuận tại HĐTD cụ thể trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật.

<sup>6</sup> Chi nhánh ghi cụ thể các loại phí và mức phí áp dụng đối với khách hàng (nếu có thu phí) tại HĐTD



## ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CẤP TÍN DỤNG

(đính kèm 023/2023/153289/HĐTD)

- Phí bảo lãnh: Mức phí bảo lãnh sẽ được Ngân hàng xác định cụ thể cho từng Cam kết bảo lãnh tại thời điểm Khách hàng đề nghị phát hành Cam kết bảo lãnh tại Giấy đề nghị bảo lãnh từng lần/cụ thể theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức. Số tiền phí bảo lãnh đã thu không được Ngân hàng trả lại trong bất kỳ trường hợp nào.

- Phí bảo lãnh được tính trên số tiền bảo lãnh nhân (x) với số ngày bảo lãnh thực tế nhân (x) với mức phí bảo lãnh theo năm chia (:) cho 365 nhưng mức phí bảo lãnh tối thiểu cho mỗi lần bảo lãnh không thấp hơn mức quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ.

d) Đến ngày trả phí, Khách hàng chủ động trả phí cho Ngân hàng, nếu hết hạn mà Khách hàng không trả hoặc trả không đủ cho Ngân hàng thì Ngân hàng được thực hiện các biện pháp thu phí như quy định tại Khoản 2 Điều 4 bản Điều khoản và điều kiện cấp tín dụng này.

e) Trường hợp phí bảo lãnh được thanh toán nhiều lần và Ngân hàng đã thực hiện các biện pháp quy định tại Điểm c Khoản này để thu phí nhưng vẫn không thu được thì Ngân hàng có quyền áp dụng mức lãi suất chậm trả bằng theo quy định tại Hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể áp dụng tại thời điểm thanh toán phí bảo lãnh (theo thông báo của Ngân hàng) tính trên số phí bảo lãnh chưa thanh toán và số ngày chậm trả.

f) Trường hợp có phát sinh các nghiệp vụ liên quan đến khoản vay, Khách hàng đồng ý trả ngay cho Ngân hàng các loại phí phát sinh theo biểu phí do Ngân hàng công bố tại thời điểm ký Hợp đồng tín dụng hạn mức, Hợp đồng tín dụng cụ thể, Hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể và từng thời điểm theo thông báo của Ngân hàng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

g) Khách hàng đồng ý trả các khoản phí, lệ phí để thực hiện các thủ tục công chứng/chứng thực/xác nhận, đăng ký giao dịch bảo đảm, định giá/thẩm định giá tài sản bảo đảm và các loại phí, lệ phí khác (nếu có) phát sinh ở thời điểm hiện tại và trong tương lai liên quan đến việc cho vay theo Hợp đồng tín dụng, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác. Trường hợp Ngân hàng trả thay cho Khách hàng các khoản phí, lệ phí này thì Khách hàng phải hoàn trả lại Ngân hàng số tiền Ngân hàng đã trả thay cho Khách hàng trong thời hạn phù

hợp do Ngân hàng yêu cầu.

### Điều 6. Thứ tự ưu tiên thanh toán

1. Thứ tự thu hồi nợ gốc, lãi tiền vay, phí và nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) khi khoản nợ của Khách hàng trong hạn như sau: [(i) nợ lãi trong hạn; (ii) nợ gốc đến hạn<sup>(7)</sup>; (iii) các loại phí; (iv) các nghĩa vụ tài chính khác]<sup>(8)</sup>.

2. Đối với khoản nợ vay bị quá hạn trả nợ, Ngân hàng thực hiện theo thứ tự nợ gốc thu trước, nợ lãi tiền vay thu sau.

3. Thứ tự thu hồi nợ gốc, lãi tiền vay, phí và nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) khi khoản nợ của Khách hàng có một hoặc một số kỳ hạn trả nợ bị quá hạn như sau: (i) nợ gốc đã quá hạn<sup>(9)</sup>; (ii) nợ lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả; (iii) nợ gốc đến hạn; (iv) nợ lãi trên nợ gốc mà đến hạn chưa trả; (v) các loại phí; (vi) các nghĩa vụ tài chính khác.

### Điều 7. Đồng tiền sử dụng trong quan hệ tín dụng

1. Khách hàng nhận nợ bằng loại tiền tệ nào thì trả nợ gốc, lãi bằng loại tiền tệ đó. Đồng tiền trả phí và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) quy định tại Hợp đồng tín dụng hạn mức, Hợp đồng tín dụng cụ thể, Hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể là đồng Việt Nam.

2. Trường hợp cho vay bằng ngoại tệ, Khách hàng phải chịu trách nhiệm về việc sử dụng ngoại tệ theo đúng quy định về quản lý ngoại hối của Ngân hàng Nhà nước.

3. Trường hợp Ngân hàng chủ động phong tỏa, trích tiền (ghi nợ)/thực hiện thủ tục tất toán tài khoản tiền gửi mà đồng tiền trong tài khoản tiền gửi khác với đồng tiền Khách hàng phải trả theo quy định tại Hợp đồng tín dụng hạn mức, Hợp đồng tín dụng cụ thể, Hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể thì Ngân hàng được quyền quy đổi số tiền đó theo tỷ giá do Ngân hàng quyết định tại thời điểm quy đổi và trừ phí quy đổi tiền tệ theo quy định của Ngân hàng.

4. Tại thời điểm trả nợ, Ngân hàng và Khách hàng có thể thỏa thuận về việc trả nợ

<sup>7</sup> Nợ gốc đến hạn là nợ gốc đến hạn trả nợ theo lịch trả nợ đã được thỏa thuận hoặc khoản nợ không trả được trước hạn khi chấm dứt Hợp đồng tín dụng

<sup>8</sup> Chi nhánh được lựa chọn thứ tự ưu tiên thanh toán khác tùy thuộc thỏa thuận với từng khách hàng

<sup>9</sup> Nợ gốc quá hạn là nợ gốc của kỳ hạn không trả nợ đúng hạn và không được cơ cấu lại thời hạn trả nợ.



## ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CẤP TÍN DỤNG

(đính kèm 023/2023/153289/HDTD)

bằng đồng tiền khác phù hợp với quy định của của VRB và pháp luật liên quan.

### Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Khách hàng

1. Được yêu cầu Ngân hàng giải ngân vốn vay, phát hành Cam kết bảo lãnh, phát hành L/C với tổng dư nợ tối đa theo hạn mức quy định tại Hợp đồng tín dụng hạn mức khi đã đáp ứng đầy đủ các điều kiện của Ngân hàng và quy định tại bản Điều khoản và điều kiện cấp tín dụng này.

2. Kiểm tra tính xác thực của Cam kết bảo lãnh do Ngân hàng phát hành.

3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc sử dụng vốn vay đúng mục đích, có hiệu quả; báo cáo và cung cấp các chứng từ chứng minh việc sử dụng vốn vay, các chứng từ, tài liệu làm căn cứ để phát hành Cam kết bảo lãnh, L/C và chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của các chứng từ này.

4. Theo yêu cầu của Ngân hàng:

a) Cung cấp cho Ngân hàng các thông tin, tài liệu liên quan đến khoản cấp tín dụng, tình hình hoạt động của Khách hàng và bảo đảm tính trung thực, chính xác của các thông tin, tài liệu này;

b) Tạo điều kiện thuận lợi cho Ngân hàng kiểm tra, giám sát quá trình cấp tín dụng, sử dụng khoản cấp tín dụng, tài sản hình thành từ khoản cấp tín dụng.

5. Cam kết sử dụng các sản phẩm, dịch vụ của Ngân hàng.

6. Chấp thuận cho Ngân hàng được lưu trữ và sử dụng các thông tin về Khách hàng và khoản vay tại Hợp đồng tín dụng hạn mức, Hợp đồng tín dụng cụ thể, Hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể và các văn bản, tài liệu khác có liên quan để sử dụng vào các mục đích mà Ngân hàng cho là phù hợp và cần thiết, bao gồm nhưng không giới hạn việc cung cấp thông tin tin cho các tổ chức cung cấp sản phẩm thông tin tín dụng, các công ty con/công ty liên kết của Ngân hàng và cam kết không có khiếu nại, khiếu kiện về việc sử dụng thông tin này của Ngân hàng.

7. Khách hàng phải thông báo bằng văn bản trước/kịp thời cho Ngân hàng về các thay đổi sau:

a) Những thay đổi ảnh hưởng hoặc đe dọa đến giá trị của tài sản thế chấp, tài sản đầu tư bằng vốn vay.

b) Những thay đổi về vốn, tài sản ảnh hưởng đến khả năng tài chính của Khách hàng và những thay đổi khác có liên quan đến việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ và lãi vay cho Ngân hàng.

c) Đổi tên, thay địa chỉ trụ sở chính của Khách hàng.

d) Khách hàng có chủ trương/chuẩn bị thực hiện thay đổi hình thức sở hữu, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, cổ phần hóa, chuyển quyền sở hữu, ngừng hoạt động, giải thể... hoặc những thay đổi có tính chất tương tự (riêng đối với trường hợp này, Khách hàng phải thông báo và được Ngân hàng chấp thuận).

e) Bất kỳ thay đổi nào về tình trạng pháp lý của Khách hàng, Bên bảo đảm, tài sản bảo đảm.

f) Có những tranh chấp trong nội bộ Khách hàng có liên quan đến khoản cấp tín dụng tại Ngân hàng.

8. Trong trường hợp không trả được nợ, Khách hàng phải thực hiện các nghĩa vụ theo thoả thuận trong Hợp đồng bảo đảm liên quan đến Hợp đồng tín dụng hạn mức (nếu có). Nếu tiền thu được do xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán nợ gốc và lãi vay thì Khách hàng có nghĩa vụ tiếp tục sử dụng mọi tài sản và thu nhập hợp pháp khác để thanh toán hết số tiền còn lại cho Ngân hàng.

9. Trước khi thay đổi hình thức sở hữu, chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, Khách hàng phải trả hết nợ gốc và lãi vay cho Ngân hàng hoặc phải thông báo trước cho Ngân hàng và được Ngân hàng chấp thuận.

10. Trong thời gian Khách hàng chưa trả hết nợ gốc và lãi vay, Khách hàng chỉ được nhượng bán tài sản đầu tư bằng vốn vay sau khi có chấp thuận bằng văn bản của Ngân hàng và với điều kiện toàn bộ tiền thu được phải chuyển hết vào tài khoản tiền gửi mở tại Ngân hàng để hoàn trả nợ gốc và lãi vay (nội dung này phải được quy định rõ trong hợp đồng mua bán tài sản). Nếu không đủ, Khách hàng phải dùng các nguồn khác để trả nợ gốc và lãi vay Ngân hàng.

11. Bảo hiểm:



## ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CẤP TÍN DỤNG

(đính kèm 023/2023/153289/HĐTD)

a) Đối với những khoản vay bắt buộc mua bảo hiểm theo quy định của pháp luật và/hoặc theo yêu cầu của Ngân hàng, Khách hàng cam kết mua bảo hiểm theo đúng quy định. Số tiền bảo hiểm trong trường hợp phát sinh rủi ro sẽ được chuyển thẳng vào tài khoản tiền gửi của Khách hàng tại Ngân hàng và Ngân hàng được toàn quyền quyết định việc sử dụng số tiền bảo hiểm này, kể cả việc giữ lại trên tài khoản để dùng vào mục đích trả nợ vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức, Hợp đồng tín dụng cụ thể.

b) Khách hàng ủy quyền vô điều kiện và không hủy ngang cho Ngân hàng nộp Đơn đề nghị thanh toán tiền bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm mà vì bất kỳ lý do nào đó Khách hàng đã không hoặc không thể thực hiện được quyền yêu cầu thanh toán tiền bảo hiểm;

c) Trong bất kỳ trường hợp nào, nếu Khách hàng không thanh toán kịp thời phí bảo hiểm, Ngân hàng được quyền chủ động phong tỏa, trích/thực hiện thủ tục tất toán tài khoản tiền gửi của Khách hàng để thanh toán tiền phí bảo hiểm. Trường hợp số dư tài khoản tiền gửi của Khách hàng không có đủ để thanh toán phí bảo hiểm, Ngân hàng có quyền (nhưng không phải là nghĩa vụ) thực hiện cho vay bắt buộc để thanh toán tiền phí bảo hiểm với số tiền cho vay bằng chênh lệch giữa số tiền phí bảo hiểm theo lịch thanh toán phí bảo hiểm trừ đi số dư có trên tài khoản tiền gửi của Khách hàng. Khách hàng có trách nhiệm hoàn trả đầy đủ số tiền vay trong thời gian sớm nhất cộng với lãi suất cho vay đối với số tiền cho vay bắt buộc đó.

12. Trong trường hợp Khách hàng vi phạm các điều khoản tại Hợp đồng này, Hợp đồng tín dụng cụ thể, Hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể, Khách hàng phải thanh toán toàn bộ các chi phí mà Ngân hàng đã chi trả cho việc thực hiện các biện pháp thu hồi nợ.

### Điều 9. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng

1. Yêu cầu Khách hàng cung cấp toàn bộ các báo cáo về tình hình tài chính, tình hình sản xuất kinh doanh và thông tin cần thiết liên quan đến vốn vay.

2. Ngân hàng có quyền từ chối cho vay, phát hành Cam kết bảo lãnh, L/C nếu Khách hàng không đáp ứng được các yêu cầu, điều kiện theo quy định của Ngân hàng.

3. Kiểm tra trước, trong, sau khi cho vay

vốn và quá trình thu nợ, thu lãi đến khi Khách hàng trả hết nợ vay.

4. Ngân hàng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn tất cả các khoản cấp tín dụng chưa thanh toán và xử lý tài sản bảo đảm của Khách hàng/Bên bảo đảm trong các trường hợp xảy ra một trong các Sự kiện theo quy định tại Điều 10 của bản Điều khoản và điều kiện cấp tín dụng này.

5. Khi thực hiện chấm dứt cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn theo Khoản 4 Điều này, Ngân hàng sẽ thông báo cụ thể cho khách hàng. Nội dung thông báo sẽ bao gồm thời điểm chấm dứt cấp tín dụng, thu hồi nợ vay trước hạn; số dư nợ gốc bị thu hồi trước hạn; thời hạn phải trả số dư nợ gốc bị thu hồi trước hạn; thời điểm chuyển nợ quá hạn và lãi suất áp dụng đối với số dư nợ gốc bị thu hồi trước hạn.

6. Từ chối thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh khi Cam kết bảo lãnh hết hiệu lực hoặc hồ sơ yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh không đáp ứng đủ các điều kiện quy định trong Cam kết bảo lãnh, hoặc có bằng chứng chứng minh chứng từ xuất trình là giả mạo.

7. Xem xét chấp thuận việc trả nợ trước hạn.

8. Được lưu trữ và sử dụng các thông tin về Khách hàng và khoản vay tại Hợp đồng tín dụng và các văn bản, tài liệu khác có liên quan để sử dụng vào các mục đích mà Ngân hàng cho là cần thiết, phù hợp và không trái quy định của pháp luật, bao gồm nhưng không giới hạn việc cung cấp thông tin cho các tổ chức cung cấp sản phẩm thông tin tín dụng, các công ty con/công ty liên kết của Ngân hàng.

9. Chuyển nhượng: (i) quyền và nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng tín dụng hạn mức, Hợp đồng tín dụng cụ thể cho các chủ thể khác (bán nợ) theo quy định về mua bán nợ của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, (ii) quyền và nghĩa vụ phát sinh từ Cam kết bảo lãnh; và thông báo cho Khách hàng.

10. Yêu cầu Khách hàng bổ sung các tài sản bảo đảm trong trường hợp Khách hàng không đáp ứng được chính sách tài sản bảo đảm theo quy định của Ngân hàng, hoặc không còn đáp ứng được các điều kiện tại thời điểm phê duyệt cấp tín dụng.

11. Ngân hàng có quyền bù trừ các nghĩa



**ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CẤP TÍN DỤNG**  
(đính kèm 023/2023/153289/HĐTD)

vụ của Khách hàng đối với Ngân hàng theo quy định tại Hợp đồng này và/hoặc các văn kiện tín dụng, văn kiện bảo đảm được xác lập với Ngân hàng thông qua phương thức: (i) phong tỏa, trích/thực hiện thủ tục tất toán tài khoản tiền gửi của Khách hàng mở tại các Chi nhánh trong hệ thống Ngân hàng; và/hoặc (ii) chủ động đối trừ bất kỳ nghĩa vụ nào khác của Khách hàng tại Ngân hàng. Ngân hàng không phải thông báo cho Khách hàng, bên thứ ba trước khi thực hiện bù trừ các nghĩa vụ được Ngân hàng xác định là nghĩa vụ nợ phải trả của Khách hàng.

12. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Hợp đồng này và theo quy định của pháp luật.

**Điều 10. Sự kiện ảnh hưởng đến khả năng trả nợ của khách hàng**

1. Trong Hợp đồng này, Sự kiện ảnh hưởng đến khả năng trả nợ của khách hàng gồm các trường hợp sau:

a) Khách hàng vi phạm bất kỳ nghĩa vụ thanh toán nợ gốc, lãi, phí phát sinh, bất kỳ khoản cấp tín dụng, các cam đoan và bảo đảm, các điều kiện tiên quyết trước khi giải ngân và các nghĩa vụ khác phát sinh từ Hợp đồng tín dụng hạn mức, Hợp đồng tín dụng cụ thể, Hợp đồng bảo lãnh cụ thể cũng như các văn bản, thỏa thuận ký kết với Ngân hàng, vi phạm Quy chế cho vay, Quy chế bảo lãnh của Ngân hàng Nhà Nước, các quy định của pháp luật;

a) Khách hàng không thông báo cho Ngân hàng về các thay đổi theo quy định tại Khoản 7 Điều 8;

b) Sự kiện biến động thị trường hoặc các yếu tố khác, theo nhận định của Ngân hàng, làm ảnh hưởng tiêu cực hoặc tác động bất lợi đến hiệu quả của phương án sử dụng vốn, tình hình tài chính, tình hình sản xuất, kinh doanh của Khách hàng;

c) Khách hàng và/hoặc Bên bảo đảm vi phạm Hợp đồng bảo đảm, bất kỳ thỏa thuận, cam kết nào về bảo đảm nghĩa vụ với Ngân hàng;

d) Khách hàng không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ duy trì số dư tiền gửi, doanh số thanh toán qua tài khoản thanh toán của Khách hàng tại Ngân hàng trong trường hợp các bên có thỏa thuận;

e) Việc duy trì khoản vay, theo nhận định

của Ngân hàng, dẫn đến Ngân hàng vi phạm các quy định pháp luật, các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

f) Theo yêu cầu hoặc nhằm tuân thủ bất kỳ phán quyết, quyết định, chỉ thị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc bất kỳ văn bản, quy định pháp luật nào;

g) Bên bảo đảm vi phạm pháp luật trong việc tạo lập, quản lý, sử dụng tài sản bảo đảm mà việc vi phạm này, theo đánh giá của Ngân hàng, sẽ ảnh hưởng xấu đến hoặc tạo ra sự cản trở đối với việc xử lý tài sản bảo đảm hoặc vi phạm này có thể dẫn đến Nhà nước tịch thu, thu hồi tài sản bảo đảm;

h) Những thay đổi khác về tài sản bảo đảm dẫn đến nguy cơ không xử lý, quản lý được tài sản bảo đảm theo nhận định của Ngân hàng;

i) Khách hàng và/hoặc Bên bảo đảm có liên quan đến các vụ kiện mà theo nhận định của Ngân hàng là có ảnh hưởng tiêu cực hoặc tác động bất lợi đến tài sản, nguồn tiền của Khách hàng và/hoặc Bên bảo đảm;

j) Khách hàng và/hoặc Bên bảo đảm cung cấp thông tin sai sự thật trước hoặc sau khi được cấp tín dụng;

k) Khách hàng và/hoặc Bên bảo đảm (nếu có) là cá nhân chết mà không có người thừa kế hợp pháp hoặc là tổ chức bị giải thể, phá sản, chấm dứt, tạm ngừng hoạt động.

l) Khách hàng (bao gồm cả chủ sở hữu/người quản lý/người điều hành/người đại diện theo pháp luật của khách hàng) và/hoặc Bên bảo đảm xảy ra sự kiện: Bị mất năng lực hành vi dân sự/bị hạn chế năng lực hành vi dân sự/có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi (nếu là cá nhân) hoặc bị khởi tố/điều tra/truy tố/xét xử về hình sự/chịu trách nhiệm hình sự/bị áp dụng hình phạt về hình sự.

m) Khách hàng, Bên bảo đảm có một hoặc một số khoản cấp tín dụng chuyển sang nợ quá hạn và/hoặc có nguy cơ không có khả năng trả nợ theo nhận định của Ngân hàng;

n) Các nguy cơ khác ảnh hưởng đến khả năng trả nợ của Khách hàng, bao gồm nhưng không giới hạn Khách hàng bị phạt hoặc bị liên đới đến các trách nhiệm pháp lý mà có nguy cơ phải bồi thường tài chính hoặc nộp phạt trị giá từ năm phần trăm (5%) vốn chủ sở hữu trở lên.

o) Khách hàng vi phạm bất kỳ nghĩa vụ



## ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CẤP TÍN DỤNG (đính kèm 023/2023/153289/HĐTĐ)

nào phát sinh từ các Hợp đồng bảo đảm tiền vay bảo đảm cho khoản vay/cam kết bảo lãnh.

s) Một trong những chủ thể trong nhóm khách hàng liên quan của Khách hàng vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng. Người có liên quan theo thỏa thuận của các bên bao gồm:<sup>10</sup>

- Doanh nghiệp là công ty mẹ và/hoặc công ty con của Khách hàng;

- Doanh nghiệp có cùng công ty mẹ với Khách hàng;

- Doanh nghiệp mà Khách hàng: (i) sở hữu từ 50% vốn điều lệ/tổng số cổ phần phổ thông/vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên; và/hoặc (ii) có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp quyết định bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, người quản lý khác, thành viên Ban kiểm soát của doanh nghiệp đó; và/hoặc (iii) có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của doanh nghiệp đó.

- Tổ chức hoặc cá nhân (i) sở hữu từ 50% vốn điều lệ/tổng số cổ phần phổ thông/vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên tại Khách hàng; và/hoặc (ii) có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp quyết định bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, người quản lý khác, thành viên Ban kiểm soát của Khách hàng; và/hoặc (iii) có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Khách hàng.

t) Khách hàng:

- Vi phạm nghĩa vụ đối với bất kỳ khoản cấp tín dụng nào (dù đến hạn thanh toán hoặc phải thanh toán trước hạn do sự kiện vi phạm nghĩa vụ của khách hàng) tại bất kỳ tổ chức tín

dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nào<sup>11</sup>;

- Bị xếp nợ cần chú ý trở lên tại bất kỳ tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nào theo kết quả tra cứu thông tin tín dụng của Khách hàng trên hệ thống CIC.

u) Khi một nghĩa vụ trả nợ được bảo đảm bằng một hoặc nhiều tài sản bảo đảm, biện pháp bảo đảm mà tài sản bảo đảm hoặc biện pháp bảo đảm này bị xử lý hoặc được thực thi để thanh toán cho một nghĩa vụ khác thì nghĩa vụ trả nợ này tuy chưa đến hạn cũng được xem là đến hạn và Khách hàng phải thanh toán nợ trước hạn cho Ngân hàng, trừ trường hợp được Ngân hàng chấp thuận khác.

v) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật hoặc Hợp đồng tín dụng hạn mức, Hợp đồng cấp bảo lãnh hạn mức, Hợp đồng tín dụng cụ thể, Hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể và Hợp đồng bảo đảm.

2. Khi phát sinh bất kỳ một sự kiện nào ảnh hưởng đến khả năng trả nợ của khách hàng, Ngân hàng được quyền yêu cầu Khách hàng thực hiện các biện pháp cần thiết để khắc phục trong một thời gian hợp lý do Ngân hàng quyết định. Trường hợp Khách hàng không khắc phục hoặc khắc phục không đầy đủ, Ngân hàng có quyền dừng giải ngân vốn vay/cấp tín dụng mới và thực hiện các biện pháp cần thiết để thu hồi nợ, bao gồm nhưng không giới hạn: tạm khóa và/hoặc ghi nợ bất kỳ tài khoản nào của Khách hàng để thu nợ trước hạn hoặc đến hạn; khởi kiện, phát mại tài sản của Khách hàng đang ký quỹ, cầm cố, thế chấp tại Ngân hàng, đình chỉ cho vay và thu hồi nợ trước hạn.

### Điều 11. Điều khoản chung

1. Khách hàng cam kết đã hoàn tất các thủ tục cần thiết trong nội bộ công ty để được ký Hợp đồng tín dụng hạn mức, Hợp đồng tín dụng cụ thể, Hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể và các văn bản, tài liệu có liên quan.

2. Thông báo: Mọi thông báo và thư từ giao dịch giữa hai bên được gửi theo địa chỉ nêu tại Phần đầu của Hợp đồng tín dụng này (trừ trường hợp đã có thông báo thay đổi địa chỉ khác bằng văn bản) và được lập thành văn bản và có chữ ký của người có thẩm quyền; nếu được chuyển bằng bưu điện thì ngày gửi

<sup>10</sup> Trường hợp văn bản ủy nhiệm cấp tín dụng của Hội sở chính (đối với các khoản cấp tín dụng thuộc thẩm quyền phán quyết tín dụng của Hội sở chính) có quy định khác về những trường hợp được xác định là người có liên quan của khách hàng, Chi nhánh chủ động sửa đổi, bổ sung điều khoản này theo nội dung ủy nhiệm cấp tín dụng của Hội sở chính.

<sup>11</sup> Trên cơ sở đàm phán với Khách hàng, Chi nhánh chủ động quyết định việc giữ/lược bỏ nội dung này trong trường hợp Khách hàng không chấp thuận.



**ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CẤP TÍN DỤNG**  
(đính kèm 023/2023/153289/HĐTD)

đi được coi là ngày theo dấu xác nhận của bưu điện cơ sở nơi chuyên.

3. Khách hàng sẽ có mặt tại địa chỉ nêu tại phần các bên tham gia Hợp đồng tín dụng hạn mức hoặc địa chỉ khác được thông báo cho Ngân hàng để nhận các thông tin thực hiện và giải quyết tranh chấp Hợp đồng. Trường hợp Khách hàng không có mặt tại địa chỉ này liên tục ba mươi (30) ngày và không thông báo địa chỉ mới cho Ngân hàng thì Khách hàng được coi là giấu địa chỉ, cố tình trốn tránh nghĩa vụ thực hiện (bao gồm cả nghĩa vụ trả nợ) Hợp đồng. Khi đó, Ngân hàng được quyền khởi kiện và đề nghị Toà án thụ lý vụ án theo thủ tục chung và xét xử vắng mặt Khách hàng mà không cần tiến hành bất kỳ thủ tục pháp lý nào khác.



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ GIẢI NGÂN KIÊM HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG CỤ THỂ**  
(Áp dụng đối với khoản vay theo hạn mức tín dụng đối với KH cá nhân và KH pháp nhân)  
Số Hợp đồng: 02HM.023/2023/153289/HĐTD

Kính gửi: Ngân hàng Liên doanh Việt – Nga – Chi nhánh Vũng Tàu  
– Phòng giao dịch Trần Hưng Đạo

Bên vay: **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG DIC HOLDINGS**

Địa chỉ đăng ký : Tòa nhà Ruby Tower, số 12 đường 3/2, phường 8, Tp. Vũng Tàu  
Mã số doanh nghiệp : 3500686978  
Giấy ĐKKD số : 3500686978 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh BR-VT cấp ngày 28/01/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 23 ngày 30/06/2022  
Điện thoại : 0254.613518 Fax: 0254.585070  
Tài khoản tiền gửi : VND 201810006978888 tại VRB Vũng Tàu  
Người đại diện : **LÊ ĐÌNH THẮNG** Chức vụ: **Chủ tịch HĐQT**

Căn cứ: Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 023/2023/153289/HĐTD ký ngày 15/01/2024 (sau đây gọi là “Hợp đồng tín dụng”)

Đề nghị Ngân hàng Liên doanh Việt – Nga - Chi nhánh Vũng Tàu – PGD Trần Hưng Đạo cho Tôi rút số tiền vay là: **4.954.499.263 VND** (Bằng chữ: **Bốn tỷ, chín trăm năm mươi bốn triệu, bốn trăm chín mươi chín ngàn, hai trăm sáu mươi ba đồng**)

Thời hạn vay: 11 tháng.

Để thanh toán theo nội dung dưới đây:

Stt	Nội dung	Số hiệu CTKT	Số tiền (đồng)	Tên đơn vị, số tài khoản, Ngân hàng người thụ hưởng		
1	DICcons - Giá trị khối lượng thanh toán đợt 2 Cung cấp, lắp đặt hệ thống phòng cháy và chữa cháy CT PTSC	Uncdvtv ...	282.763.809	Công ty TNHH TM DV PCCC Minh Hoàng	050027229988	Ngân hàng Sacombank - CN Vũng Tàu
2	DICcons - KL đợt 5 nhân công thi công và vật tư cophia Ct PTSC và Giá trị KL đợt 3 nhân công và vật tư đường giao thông CT PTSC	Uncdvtv ...	491.820.522	Công ty TNHH Xây Dựng An Lạc	100000056789	TMCP Quốc Dân - CN BRVT
3	DICcons - Quyết toán đào đắp đất CT 5 sao Đà Lạt	Uncdvtv ...	131.615.113	Công ty TNHH Tỉnh Giang	118000999999	Ngân hàng Vietinbank chi nhánh Lâm Đồng
4	DICcons - Chi phí đồ bảo hộ lao động năm 2023	Uncdvtv ...	111.422.960	Công ty TNHH SX TM Dịch vụ Tân An Phúc	22383368	Ngân hàng TMCP Á Châu
5	DICcons - Kl đợt 11 bơm bê tông, cần phân phối CT A2	Uncdvtv ...	358.617.280	Công ty Cổ phần CKP-Sài Gòn	0064100006049007	OCB - PGD Nguyễn Văn Trỗi
6	DICcons - Tiền phí môi giới kỳ 1 tháng 1/2024	Uncdvtv ...	3.578.259.579	CÔNG TY CỔ PHẦN BÁT ĐỘNG SẢN SG HOLDINGS	1 838 838 838	ACB Bank - CN Nguyễn Văn Trỗi - PGD Phan Xích Long
	<b>Tổng cộng</b>		<b>4.954.499.263</b>			



Tài liệu liên quan: .....

**Chúng tôi cam kết:**

1. Ngay sau khi được Ngân hàng chấp thuận cho vay thì Hợp đồng tín dụng cụ thể này cùng với những nội dung chấp thuận của Ngân hàng trở thành nội dung của Hợp đồng tín dụng và có giá trị ràng buộc quyền và nghĩa vụ của Chúng tôi đối với Ngân hàng, đồng thời là căn cứ pháp lý để giải quyết các tranh chấp sau này. Nếu nội dung chấp thuận của Ngân hàng tại phần duyệt dưới đây về số tiền, lãi suất, thời hạn và các nội dung khác khác với nội dung mà Chúng tôi đề nghị thì nội dung chấp thuận của Ngân hàng sẽ có giá trị áp dụng. Hợp đồng tín dụng cụ thể này có hiệu lực kể từ ngày Ngân hàng chấp nhận giải ngân cho đến khi Chúng tôi thanh toán đầy đủ số tiền gốc, lãi, lãi phạt quá hạn (nếu có) và các khoản phí liên quan cho Ngân hàng.

2. Hợp đồng tín dụng cụ thể này được lập thành 04 bản, là một bộ phận không thể tách rời Hợp đồng tín dụng.

3. Toàn bộ nghĩa vụ thanh toán (gốc, lãi, lãi phạt, phí và các chi phí phát sinh theo Hợp đồng và Hợp đồng tín dụng) được bảo đảm bằng các biện pháp thế chấp/cầm cố/ký quỹ/bảo lãnh bằng tài sản của bên vay và/hoặc bên thứ ba/bên bảo đảm theo các Hợp đồng thế chấp/cầm cố/ký quỹ/bảo lãnh (Hợp đồng bảo đảm).

Chúng tôi cam kết thực hiện theo đúng các điều khoản trong Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng tín dụng cụ thể này.

Vũng Tàu, ngày 23 tháng 01 năm 2024



**BÊN VAY**

(ký và ghi rõ họ tên)

**CHỦ TỊCH HĐQT**  
**Lê Đình Thắng**





PHÂN XÉT DUYỆT CỦA NGÂN HÀNG

I. Tình hình giải ngân của khách hàng:

- 1. Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 023/2023/153289/HĐTD ký ngày 15/01/2024
- 2. Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày ký HĐTD
- 3. Biện pháp bảo đảm tín dụng: Các Hợp đồng thế chấp/cầm cố/ký quỹ/bảo lãnh (Hợp đồng bảo đảm) của Bên vay/Bên thứ ba có phạm vi bảo đảm bao gồm Hợp đồng tín dụng này.
- 4. Hạn mức tín dụng: 75.000.000.000 đồng
  - a) Tổng dư nợ vay theo HĐTD hạn mức số: 023/2023/153289/HĐTD ký ngày 15/01/2024 đến thời điểm hiện tại (chưa bao gồm khoản vay theo Hợp đồng tín dụng cụ thể này): 66.372.883.118 đồng.
  - b) Hạn mức tín dụng còn lại được sử dụng: 8.627.116.882 đồng.

II. Không đồng ý khoản vay vốn theo số thứ tự .....

III. Đồng ý để Bên vay được vay vốn để thanh toán các khoản nợ:

- 1. Đồng ý để Bên vay được rút vốn để thanh toán các khoản nợ theo số thứ tự: 1-6  
Với tổng số tiền là: 4.954.499.263 VND (Bằng chữ: Bốn tỷ, chín trăm năm mươi bốn triệu, bốn trăm chín mươi chín ngàn, hai trăm sáu mươi ba đồng).
- 2. Thời hạn vay: 11 tháng Ngày giải ngân: 21/01/2024 Ngày đáo hạn: 31/12/2024
- 3. Lãi suất vay:
  - a) Lãi suất vay trong hạn: 8,0%/năm, cố định trong thời hạn hiệu lực của Hợp đồng này.
  - b) Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn (lãi suất vay đã được điều chỉnh nếu có).
  - c) Lãi chậm trả (áp dụng với số tiền lãi chậm trả): 10%/năm tính trên số tiền lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.
- 4. Lãi suất được trả: Định kỳ hàng tháng vào ngày 18, bắt đầu từ ngày 18/02/2024.
- 5. Phí:
  - a) Phí trả nợ trước hạn: Khách hàng ủy quyền cho Ngân hàng được thu nợ trước hạn, Ngân hàng không thu phí trả nợ trước hạn.
  - b) Phí cam kết rút vốn: Áp dụng theo quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ.
  - c) Phí khác: Áp dụng theo quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ.
- 6. Lịch trả nợ gốc: Cuối kỳ
- 7. Toàn bộ nghĩa vụ trả nợ (gốc, lãi, lãi phạt, phí và các chi phí phát sinh) theo Hợp đồng này được bảo đảm bằng các biện pháp bảo đảm ghi nhận theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 023/2023/153289/HĐTD ký ngày 15/01/2024.
- 8. Các nội dung khác được thực hiện theo quy định tại Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 023/2023/153289/HĐTD ký ngày 15/01/2024
- 9. Hợp đồng này được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, Ngân hàng giữ 03 bản, Khách hàng giữ 01 bản.

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH  
Số chứng thực 022620 Quyền số: 01-SCT/BS

10-12-2024

Vũng Tàu, ngày 21 tháng 01 năm 2024

PHÊ DUYỆT GIẢI NGÂN  
(kỳ, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



*Handwritten signature of the notary*



*Handwritten signature of the bank representative*

CÔNG CHỨNG VIÊN  
NGUYỄN THỊ NGÂN

Lê Văn Chung



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

**GIẤY ĐỀ NGHỊ GIẢI NGÂN KIỂM HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG CỤ THỂ**  
(Áp dụng đối với khoản vay theo hạn mức tín dụng đối với KH cá nhân và KH pháp nhân)  
Số Hợp đồng: 01HM.023/2023/153289/HĐTĐ

Kính gửi: Ngân hàng Liên doanh Việt – Nga – Chi nhánh Vũng Tàu  
– Phòng giao dịch Trần Hưng Đạo

Bên vay: **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG DIC HOLDINGS**

Địa chỉ đăng ký : Tòa nhà Ruby Tower, số 12 đường 3/2, phường 8, Tp. Vũng Tàu

Mã số doanh nghiệp : 3500686978

Giấy ĐKKD số : 3500686978 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh BR-VT cấp ngày  
28/01/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 23 ngày 30/06/2022

Điện thoại : 0254.613518 Fax: 0254.585070

Tài khoản tiền gửi : VND 201810006978888 tại VRB Vũng Tàu

Người đại diện : **LÊ ĐÌNH THẮNG** Chức vụ: **Chủ tịch HĐQT**

Căn cứ: Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 023/2023/153289/HĐTĐ ký ngày 15/01/2024 (sau đây gọi là "**Hợp đồng tín dụng**")

Đề nghị Ngân hàng Liên doanh Việt – Nga - Chi nhánh Vũng Tàu – PGD Trần Hưng Đạo cho Tôi rút số tiền vay là: **1.290.506.472 VND** (Bằng chữ: **Một tỷ, hai trăm chín mươi triệu, năm trăm lẻ sáu ngàn, bốn trăm bảy mươi hai đồng**).

Thời hạn vay: 11 tháng.

Để thanh toán theo nội dung dưới đây:

Stt	Nội dung	Số hiệu CT KT	Số tiền (đồng)	Tên đơn vị, số tài khoản, Ngân hàng người thụ hưởng		
1	DICcons - Khối lượng thanh toán đợt 3 CT A2-1	Unc dtv ...	200.000.000	Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Dịch vụ Xây dựng Mạnh Cường	7601000085 4128	BIDV- CN Vũng Tàu
2	DICcons - Khối lượng thanh toán đợt 3 CT A2-1	Unc dtv ...	207.072.567	Công ty TNHH Đầu tư xây dựng Minh Yên	1677040700 02112	HD Bank - CN Vũng Tàu - PGD Rạch Dừa
3	DICcons - Khối lượng thanh toán đợt 4 CT A2-1	Unc dtv ...	307.481.108	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ & XÂY DỰNG ĐỊA ỐC PHÚC AN	1021396529	Vietcombank - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu
4	DICcons - Khối lượng thanh toán đợt 3 CT A2-1	Unc dtv ...	299.143.558	Công Ty TNHH Đầu Tư Xây Dựng Khôi Nguyên Vũng Tàu	2323555567 89	MB bank - Chi nhánh Vũng Tàu
5	DICcons - Khối lượng thanh toán đợt 6 CT A2-1	Unc dtv ...	110.339.316	CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG & PHÁT TRIỂN GIA HUY PHÁT	7661000012 5996	Ngân Hàng TMCP ĐR và PT Việt Nam-CN Vũng Tàu-Côn Đảo
6	DICcons - Khối lượng thanh toán đợt 5 CT A2-1	Unc dtv ...	166.469.923	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - XÂY DỰNG TÂN ĐẠI PHÁT CHÂU ĐỨC	0501359093 83	Sacombank - Chi nhánh Bà Rịa
<b>Tổng cộng</b>			<b>1.290.506.472</b>			



Tài liệu liên quan: .....

**Chúng tôi cam kết:**

1. Ngay sau khi được Ngân hàng chấp thuận cho vay thì Hợp đồng tín dụng cụ thể này cùng với những nội dung chấp thuận của Ngân hàng trở thành nội dung của Hợp đồng tín dụng và có giá trị ràng buộc quyền và nghĩa vụ của Chúng tôi đối với Ngân hàng, đồng thời là căn cứ pháp lý để giải quyết các tranh chấp sau này. Nếu nội dung chấp thuận của Ngân hàng tại phần duyệt dưới đây về số tiền, lãi suất, thời hạn và các nội dung khác khác với nội dung mà Chúng tôi đề nghị thì nội dung chấp thuận của Ngân hàng sẽ có giá trị áp dụng. Hợp đồng tín dụng cụ thể này có hiệu lực kể từ ngày Ngân hàng chấp nhận giải ngân cho đến khi Chúng tôi thanh toán đầy đủ số tiền gốc, lãi, lãi phạt quá hạn (nếu có) và các khoản phí liên quan cho Ngân hàng.

2. Hợp đồng tín dụng cụ thể này được lập thành 04 bản, là một bộ phận không thể tách rời Hợp đồng tín dụng.

3. Toàn bộ nghĩa vụ thanh toán (gốc, lãi, lãi phạt, phí và các chi phí phát sinh theo Hợp đồng và Hợp đồng tín dụng) được bảo đảm bằng các biện pháp thế chấp/cầm cố/ký quỹ/bảo lãnh bằng tài sản của bên vay và/hoặc bên thứ ba/bên bảo đảm theo các Hợp đồng thế chấp/cầm cố/ký quỹ/bảo lãnh (Hợp đồng bảo đảm).

Chúng tôi cam kết thực hiện theo đúng các điều khoản trong Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng tín dụng cụ thể này.

Vũng Tàu, ngày 1 tháng 2 năm 2024

**BÊN VAY**  
(ký và ghi rõ họ tên)



CHỦ TỊCH HĐQT  
Lê Đình Thắng





## PHÂN XÉT DUYỆT CỦA NGÂN HÀNG

### I. Tình hình giải ngân của khách hàng:

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 023/2023/153289/HĐTD ký ngày 15/01/2024
- Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày ký HĐTD
- Biện pháp bảo đảm tín dụng: Các Hợp đồng thế chấp/cầm cố/ký quỹ/bảo lãnh (Hợp đồng bảo đảm) của Bên vay/Bên thứ ba có phạm vi bảo đảm bao gồm Hợp đồng tín dụng này.
- Hạn mức tín dụng: 100.000.000.000 đồng
  - Tổng dư nợ vay theo HĐTD hạn mức số: 023/2023/153289/HĐTD ký ngày 15/01/2024 đến thời điểm hiện tại (chưa bao gồm khoản vay theo Hợp đồng tín dụng cụ thể này): 71.327.382.381 đồng.
  - Hạn mức tín dụng còn lại được sử dụng: 28.672.617.619 đồng.

### II. Không đồng ý khoản vay vốn theo số thứ tự .....

### III. Đồng ý để Bên vay được rút vốn để thanh toán các khoản nợ:

- Đồng ý để Bên vay được rút vốn để thanh toán các khoản nợ theo số thứ tự: 1-6  
Với tổng số tiền là: 1.290.506.472 VND (Bằng chữ: Một tỷ, hai trăm chín mươi triệu, năm trăm lẻ sáu ngàn, bốn trăm bảy mươi hai đồng).
- Thời hạn vay: 11 tháng Ngày giải ngân: 11/02/2024 Ngày đáo hạn: 11/01/2025
- Lãi suất vay:
  - Lãi suất vay trong hạn: 8,0%/năm, cố định trong thời hạn hiệu lực của Hợp đồng này.
  - Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn (lãi suất vay đã được điều chỉnh nếu có).
  - Lãi chậm trả (áp dụng với số tiền lãi chậm trả): 10%/năm tính trên số tiền lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.
- Lãi suất được trả: Định kỳ hàng tháng vào ngày 18, bắt đầu từ ngày 18/02/2024.
- Phí:
  - Phí trả nợ trước hạn: Khách hàng ủy quyền cho Ngân hàng được thu nợ trước hạn, Ngân hàng không thu phí trả nợ trước hạn.
  - Phí cam kết rút vốn: Áp dụng theo quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ.
  - Phí khác: Áp dụng theo quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ.
- Lịch trả nợ gốc: Cuối kỳ
- Toàn bộ nghĩa vụ trả nợ (gốc, lãi, lãi phạt, phí và các chi phí phát sinh) theo Hợp đồng này được bảo đảm bằng các biện pháp bảo đảm ghi nhận theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 023/2023/153289/HĐTD ký ngày 15/01/2024.
- Các nội dung khác được thực hiện theo quy định tại Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 023/2023/153289/HĐTD ký ngày 15/01/2024
- Hợp đồng này được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, Ngân hàng giữ 03 bản, Khách hàng giữ 01 bản.

**CHÍNH THỨC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

Số chứng thực: 02 2620 Quyền số: 01-SCT/BS Vũng Tàu, ngày 11 tháng 02 năm 2024



CÔNG CHỨNG VIÊN  
NGUYỄN THỊ NGÂN

**PHÊ DUYỆT GIẢI NGÂN**

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



Lê Văn Châu



18

3

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ GIẢI NGÂN KIỂM HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG CỤ THỂ**  
*(Áp dụng đối với khoản vay theo hạn mức tín dụng đối với KH cá nhân và KH pháp nhân)*  
Số Hợp đồng: 03HM.023/2023/153289/HĐTD

Kính gửi: Ngân hàng Liên doanh Việt – Nga – Chi nhánh Vũng Tàu  
– Phòng giao dịch Trần Hưng Đạo

Bên vay: **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG DIC HOLDINGS**

Địa chỉ đăng ký : Tòa nhà Ruby Tower, số 12 đường 3/2, phường 8, Tp. Vũng Tàu

Mã số doanh nghiệp : 3500686978

Giấy ĐKKD số : 3500686978 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh BR-VT cấp ngày 28/01/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 23 ngày 30/06/2022

Điện thoại : 0254.613518 Fax: 0254.585070

Tài khoản tiền gửi : VND 201810006978888 tại VRB Vũng Tàu

Người đại diện : **LÊ ĐÌNH THẮNG** Chức vụ: **Chủ tịch HĐQT**

Căn cứ: Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 023/2023/153289/HĐTD ký ngày 15/01/2024 (sau đây gọi là “Hợp đồng tín dụng”)

Đề nghị Ngân hàng Liên doanh Việt – Nga - Chi nhánh Vũng Tàu – PGD Trần Hưng Đạo cho Tôi rút số tiền vay là: **2.200.794.968 VND** (Bằng chữ: Hai tỷ, hai trăm triệu, bảy trăm chín mươi bốn ngàn, chín trăm sáu mươi tám đồng).

Thời hạn vay: 11 tháng.

Đề thanh toán theo nội dung dưới đây:

Stt	Nội dung	Số hiệu CT KT	Số tiền (đồng)	Tên đơn vị, số tài khoản, Ngân hàng người thụ hưởng		
1	DICcons - KL đợt 4 v/v cung cấp và lắp đặt hệ thống điều hoà không khí CT Viettel	Unc dtv ...	489.932.675	Công ty TNHH Cơ Điện Lạnh Gia Nguyễn ✕	3502256321 ✓	MB Bank - CN Vũng Tàu
2	DICcons - Tiền cát, gạch xây A2	Unc dtv ...	450.000.000	Công ty TNHH vật liệu xây dựng Long Tân	76610002255686 ✓	BIDV - Vũng Tàu Côn Đảo
3	DICcons - KL đợt 10 thi công cấp dự ứng lực A2	Unc dtv ...	470.007.874	Công ty CP Vật tư Thiết bị Công trình Minh đức	03201013658889 ✓	MSB - CN Thanh Xuân Hà Nội
4	DICcons - QT Thi công VP BCH CT PTSC	Unc dtv ...	152.040.081	Công ty TNHH Cơ khí Vũ Hùng ✕	6090201008480 ✓	Agribank - CN Vũng Tàu
5	DICcons - Thanh toán tiền theo thư bảo lãnh số GI23BD8451	Unc dtv ...	330.500.397	Công ty TNHH Đầu Tư Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Thép An Phú	090 834 0068 ✓	TMCP Sài Gòn Thương Tín - PGD Tân Thành, CN BRVT
6	DICcons - Tiền ổng pk ổng điện ct A2	Unc dtv ...	308.313.941	Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Ngọc Nguyễn	61593359 ✓	ACB - CN Tùng Thiện Phương, Quận 8, TP HCM
	<b>Tổng cộng</b>		<b>2.200.794.968</b>			





Tài liệu liên quan: .....

**Chúng tôi cam kết:**

1. Ngay sau khi được Ngân hàng chấp thuận cho vay thì Hợp đồng tín dụng cụ thể này cùng với những nội dung chấp thuận của Ngân hàng trở thành nội dung của Hợp đồng tín dụng và có giá trị ràng buộc quyền và nghĩa vụ của Chúng tôi đối với Ngân hàng, đồng thời là căn cứ pháp lý để giải quyết các tranh chấp sau này. Nếu nội dung chấp thuận của Ngân hàng tại phần duyệt dưới đây về số tiền, lãi suất, thời hạn và các nội dung khác khác với nội dung mà Chúng tôi đề nghị thì nội dung chấp thuận của Ngân hàng sẽ có giá trị áp dụng. Hợp đồng tín dụng cụ thể này có hiệu lực kể từ ngày Ngân hàng chấp nhận giải ngân cho đến khi Chúng tôi thanh toán đầy đủ số tiền gốc, lãi, lãi phạt quá hạn (nếu có) và các khoản phí liên quan cho Ngân hàng.

2. Hợp đồng tín dụng cụ thể này được lập thành 04 bản, là một bộ phận không thể tách rời Hợp đồng tín dụng.

3. Toàn bộ nghĩa vụ thanh toán (gốc, lãi, lãi phạt, phí và các chi phí phát sinh theo Hợp đồng và Hợp đồng tín dụng) được bảo đảm bằng các biện pháp thế chấp/cầm cố/ký quỹ/bảo lãnh bằng tài sản của bên vay và/hoặc bên thứ ba/bên bảo đảm theo các Hợp đồng thế chấp/cầm cố/ký quỹ/bảo lãnh (Hợp đồng bảo đảm).

Chúng tôi cam kết thực hiện theo đúng các điều khoản trong Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng tín dụng cụ thể này.

Vũng Tàu, ngày 3 tháng 2 năm 2024

**BÊN VAY**

(ký và ghi rõ họ tên)



CHỦ TỊCH HĐQT  
Lê Đình Thắng





## PHẦN XÉT DUYỆT CỦA NGÂN HÀNG

### I. Tình hình giải ngân của khách hàng:

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 023/2023/153289/HĐTD ký ngày 15/01/2024
- Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày ký HĐTD
- Biện pháp bảo đảm tín dụng: Các Hợp đồng thế chấp/cầm cố/ký quỹ/bảo lãnh (Hợp đồng bảo đảm) của Bên vay/Bên thứ ba có phạm vi bảo đảm bao gồm Hợp đồng tín dụng này.
- Hạn mức tín dụng: 100.000.000.000 đồng
  - Tổng dư nợ vay theo HĐTD hạn mức số: 023/2023/153289/HĐTD ký ngày 15/01/2024 đến thời điểm hiện tại (chưa bao gồm khoản vay theo Hợp đồng tín dụng cụ thể này): 12.647.388.853 đồng.
  - Hạn mức tín dụng còn lại được sử dụng: 27.352.611.147 đồng.

### II. Không đồng ý khoản vay vốn theo số thứ tự .....

### III. Đồng ý để Bên vay được vay vốn để thanh toán các khoản nợ:

- Đồng ý để Bên vay được rút vốn để thanh toán các khoản nợ theo số thứ tự: 1-6  
Với tổng số tiền là: 2.200.794.968 VND (Bằng chữ: Hai tỷ, hai trăm triệu, bảy trăm chín mươi bốn ngàn, chín trăm sáu mươi tám đồng).
- Thời hạn vay: 11 tháng Ngày giải ngân: 18/02/2024 Ngày đáo hạn: 29/01/2025
- Lãi suất vay:
  - Lãi suất vay trong hạn: 8,0%/năm, cố định trong thời hạn hiệu lực của Hợp đồng này.
  - Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn (lãi suất vay đã được điều chỉnh nếu có).
  - Lãi chậm trả (áp dụng với số tiền lãi chậm trả): 10%/năm tính trên số tiền lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.
- Lãi suất được trả: Định kỳ hàng tháng vào ngày 18, bắt đầu từ ngày 18/02/2024.
- Phí:
  - Phí trả nợ trước hạn: Khách hàng ủy quyền cho Ngân hàng được thu nợ trước hạn, Ngân hàng không thu phí trả nợ trước hạn.
  - Phí cam kết rút vốn: Áp dụng theo quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ.
  - Phí khác: Áp dụng theo quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ.
- Lịch trả nợ gốc: Cuối kỳ
- Toàn bộ nghĩa vụ trả nợ (gốc, lãi, lãi phạt, phí và các chi phí phát sinh) theo Hợp đồng này được bảo đảm bằng các biện pháp bảo đảm ghi nhận theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 023/2023/153289/HĐTD ký ngày 15/01/2024.
- Các nội dung khác được thực hiện theo quy định tại Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 023/2023/153289/HĐTD ký ngày 15/01/2024
- Hợp đồng này được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, Ngân hàng giữ 03 bản, Khách hàng giữ 01 bản.

**CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**  
Số chứng thực 022620 Quyền số: 01-SCT/BS

Kỳung Tàu, ngày 1 tháng 02 năm 2024

10-12-2024

**PHÊ DUYỆT GIẢI NGÂN**

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

GIÁM ĐỐC



Le Văn Thủy

**CÔNG CHỨNG VIÊN**  
**NGUYỄN THỊ NGÂN**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

**GIẤY ĐỀ NGHỊ GIẢI NGÂN KIÊM HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG CỤ THỂ**  
(Áp dụng đối với khoản vay theo hạn mức tín dụng đối với KH cá nhân và KH pháp nhân)  
Số Hợp đồng: 04HM.023/2023/153289/HĐTĐ

Kính gửi: Ngân hàng Liên doanh Việt – Nga – Chi nhánh Vũng Tàu  
– Phòng giao dịch Trần Hưng Đạo

Bên vay: **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG DIC HOLDINGS**

Địa chỉ đăng ký : Tòa nhà Ruby Tower, số 12 đường 3/2, phường 8, Tp. Vũng Tàu

Mã số doanh nghiệp : 3500686978

Giấy ĐKKD số : 3500686978 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh BR-VT cấp ngày  
28/01/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 23 ngày 30/06/2022

Điện thoại : 0254.613518 Fax: 0254.585070

Tài khoản tiền gửi : VND 201810006978888 tại VRB Vũng Tàu

Người đại diện : **LÊ ĐÌNH THẮNG** Chức vụ: **Chủ tịch HĐQT**

Căn cứ: Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 023/2023/153289/HĐTĐ ký ngày 15/01/2024 (sau đây gọi là "**Hợp đồng tín dụng**")

Đề nghị Ngân hàng Liên doanh Việt – Nga - Chi nhánh Vũng Tàu – PGD Trần Hưng Đạo cho Tôi rút số tiền vay là: **1.223.683.994 VND** (Bằng chữ: **Một tỷ, hai trăm hai mươi ba triệu, sáu trăm tám mươi ba ngàn, chín trăm chín mươi bốn đồng**).

Thời hạn vay: 11 tháng.

Đề thanh toán theo nội dung dưới đây:

Stt	Nội dung	Số hiệu CTKT	Số tiền (đồng)	Tên đơn vị, số tài khoản, Ngân hàng người thụ hưởng		
1	DICcons - Giá trị khối lượng quyết toán hạng mục thi công sơn nước CT khu nhà ở Gò Cát 9dợt 1)	Unedtv ...	209.325.267	Công ty TNHH TM DV &XD Trúc Vy	142467867 8	Ngân hàng TMCP Á Châu CN Vũng Tàu
2	DICcons - Giá trị KL bung mực CT A2 đợt 2	Unedtv ...	137.363.094	Công ty TNHH HTH A&C	964666668	TMCP Á Châu, CN Vũng Tàu
3	DICcons - QT hệ thống cấp thoát nước, ống luồn điện CT An Sương	Unedtv ...	100.088.725	Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Dịch vụ Xây dựng Mạnh Cường	760100008 54128	BIDV - CN Vũng Tàu
4	DICcons - QT KL thi công nhà Gò Cát	Unedtv ...	200.000.000	Công ty TNHH TMDV Công Nghiệp Sài Gòn Vũng Tàu	7661 0000 106548	BIDV - CN Vũng Tàu
5	DICcons - KL đợt 9 thi công cấp dự ứng lực A2	Unedtv ...	376.906.908	Công ty CP Vật tư Thiết bị Công trình Minh đức	032010136 58889	MSB - CN Thanh Xuân Hà Nội
6	DICcons - Tiền cát đá CT A2	Unedtv ...	200.000.000	CÔNG TY TNHH VŨ ĐỨC TRỌNG	7661 0000 138888	BIDV - CN Vũng Tàu Côn Đảo
	<b>Tổng cộng</b>		<b>1.223.683.994</b>			

Tài liệu liên quan: .....

**Chúng tôi cam kết:**

1. Ngay sau khi được Ngân hàng chấp thuận cho vay thì Hợp đồng tín dụng cụ thể này cùng với những nội dung chấp thuận của Ngân hàng trở thành nội dung của Hợp đồng tín dụng và có



giá trị ràng buộc quyền và nghĩa vụ của Chúng tôi đối với Ngân hàng, đồng thời là căn cứ pháp lý để giải quyết các tranh chấp sau này. Nếu nội dung chấp thuận của Ngân hàng tại phần duyệt dưới đây về số tiền, lãi suất, thời hạn và các nội dung khác khác với nội dung mà Chúng tôi đề nghị thì nội dung chấp thuận của Ngân hàng sẽ có giá trị áp dụng. Hợp đồng tín dụng cụ thể này có hiệu lực kể từ ngày Ngân hàng chấp nhận giải ngân cho đến khi Chúng tôi thanh toán đầy đủ số tiền gốc, lãi, lãi phạt quá hạn (nếu có) và các khoản phí liên quan cho Ngân hàng.

2. Hợp đồng tín dụng cụ thể này được lập thành 04 bản, là một bộ phận không thể tách rời Hợp đồng tín dụng.

3. Toàn bộ nghĩa vụ thanh toán (gốc, lãi, lãi phạt, phí và các chi phí phát sinh theo Hợp đồng và Hợp đồng tín dụng) được bảo đảm bằng các biện pháp thế chấp/cầm cố/ký quỹ/bảo lãnh bằng tài sản của bên vay và/hoặc bên thứ ba/bên bảo đảm theo các Hợp đồng thế chấp/cầm cố/ký quỹ/bảo lãnh (Hợp đồng bảo đảm).

Chúng tôi cam kết thực hiện theo đúng các điều khoản trong Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng tín dụng cụ thể này.

Vũng Tàu, ngày 5 tháng 2 năm 2024

**BÊN VAY**  
(ký và ghi rõ họ tên)  
  


CHỦ TỊCH HĐQT  
Lê Đình Thắng

NGÂN HÀNG  
15  
36978



## PHẦN XÉT DUYỆT CỦA NGÂN HÀNG

### I. Tình hình giải ngân của khách hàng:

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 023/2023/153289/HĐTD ký ngày 15/01/2024
- Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày ký HĐTD
- Biện pháp bảo đảm tín dụng: Các Hợp đồng thế chấp/cầm cố/ký quỹ/bảo lãnh (Hợp đồng bảo đảm) của Bên vay/Bên thứ ba có phạm vi bảo đảm bao gồm Hợp đồng tín dụng này.
- Hạn mức tín dụng: 100.000.000.000 đồng
  - Tổng dư nợ vay theo HĐTD hạn mức số: 023/2023/153289/HĐTD ký ngày 15/01/2024 đến thời điểm hiện tại (chưa bao gồm khoản vay theo Hợp đồng tín dụng cụ thể này): 75.848.622.21 đồng.
  - Hạn mức tín dụng còn lại được sử dụng: 25.151.377.79 đồng.

### II. Không đồng ý khoản vay vốn theo số thứ tự.....

### III. Đồng ý để Bên vay được vay vốn để thanh toán các khoản nợ:

- Đồng ý để Bên vay được rút vốn để thanh toán các khoản nợ theo số thứ tự: 1-6  
Với tổng số tiền là: 1.223.683.994 VND (Bằng chữ: Một tỷ, hai trăm hai mươi ba triệu, sáu trăm tám mươi ba ngàn, chín trăm chín mươi bốn đồng).
- Thời hạn vay: 11 tháng Ngày giải ngân: 05/02/2024 Ngày đáo hạn: 06/01/2025
- Lãi suất vay:
  - Lãi suất vay trong hạn: 8,0%/năm, cố định trong thời hạn hiệu lực của Hợp đồng này.
  - Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn (lãi suất vay đã được điều chỉnh nếu có).
  - Lãi chậm trả (áp dụng với số tiền lãi chậm trả): 10%/năm tính trên số tiền lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.
- Lãi suất được trả: Định kỳ hàng tháng vào ngày 18, bắt đầu từ ngày 18/02/2024.
- Phí:
  - Phí trả nợ trước hạn: Khách hàng ủy quyền cho Ngân hàng được thu nợ trước hạn, Ngân hàng không thu phí trả nợ trước hạn.
  - Phí cam kết rút vốn: Áp dụng theo quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ.
  - Phí khác: Áp dụng theo quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ.
- Lịch trả nợ gốc: Cuối kỳ
- Toàn bộ nghĩa vụ trả nợ (gốc, lãi, lãi phạt, phí và các chi phí phát sinh) theo Hợp đồng này được bảo đảm bằng các biện pháp bảo đảm ghi nhận theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 023/2023/153289/HĐTD ký ngày 15/01/2024.
- Các nội dung khác được thực hiện theo quy định tại Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 023/2023/153289/HĐTD ký ngày 15/01/2024
- Hợp đồng này được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, Ngân hàng giữ 03 bản, Khách hàng giữ 01 bản.

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH  
Số chứng thực 02262 Quyền số: 01-SCT/BS

10-12-2024

Vũng Tàu, ngày 05 tháng 02 năm 2024

PHÊ DUYỆT GIẢI NGÂN

(kỳ, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



CÔNG CHỨNG VIÊN  
NGUYỄN THỊ NGÂN



Lê Văn Chung



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ GIẢI NGÂN KIÊM HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG CỤ THỂ**  
(Áp dụng đối với khoản vay theo hạn mức tín dụng đối với KH cá nhân và KH pháp nhân)  
Số Hợp đồng: 05HM.023/2023/153289/HĐTD

Kính gửi: Ngân hàng Liên doanh Việt – Nga – Chi nhánh Vũng Tàu  
– Phòng giao dịch Trần Hưng Đạo

Bên vay: **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG DIC HOLDINGS**

Địa chỉ đăng ký : Tòa nhà Ruby Tower, số 12 đường 3/2, phường 8, Tp. Vũng Tàu

Mã số doanh nghiệp : 3500686978

Giấy ĐKKD số : 3500686978 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh BR-VT cấp ngày 28/01/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 23 ngày 30/06/2022

Điện thoại : 0254.613518 Fax: 0254.585070

Tài khoản tiền gửi : VND 201810006978888 tại VRB Vũng Tàu

Người đại diện : **LÊ ĐÌNH THẮNG** Chức vụ: **Chủ tịch HĐQT**

Căn cứ: Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 023/2023/153289/HĐTD ký ngày 15/01/2024 (sau đây gọi là "**Hợp đồng tín dụng**")

Đề nghị Ngân hàng Liên doanh Việt – Nga - Chi nhánh Vũng Tàu – PGD Trần Hưng Đạo cho Tôi rút số tiền vay là: **5.000.000.000 VND (Bằng chữ: Năm tỷ đồng)**.

Thời hạn vay: 11 tháng.

Đề thanh toán theo nội dung dưới đây:

Stt	Nội dung	Số hiệu CTK T	Số tiền (đồng)	Tên đơn vị, số tài khoản, Ngân hàng người thụ hưởng		
1	Thanh toán tiền bê tông CT Hilton	Uncdt v...	5.000.000.000	Công ty CP Đầu tư Phát triển Xây dựng Bê tông	76 000 55684	BIDV, BR VT
	<b>Tổng cộng</b>		<b>5.000.000.000</b>			

Tài liệu liên quan: .....

**Chúng tôi cam kết:**

1. Ngay sau khi được Ngân hàng chấp thuận cho vay thì Hợp đồng tín dụng cụ thể này cùng với những nội dung chấp thuận của Ngân hàng trở thành nội dung của Hợp đồng tín dụng và có giá trị ràng buộc quyền và nghĩa vụ của Chúng tôi đối với Ngân hàng, đồng thời là căn cứ pháp lý để giải quyết các tranh chấp sau này. Nếu nội dung chấp thuận của Ngân hàng tại phần duyệt dưới đây về số tiền, lãi suất, thời hạn và các nội dung khác khác với nội dung mà Chúng tôi đề nghị thì nội dung chấp thuận của Ngân hàng sẽ có giá trị áp dụng. Hợp đồng tín dụng cụ thể này có hiệu lực kể từ ngày Ngân hàng chấp nhận giải ngân cho đến khi Chúng tôi thanh toán đầy đủ số tiền gốc, lãi, lãi phạt quá hạn (nếu có) và các khoản phí liên quan cho Ngân hàng.

2. Hợp đồng tín dụng cụ thể này được lập thành 04 bản, là một bộ phận không thể tách rời Hợp đồng tín dụng.



3. Toàn bộ nghĩa vụ thanh toán (gốc, lãi, lãi phạt, phí và các chi phí phát sinh theo Hợp đồng và Hợp đồng tín dụng) được bảo đảm bằng các biện pháp thế chấp/cầm cố/ký quỹ/bảo lãnh bằng tài sản của bên vay và/hoặc bên thứ ba/bên bảo đảm theo các Hợp đồng thế chấp/cầm cố/ký quỹ/bảo lãnh (Hợp đồng bảo đảm).

Chúng tôi cam kết thực hiện theo đúng các điều khoản trong Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng tín dụng cụ thể này.

Vũng Tàu, ngày 5 tháng 2 năm 2024



CHỦ TỊCH HĐQT  
Lê Đình Thắng



## PHẦN XÉT DUYỆT CỦA NGÂN HÀNG

### I. Tình hình giải ngân của khách hàng:

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 023/2023/153289/HĐTD ký ngày 15/01/2024
- Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày ký HĐTD
- Biện pháp bảo đảm tín dụng: Các Hợp đồng thế chấp/cầm cố/ký quỹ/bảo lãnh (Hợp đồng bảo đảm) của Bên vay/Bên thứ ba có phạm vi bảo đảm bao gồm Hợp đồng tín dụng này.
- Hạn mức tín dụng: 100.000.000.000 đồng
  - Tổng dư nợ vay theo HĐTD hạn mức số: 023/2023/153289/HĐTD ký ngày 15/01/2024 đến thời điểm hiện tại (chưa bao gồm khoản vay theo Hợp đồng tín dụng cụ thể này): 76.042.367.815 đồng.
  - Hạn mức tín dụng còn lại được sử dụng: 23.957.632.185 đồng.

### II. Không đồng ý khoản vay vốn theo số thứ tự.....

### III. Đồng ý để Bên vay được vay vốn để thanh toán các khoản nợ:

- Đồng ý để Bên vay được rút vốn để thanh toán các khoản nợ theo số thứ tự: 1  
Với tổng số tiền là: 5.000.000.000 VND (Bằng chữ: Năm tỷ đồng).
- Thời hạn vay: 11 tháng Ngày giải ngân: 06/02/2024 Ngày đáo hạn: 06/01/2025
- Lãi suất vay:
  - Lãi suất vay trong hạn: 8,0%/năm, cố định trong thời hạn hiệu lực của Hợp đồng này.
  - Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn (lãi suất vay đã được điều chỉnh nếu có).
  - Lãi chậm trả (áp dụng với số tiền lãi chậm trả): 10%/năm tính trên số tiền lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.
- Lãi suất được trả: Định kỳ hàng tháng vào ngày 18, bắt đầu từ ngày 18/02/2024.
- Phí:
  - Phí trả nợ trước hạn: Khách hàng ủy quyền cho Ngân hàng được thu nợ trước hạn, Ngân hàng không thu phí trả nợ trước hạn.
  - Phí cam kết rút vốn: Áp dụng theo quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ.
  - Phí khác: Áp dụng theo quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ.
- Lịch trả nợ gốc: Cuối kỳ
- Toàn bộ nghĩa vụ trả nợ (gốc, lãi, lãi phạt, phí và các chi phí phát sinh) theo Hợp đồng này được bảo đảm bằng các biện pháp bảo đảm ghi nhận theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 023/2023/153289/HĐTD ký ngày 15/01/2024.
- Các nội dung khác được thực hiện theo quy định tại Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 023/2023/153289/HĐTD ký ngày 15/01/2024
- Hợp đồng này được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, Ngân hàng giữ 03 bản, Khách hàng giữ 01 bản. Số chứng thực 022620 Quyền số: 01-SCT/BS.

Vũng Tàu, ngày 06 tháng 02 năm 2024

PHÊ DUYỆT GIẢI NGÂN

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



CÔNG CHỨNG VIÊN  
NGUYỄN THỊ NGÂN



GIÁM ĐỐC

Lê Văn Cường



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

**GIẤY ĐỀ NGHỊ GIẢI NGÂN KIÊM HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG CỤ THỂ**  
(Áp dụng đối với khoản vay theo hạn mức tín dụng đối với KH cá nhân và KH pháp nhân)  
Số Hợp đồng: 06HM.023/2023/153289/HĐTD

Kính gửi: Ngân hàng Liên doanh Việt – Nga – Chi nhánh Vũng Tàu  
– Phòng giao dịch Trần Hưng Đạo

Bên vay: **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG DIC HOLDINGS**

Địa chỉ đăng ký : Tòa nhà Ruby Tower, số 12 đường 3/2, phường 8, Tp. Vũng Tàu  
Mã số doanh nghiệp : 3500686978  
Giấy ĐKKD số : 3500686978 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh BR-VT cấp ngày  
28/01/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 23 ngày 30/06/2022  
Điện thoại : 0254.613518 Fax: 0254.585070  
Tài khoản tiền gửi : VND 201810006978888 tại VRB Vũng Tàu  
Người đại diện : **LÊ ĐÌNH THẮNG** Chức vụ: **Chủ tịch HĐQT**

Căn cứ: Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 023/2023/153289/HĐTD ký ngày 15/01/2024 (sau đây gọi là “Hợp đồng tín dụng”)

Đề nghị Ngân hàng Liên doanh Việt – Nga - Chi nhánh Vũng Tàu – PGD Trần Hưng Đạo cho Tôi rút số tiền vay là **2.340.309.888 VND (Bằng chữ: Hai tỷ, ba trăm bốn mươi triệu, ba trăm lẻ chín ngàn, tám trăm tám mươi tám đồng).**

Thời hạn vay: 11 tháng.

Đề thanh toán theo nội dung dưới đây:

Stt	Nội dung	Số hiệu CTK T	Số tiền (đồng)	Tên đơn vị, số tài khoản, Ngân hàng người thụ hưởng		
1	Thanh toán phí dịch vụ kỳ 02 tháng 1/2024, phí marketing và chi phí thi công chỉnh sửa khu vực Sale Gallery và căn hộ mẫu của dự án Chung cư A2-1	Unctd v...	2.340.309.888	Công ty Cổ Phần Bất Động Sản SG Holdings	1 838 838 838	ACB Bank - CN Nguyễn Văn Trỗi - PGD Phan Xích Long
	<b>Tổng cộng</b>		<b>2.340.309.888</b>			

Tài liệu liên quan: .....

**Chúng tôi cam kết:**

1. Ngay sau khi được Ngân hàng chấp thuận cho vay thì Hợp đồng tín dụng cụ thể này cùng với những nội dung chấp thuận của Ngân hàng trở thành nội dung của Hợp đồng tín dụng và có giá trị ràng buộc quyền và nghĩa vụ của Chúng tôi đối với Ngân hàng, đồng thời là căn cứ pháp lý để giải quyết các tranh chấp sau này. Nếu nội dung chấp thuận của Ngân hàng tại phần duyệt dưới đây về số tiền, lãi suất, thời hạn và các nội dung khác khác với nội dung mà Chúng tôi đề nghị thì nội dung chấp thuận của Ngân hàng sẽ có giá trị áp dụng. Hợp đồng tín dụng cụ thể này có hiệu lực kể từ ngày Ngân hàng chấp nhận giải ngân cho đến khi Chúng tôi thanh toán đầy đủ số tiền

00 010 765





gốc, lãi, lãi phạt quá hạn (nếu có) và các khoản phí liên quan cho Ngân hàng.

2. Hợp đồng tín dụng cụ thể này được lập thành 04 bản, là một bộ phận không thể tách rời Hợp đồng tín dụng.

3. Toàn bộ nghĩa vụ thanh toán (gốc, lãi, lãi phạt, phí và các chi phí phát sinh theo Hợp đồng và Hợp đồng tín dụng) được bảo đảm bằng các biện pháp thế chấp/cầm cố/ký quỹ/bảo lãnh bằng tài sản của bên vay và/hoặc bên thứ ba/bên bảo đảm theo các Hợp đồng thế chấp/cầm cố/ký quỹ/bảo lãnh (Hợp đồng bảo đảm).

Chúng tôi cam kết thực hiện theo đúng các điều khoản trong Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng tín dụng cụ thể này.



---

**CHỦ TỊCH HĐQT**  
**Lê Đình Thắng**



## PHÂN XÉT DUYỆT CỦA NGÂN HÀNG

### I. Tình hình giải ngân của khách hàng:

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 023/2023/153289/HĐTD ký ngày 15/01/2024
- Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày ký HĐTD
- Biện pháp bảo đảm tín dụng: Các Hợp đồng thế chấp/cầm cố/ký quỹ/bảo lãnh (Hợp đồng bảo đảm) của Bên vay/Bên thứ ba có phạm vi bảo đảm bao gồm Hợp đồng tín dụng này.
- Hạn mức tín dụng: 100.000.000.000 đồng
  - Tổng dư nợ vay theo HĐTD hạn mức số: 023/2023/153289/HĐTD ký ngày 15/01/2024 đến thời điểm hiện tại (chưa bao gồm khoản vay theo Hợp đồng tín dụng cụ thể này): 81.042.367.815 đồng.
  - Hạn mức tín dụng còn lại được sử dụng: 18.957.632.185 đồng.

### II. Không đồng ý khoản vay vốn theo số thứ tự.....

### III. Đồng ý để Bên vay được vay vốn để thanh toán các khoản nợ:

- Đồng ý để Bên vay được rút vốn để thanh toán các khoản nợ theo số thứ tự: 1  
Với tổng số tiền là: 2.340.309.888 VND (Bằng chữ: Hai tỷ, ba trăm bốn mươi triệu, ba trăm lẻ chín ngàn, tám trăm tám mươi tám đồng).
- Thời hạn vay: 11 tháng Ngày giải ngân: 29/02/2024 Ngày đáo hạn: 31/01/2025
- Lãi suất vay:
  - Lãi suất vay trong hạn: 7,6%/năm, cố định trong thời hạn hiệu lực của Hợp đồng này
  - Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn (lãi suất vay đã được điều chỉnh nếu có).
  - Lãi chậm trả (áp dụng với số tiền lãi chậm trả): 10%/năm tính trên số tiền lãi chậm trả trong ứng với thời gian chậm trả.
- Lãi suất được trả: Định kỳ hàng tháng vào ngày 18, bắt đầu từ ngày 18/03/2024
- Phí:
  - Phí trả nợ trước hạn: Khách hàng ủy quyền cho Ngân hàng được thu nợ trước hạn; Ngân hàng không thu phí trả nợ trước hạn.
  - Phí cam kết rút vốn: Áp dụng theo quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ.
  - Phí khác: Áp dụng theo quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ.
- Lịch trả nợ gốc: Cuối kỳ
- Toàn bộ nghĩa vụ trả nợ (gốc, lãi, lãi phạt, phí và các chi phí phát sinh) theo Hợp đồng này được bảo đảm bằng các biện pháp bảo đảm ghi nhận theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 023/2023/153289/HĐTD ký ngày 15/01/2024.
- Các nội dung khác được thực hiện theo quy định tại Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 023/2023/153289/HĐTD ký ngày 15/01/2024
- Hợp đồng này được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, Ngân hàng giữ 03 bản, Khách hàng giữ 01 bản.

**CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**  
Số chứng thực: 2 2 6 2 0 Quyền số: 01-SCT/BS

10-12-2024



CÔNG CHỨNG VIÊN  
NGUYỄN THỊ NGÂN

Vũng Tàu, ngày 29 tháng 02 năm 2024

PHÊ DUYỆT GIẢI NGÂN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

GIÁM ĐỐC



Lê Văn Cường



**GIẤY ĐỀ NGHỊ GIẢI NGÂN KIÊM HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG CỤ THỂ**  
(Áp dụng đối với khoản vay theo hạn mức tín dụng đối với KH cá nhân và KH pháp nhân)  
Số Hợp đồng: 07HM.023/2023/153289/HĐTD

Kính gửi: Ngân hàng Liên doanh Việt – Nga – Chi nhánh Vũng Tàu  
– Phòng giao dịch Trần Hưng Đạo

Bên vay: **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG DIC HOLDINGS**

Địa chỉ đăng ký : Tòa nhà Ruby Tower, số 12 đường 3/2, phường 8, Tp. Vũng Tàu

Mã số doanh nghiệp : 3500686978

Giấy ĐKKD số : 3500686978 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh BR-VT cấp ngày  
28/01/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 23 ngày 30/06/2022

Điện thoại : 0254.613518 Fax: 0254.585070

Tài khoản tiền gửi : VND 201810006978888 tại VRB Vũng Tàu

Người đại diện : **LÊ ĐÌNH THẮNG** Chức vụ: **Chủ tịch HĐQT**

Căn cứ: Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 023/2023/153289/HĐTD ký ngày 15/01/2024 (sau đây gọi là "Hợp đồng tín dụng")

Đề nghị Ngân hàng Liên doanh Việt – Nga - Chi nhánh Vũng Tàu – PGD Trần Hưng Đạo cho Tôi rút số tiền vay là **2.605.511.340 VND** (Bằng chữ: Hai tỷ, sáu trăm lẻ năm triệu, năm trăm mười một ngàn, ba trăm bốn mươi đồng).

Thời hạn vay: 11 tháng.

Để thanh toán theo nội dung dưới đây:

Stt	Nội dung	Số hiệu CTK T	Số tiền (đồng)	Tên đơn vị, số tài khoản, Ngân hàng người thụ hưởng		
1	Thanh toán tiền thép CT A2 Chí Linh	Uncdt v...	2.414.675.340	Chi Nhánh Vũng Tàu- Công Ty Cổ Phần Thép Nhân Luật Miền Nam	561100010 62181	BIDV Chi Nhánh Đà Nẵng, TP Đà Nẵng
2	Thanh toán van cửa CT A2 Chí Linh	Uncdt v...	190.836.000	Công ty TNHH TM Kỹ Thuật Xây Dựng Phú Vinh	1622 537 29	ACB Vũng Tàu, CN PGD Trung tâm thương mại
	<b>Tổng cộng</b>		<b>2.605.511.340</b>			

Tài liệu liên quan: .....

**Chúng tôi cam kết:**

1. Ngay sau khi được Ngân hàng chấp thuận cho vay thì Hợp đồng tín dụng cụ thể này cùng với những nội dung chấp thuận của Ngân hàng trở thành nội dung của Hợp đồng tín dụng và có giá trị ràng buộc quyền và nghĩa vụ của Chúng tôi đối với Ngân hàng, đồng thời là căn cứ pháp lý để giải quyết các tranh chấp sau này. Nếu nội dung chấp thuận của Ngân hàng tại phần duyệt dưới đây về số tiền, lãi suất, thời hạn và các nội dung khác khác với nội dung mà Chúng tôi đề nghị thì nội dung chấp thuận của Ngân hàng sẽ có giá trị áp dụng. Hợp đồng tín dụng cụ thể này có hiệu lực kể từ ngày Ngân hàng chấp nhận giải ngân cho đến khi Chúng tôi thanh toán đầy đủ số tiền gốc, lãi, lãi phạt quá hạn (nếu có) và các khoản phí liên quan cho Ngân hàng.





2. Hợp đồng tín dụng cụ thể này được lập thành 04 bản, là một bộ phận không thể tách rời Hợp đồng tín dụng.

3. Toàn bộ nghĩa vụ thanh toán (gốc, lãi, lãi phạt, phí và các chi phí phát sinh theo Hợp đồng và Hợp đồng tín dụng) được bảo đảm bằng các biện pháp thế chấp/cầm cố/ký quỹ/bảo lãnh bằng tài sản của bên vay và/hoặc bên thứ ba/bên bảo đảm theo các Hợp đồng thế chấp/cầm cố/ký quỹ/bảo lãnh (Hợp đồng bảo đảm).

Chúng tôi cam kết thực hiện theo đúng các điều khoản trong Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng tín dụng cụ thể này.

Vũng Tàu, ngày 14 tháng 4 năm 2024



CHỦ TỊCH HĐQT  
Lê Đình Thắng



PHẦN XÉT DUYỆT CỦA NGÂN HÀNG

I. Tình hình giải ngân của khách hàng:

1. Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 023/2023/153289/HĐTD ký ngày 15/01/2024
2. Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày ký HĐTD
3. Biện pháp bảo đảm tín dụng: Các Hợp đồng thế chấp/cầm cố/ký quỹ/bảo lãnh (Hợp đồng bảo đảm) của Bên vay/Bên thứ ba có phạm vi bảo đảm bao gồm Hợp đồng tín dụng này.
4. Hạn mức tín dụng: 100.000.000.000 đồng
  - a) Tổng dư nợ vay theo HĐTD hạn mức số: 023/2023/153289/HĐTD ký ngày 15/01/2024 đến thời điểm hiện tại (chưa bao gồm khoản vay theo Hợp đồng tín dụng cụ thể này): 83.382.677.703 đồng.
  - b) Hạn mức tín dụng còn lại được sử dụng: 16.617.322.297 đồng.

II. Không đồng ý khoản vay vốn theo số thứ tự.....

III. Đồng ý để Bên vay được vay vốn để thanh toán các khoản nợ:

1. Đồng ý để Bên vay được rút vốn để thanh toán các khoản nợ theo số thứ tự: 1-2  
Với tổng số tiền là: 2.605.511.340 VND (Bằng chữ: Hai tỷ, sáu trăm lẻ năm triệu, năm trăm mười một ngàn, ba trăm bốn mươi đồng).
2. Thời hạn vay: 11 tháng Ngày giải ngân: 21/02/2024 Ngày đáo hạn: 5/01/2025
3. Lãi suất vay:
  - a) Lãi suất vay trong hạn: 7,6%/năm, cố định trong thời hạn hiệu lực của Hợp đồng này.
  - b) Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn (lãi suất vay đã được điều chỉnh nếu có).
  - c) Lãi chậm trả (áp dụng với số tiền lãi chậm trả): 10%/năm tính trên số tiền lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.
4. Lãi suất được trả: Định kỳ hàng tháng vào ngày 18, bắt đầu từ ngày 18/03/2024.
5. Phí:
  - a) Phí trả nợ trước hạn: Khách hàng ủy quyền cho Ngân hàng được thu nợ trước hạn, Ngân hàng không thu phí trả nợ trước hạn.
  - b) Phí cam kết rút vốn: Áp dụng theo quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ.
  - c) Phí khác: Áp dụng theo quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ.
6. Lịch trả nợ gốc: Cuối kỳ
7. Toàn bộ nghĩa vụ trả nợ (gốc, lãi, lãi phạt, phí và các chi phí phát sinh) theo Hợp đồng này được bảo đảm bằng các biện pháp bảo đảm ghi nhận theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 023/2023/153289/HĐTD ký ngày 15/01/2024.
8. Các nội dung khác được thực hiện theo quy định tại Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 023/2023/153289/HĐTD ký ngày 15/01/2024
9. Hợp đồng này được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, Ngân hàng giữ 03 bản, Khách hàng giữ 01 bản.



CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH  
Số chứng 02-2620 Quyền số: 01-SCT/BS

10-12-2024



CÔNG CHỨNG VIÊN  
NGUYỄN THỊ NGÂN

Vũng Tàu, ngày 03 tháng 12 năm 2024

PHÊ DUYỆT GIẢI NGÂN

(Ký ghi rõ họ tên và đóng dấu)

GIÁM ĐỐC



Lê Văn Cường



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

**GIẤY ĐỀ NGHỊ GIẢI NGÂN KIÊM HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG CỤ THỂ**  
(Áp dụng đối với khoản vay theo hạn mức tín dụng đối với KH cá nhân và KH pháp nhân)  
Số Hợp đồng: 08HM.023/2023/153289/HĐTD

Kính gửi: Ngân hàng Liên doanh Việt – Nga – Chi nhánh Vũng Tàu  
– Phòng giao dịch Trần Hưng Đạo

Bên vay: **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG DIC HOLDINGS**

Địa chỉ đăng ký : Tòa nhà Ruby Tower, số 12 đường 3/2, phường 8, Tp. Vũng Tàu

Mã số doanh nghiệp : 3500686978

Giấy ĐKKD số : 3500686978 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh BR-VT cấp ngày  
28/01/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 23 ngày 30/06/2022

Điện thoại : 0254.613518 Fax: 0254.585070

Tài khoản tiền gửi : VND 201810006978888 tại VRB Vũng Tàu

Người đại diện : **LÊ ĐÌNH THẮNG** Chức vụ: **Chủ tịch HĐQT**

Căn cứ: Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 023/2023/153289/HĐTD ký ngày 15/01/2024 (sau đây gọi là “Hợp đồng tín dụng”)

Đề nghị Ngân hàng Liên doanh Việt – Nga - Chi nhánh Vũng Tàu – PGD Trần Hưng Đạo cho Tôi rút số tiền vay là **771.613.925 VND** (Bằng chữ: Bảy trăm bảy mươi một triệu, sáu trăm mười ba ngàn, chín trăm hai mươi lăm đồng).

Thời hạn vay: 11 tháng.

Đề thanh toán theo nội dung dưới đây:

Stt	Nội dung	Số hiệu CTK T	Số tiền (đồng)	Tên đơn vị, số tài khoản, Ngân hàng người thụ hưởng		
1	Phí giám sát thi công xây dựng A2 từ tháng 7/2023-12/2023	Unedt v...	100.000.000	Công ty CP Tư vấn kiểm định xây dựng Tỉnh BRVT	760100000 00417	BIDV - CN BRVT
2	KL đợt 4 thi công xây nhà Gò Cát	Unedt v...	236.496.700	Công Ty TNHH Chí Đức	080010100 42413	TMCP Hàng Hải Việt Nam - CN Vũng Tàu
3	KL đợt 1 thi công xây nhà Gò Cát	Unedt v...	239.241.338	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TRỌNG ĐẠT	908694868	Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Vũng Tàu
4	KL đợt 8 thi công xây nhà Gò Cát	Unedt v...	82.501.167	Công ty TNHH TV ĐTXD & TM Hùng Thịnh Phát	1677 0407 000 2885	HD Bank - CN Vũng Tàu
5	Chi phí đồ bảo hộ lao động năm 2023	Unedt v...	113.374.720	Công ty TNHH SX TM Dịch vụ Tân An Phúc	22383368	Ngân hàng TMCP Á Châu
	<b>Tổng cộng</b>		<b>771.613.925</b>			

Tài liệu liên quan: .....

**Chúng tôi cam kết:**



1. Ngay sau khi được Ngân hàng chấp thuận cho vay thì Hợp đồng tín dụng cụ thể này cùng với những nội dung chấp thuận của Ngân hàng trở thành nội dung của Hợp đồng tín dụng và có giá trị ràng buộc quyền và nghĩa vụ của Chúng tôi đối với Ngân hàng, đồng thời là căn cứ pháp lý để giải quyết các tranh chấp sau này. Nếu nội dung chấp thuận của Ngân hàng tại phần duyệt dưới đây về số tiền, lãi suất, thời hạn và các nội dung khác khác với nội dung mà Chúng tôi đề nghị thì nội dung chấp thuận của Ngân hàng sẽ có giá trị áp dụng. Hợp đồng tín dụng cụ thể này có hiệu lực kể từ ngày Ngân hàng chấp nhận giải ngân cho đến khi Chúng tôi thanh toán đầy đủ số tiền gốc, lãi, lãi phạt quá hạn (nếu có) và các khoản phí liên quan cho Ngân hàng.

2. Hợp đồng tín dụng cụ thể này được lập thành 04 bản, là một bộ phận không thể tách rời Hợp đồng tín dụng.

3. Toàn bộ nghĩa vụ thanh toán (gốc, lãi, lãi phạt, phí và các chi phí phát sinh theo Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng tín dụng) được bảo đảm bằng các biện pháp thế chấp/cầm cố/ký quỹ/bảo lãnh bằng tài sản của bên vay và/hoặc bên thứ ba/bên bảo đảm theo các Hợp đồng thế chấp/cầm cố/ký quỹ/bảo lãnh (Hợp đồng bảo đảm).

Chúng tôi cam kết thực hiện theo đúng các điều khoản trong Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng tín dụng cụ thể này.

Vũng Tàu, ngày 1 tháng 3 năm 2024

*Le* BÊN VAY



CHỦ TỊCH HĐQT

Lê Đình Thắng



## PHẦN XÉT DUYỆT CỦA NGÂN HÀNG

### I. Tình hình giải ngân của khách hàng:

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 023/2023/153289/HĐTD ký ngày 15/01/2024
- Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày ký HĐTD
- Biện pháp bảo đảm tín dụng: Các Hợp đồng thế chấp/cầm cố/ký quỹ/bảo lãnh (Hợp đồng bảo đảm) của Bên vay/Bên thứ ba có phạm vi bảo đảm bao gồm Hợp đồng tín dụng này.
- Hạn mức tín dụng: 100.000.000.000 đồng
  - Tổng dư nợ vay theo HĐTD hạn mức số: 023/2023/153289/HĐTD ký ngày 15/01/2024 đến thời điểm hiện tại (chưa bao gồm khoản vay theo Hợp đồng tín dụng cụ thể này): 85.988.189.043 đồng.
  - Hạn mức tín dụng còn lại được sử dụng: 14.011.810.957 đồng.

### II. Không đồng ý khoản vay vốn theo số thứ tự.....

### III. Đồng ý để Bên vay được vay vốn để thanh toán các khoản nợ:

- Đồng ý để Bên vay được rút vốn để thanh toán các khoản nợ theo số thứ tự: 1-5  
Với tổng số tiền là: **771.613.925 VND** (Bằng chữ: *Bảy trăm bảy mươi một triệu, sáu trăm mười ba ngàn, chín trăm hai mươi lăm đồng*).
- Thời hạn vay: 11 tháng Ngày giải ngân: 5/03/2024 Ngày đáo hạn: 5/02/2025
- Lãi suất vay:
  - Lãi suất vay trong hạn: 7,6%/năm, cố định trong thời hạn hiệu lực của Hợp đồng này.
  - Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn (lãi suất vay đã được điều chỉnh nếu có).
  - Lãi chậm trả (áp dụng với số tiền lãi chậm trả): 10%/năm tính trên số tiền lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.
- Lãi suất được trả: Định kỳ hàng tháng vào ngày 18, bắt đầu từ ngày 18/03/2024.
- Phí:
  - Phí trả nợ trước hạn: Khách hàng ủy quyền cho Ngân hàng được thu nợ trước hạn, Ngân hàng không thu phí trả nợ trước hạn.
  - Phí cam kết rút vốn: Áp dụng theo quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ.
  - Phí khác: Áp dụng theo quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ.
- Lịch trả nợ gốc: Cuối kỳ
- Toàn bộ nghĩa vụ trả nợ (gốc, lãi, lãi phạt, phí và các chi phí phát sinh) theo Hợp đồng này được bảo đảm bằng các biện pháp bảo đảm ghi nhận theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 023/2023/153289/HĐTD ký ngày 15/01/2024.
- Các nội dung khác được thực hiện theo quy định tại Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 023/2023/153289/HĐTD ký ngày 15/01/2024
- Hợp đồng này được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, Ngân hàng giữ 03 bản, Khách hàng giữ 01 bản.

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH  
Số chứng thực 022620 Quyền số: 01-SCT/BS

10-12-2024

Vũng Tàu, ngày 5 tháng 03 năm 2024

PHÊ DUYỆT GIẢI NGÂN

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



CÔNG CHỨNG VIÊN  
NGUYỄN THỊ NGÂN



GIÁM ĐỐC

Lê Văn Chử



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ GIẢI NGÂN KIỂM HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG CỤ THỂ**  
(Áp dụng đối với khoản vay theo hạn mức tín dụng đối với KH cá nhân và KH pháp nhân)  
Số Hợp đồng: 09HM.023/2023/153289/HĐTĐ

Kính gửi: Ngân hàng Liên doanh Việt – Nga – Chi nhánh Vũng Tàu  
– Phòng giao dịch Trần Hưng Đạo

Bên vay: **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG DIC HOLDINGS**

Địa chỉ đăng ký : Tòa nhà Ruby Tower, số 12 đường 3/2, phường 8, Tp. Vũng Tàu  
Mã số doanh nghiệp : 3500686978  
Giấy ĐKKD số : 3500686978 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh BR-VT cấp ngày 28/01/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 23 ngày 30/06/2022  
Điện thoại : 0254.613518 Fax: 0254.585070  
Tài khoản tiền gửi : VND 201810006978888 tại VRB Vũng Tàu  
Người đại diện : **LÊ ĐÌNH THẮNG** Chức vụ: **Chủ tịch HĐQT**

Căn cứ: Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 023/2023/153289/HĐTĐ ký ngày 15/01/2024 (sau đây gọi là "**Hợp đồng tín dụng**")

Đề nghị Ngân hàng Liên doanh Việt – Nga - Chi nhánh Vũng Tàu – PGD Trần Hưng Đạo cho Tôi rút số tiền vay là **1.781.975.909 VND** (Bằng chữ: *Một tỷ, bảy trăm tám mươi một triệu, chín trăm bảy mươi lăm ngàn, chín trăm lẻ chín đồng*).

Thời hạn vay: 11 tháng.

Đề thanh toán theo nội dung dưới đây:

Stt	Nội dung	Số hiệu CTK T	Số tiền (đồng)	Tên đơn vị, số tài khoản, Ngân hàng người thụ hưởng
1	Kl đợt 12 bơm bê tông, cần phân phối CT A2	Uncdt v...	300.000.000	Công ty Cổ phần CKP- Sài Gòn 006410000 6049007 OCB - PGD Nguyễn Văn Trỗi
2	KL đợt 10 thi công cấp dự ứng lực A2	Uncdt v...	500.000.000	Công ty CP Vật tư Thiết bị Công trình Minh đức 032010136 58889 MSB - CN Thanh Xuân Hà Nội
3	Tiền gạch xây A2	Uncdt v...	355.042.088	Công ty TNHH vật liệu xây dựng Long Tân 766100022 55686 BIDV - Vũng Tàu Côn Đảo
4	Tiền cát thi công công trình A2	Uncdt v...	150.000.000	CÔNG TY TNHH VỮ ĐỨC TRỌNG 7661 0000 13888 BIDV - CN Vũng Tàu Côn Đảo
5	Tiền vật tư ống pk điện CT A2	Uncdt v...	476.933.821	Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Ngọc Nguyễn 61593359 ACB - CN Tùng Thiện Vương, Quận 8, TP HCM
	<b>Tổng cộng</b>		<b>1.781.975.909</b>	

Tài liệu liên quan: .....

**Chúng tôi cam kết:**

1. Ngay sau khi được Ngân hàng chấp thuận cho vay thì Hợp đồng tín dụng cụ thể này cùng



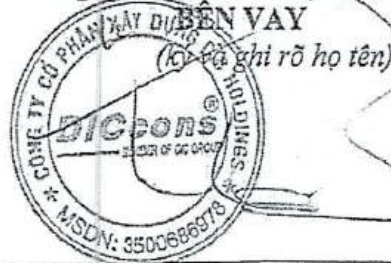
với những nội dung chấp thuận của Ngân hàng trở thành nội dung của Hợp đồng tín dụng và có giá trị ràng buộc quyền và nghĩa vụ của Chúng tôi đối với Ngân hàng, đồng thời là căn cứ pháp lý để giải quyết các tranh chấp sau này. Nếu nội dung chấp thuận của Ngân hàng tại phần duyệt dưới đây về số tiền, lãi suất, thời hạn và các nội dung khác khác với nội dung mà Chúng tôi đề nghị thì nội dung chấp thuận của Ngân hàng sẽ có giá trị áp dụng. Hợp đồng tín dụng cụ thể này có hiệu lực kể từ ngày Ngân hàng chấp nhận giải ngân cho đến khi Chúng tôi thanh toán đầy đủ số tiền gốc, lãi, lãi phạt quá hạn (nếu có) và các khoản phí liên quan cho Ngân hàng.

2. Hợp đồng tín dụng cụ thể này được lập thành 04 bản, là một bộ phận không thể tách rời Hợp đồng tín dụng.

3. Toàn bộ nghĩa vụ thanh toán (gốc, lãi, lãi phạt, phí và các chi phí phát sinh theo Hợp đồng và Hợp đồng tín dụng) được bảo đảm bằng các biện pháp thế chấp/cầm cố/ký quỹ/bảo lãnh bằng tài sản của bên vay và/hoặc bên thứ ba/bên bảo đảm theo các Hợp đồng thế chấp/cầm cố/ký quỹ/bảo lãnh (Hợp đồng bảo đảm).

Chúng tôi cam kết thực hiện theo đúng các điều khoản trong Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng tín dụng cụ thể này.

Vũng Tàu, ngày 1. tháng 3. năm 2024



CHỦ TỊCH HĐQT  
Lê Đình Thắng



## PHẦN XÉT DUYỆT CỦA NGÂN HÀNG

### I. Tình hình giải ngân của khách hàng:

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 023/2023/153289/HĐTD ký ngày 15/01/2024
- Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày ký HĐTD
- Biện pháp bảo đảm tín dụng: Các Hợp đồng thế chấp/cầm cố/ký quỹ/bảo lãnh (Hợp đồng bảo đảm) của Bên vay/Bên thứ ba có phạm vi bảo đảm bao gồm Hợp đồng tín dụng này.
- Hạn mức tín dụng: 100.000.000.000 đồng
  - Tổng dư nợ vay theo HĐTD hạn mức số: 023/2023/153289/HĐTD ký ngày 15/01/2024 đến thời điểm hiện tại (chưa bao gồm khoản vay theo Hợp đồng tín dụng cụ thể này): 86.759.802.968 đồng.
  - Hạn mức tín dụng còn lại được sử dụng: 13.240.197.032 đồng.

### II. Không đồng ý khoản vay vốn theo số thứ tự.....

### III. Đồng ý để Bên vay được vay vốn để thanh toán các khoản nợ:

- Đồng ý để Bên vay được rút vốn để thanh toán các khoản nợ theo số thứ tự: 1-5  
Với tổng số tiền là: 1.781.975.909 VND (Bằng chữ: Một tỷ, bảy trăm tám mươi một triệu, chín trăm bảy mươi lăm ngàn, chín trăm lẻ chín đồng).
- Thời hạn vay: 11 tháng Ngày giải ngân: 06/03/2024 Ngày đáo hạn: 06/02/2025
- Lãi suất vay:
  - Lãi suất vay trong hạn: 7,6%/năm, cố định trong thời hạn hiệu lực của Hợp đồng này.
  - Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn (lãi suất vay đã được điều chỉnh nếu có).
  - Lãi chậm trả (áp dụng với số tiền lãi chậm trả): 10%/năm tính trên số tiền lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.
- Lãi suất được trả: Định kỳ hàng tháng vào ngày 18, bắt đầu từ ngày 18/03/2024.
- Phí:
  - Phí trả nợ trước hạn: Khách hàng ủy quyền cho Ngân hàng được thu nợ trước hạn, Ngân hàng không thu phí trả nợ trước hạn.
  - Phí cam kết rút vốn: Áp dụng theo quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ.
  - Phí khác: Áp dụng theo quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ.
- Lịch trả nợ gốc: Cuối kỳ
- Toàn bộ nghĩa vụ trả nợ (gốc, lãi, lãi phạt, phí và các chi phí phát sinh) theo Hợp đồng này được bảo đảm bằng các biện pháp bảo đảm ghi nhận theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 023/2023/153289/HĐTD ký ngày 15/01/2024.
- Các nội dung khác được thực hiện theo quy định tại Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 023/2023/153289/HĐTD ký ngày 15/01/2024
- Hợp đồng này được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, Ngân hàng giữ 03 bản, Khách hàng giữ 01 bản.

**CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**  
Số chứng thực: 2 6 5 2 Quyền số: 01-SCT/BS

10-12-2024



**CÔNG CHỨNG VIÊN**  
**NGUYỄN THỊ NGÂN**

Vũng Tàu, ngày 06 tháng 03 năm 2024

**PHÊ DUYỆT GIẢI NGÂN**  
(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

CHẤM ĐỌC



*Lê Văn Cường*